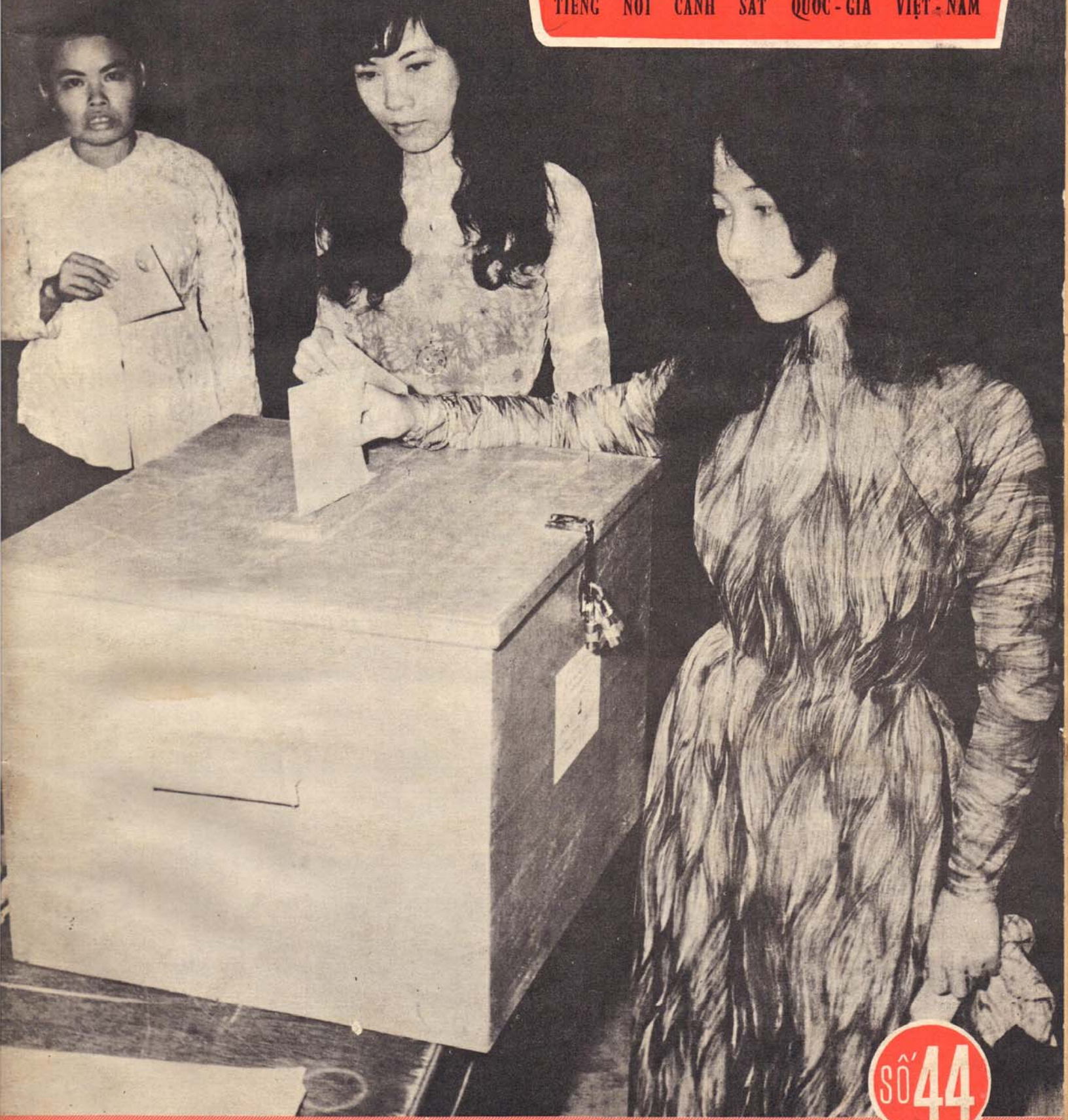


Wason
HV 7879
V5 B2+ 44
1963 no. 44

Ban Dân

TIẾNG NÓI CẢNH SÁT QUỐC - GIA VIỆT - NAM



SỐ 44

<https://tieulun.hopto.org>

Ngày 15-10-1963



BẠN DÂN

Tòa soạn :

241, Đại lộ Cộng Hòa — Saigon

Điện thoại : 24.822/95

Giám-đốc chủ-bút : **NGUYỄN-VĂN-HAY**

Quản-lý : Đặng văn Đức

*

Bìa trước



Bỏ phiếu bầu Quốc-
Hội pháp-nhiệm III

(Ảnh : Văn Thông)

Trong số này :

- * Tết Cộng-hòa 1963 với những thành
quả rực rỡ của Quốc sách Ấp Chiến
lược và Chánh-sách Chiêu-Hối Bạn Dân
- Những người có trách nhiệm trong
thế giới tự-do cần phải đề cao cảnh
giác âm mưu « ly gián » và chiến-thuật
« thả sâu khoét trái » của Cộng-sản Bạn đọc viết
- * Biên bản (tiếp theo) Đàm-t.-Mộc
- Diệt chia rẽ, chống xâm lăng Nguyễn Việt
- * Gia-Cát bình sinh chi học (tiếp theo) Trần đ. Khải
- « Kinh » phải chăng là điều cần
thiết cho tất cả thời đại P. N. Khuê
- * Những hạt dưa mẫu nhiệm Thái v.-Kiếm
- Lễ khánh thành Nhà Bắn và Nhu-
đạo của Nha T.G.Đ.C.S.Q.G. Phóng viên
- * Nghệ thuật lãnh đạo T. H.
- Gáo nghiệm quần áo và tang vật
bị súng bắn N. C Chánh
- * Súng trái khê Smith Wesson
38 Special và súng tự động Colt 45 N. v. Bài
- Công-an Liên-bang Hoa Kỳ (tiếp theo) N. v. Hội
- * Gián - điệp và phản-bội trong thế
chiến II N. T. H.
- Khi người gián điệp biết yêu T. T. Đ.
- * Điểm báo ngoại quốc Người đọc báo
- Nhớ ngày 26 tháng 10 (thơ) Bồ-Y
- * Giới thiệu cơ sở mới : Nha Giám-
độc C.S.Q.G. Miền Đông Nam Phần Ng - v - Ích

GIÁ BẢO

Một Số 10đ — Sáu tháng 60đ

Một năm 100đ

Mọi việc giao dịch, thư từ và bài vở,
liên lạc với TÒA - SOẠN BẠN - DÂN
Bưu phiếu, chi phiếu, ngân phiếu, đề
tên ông Quản lý : Đặng - văn - Đức
241, Đại - lộ Cộng - Hòa — Saigon

Cấm trích dịch, phỏng đăng vào sách báo
ngoại quốc mà không xin phép

Giấy phép : Số 26 - BTT/NĐ ngày 17-2-60

In tại Chấn-Hưng 742. Phan-Thanh-Giản—Saigon



Bìa sau

Phong Cảnh

(Ảnh : Văn Thông)

THÔNG - ĐIỆN

CỦA

TỔNG - THÔNG VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

ĐỌC TẠI QUỐC - HỘI NGÀY 7 THÁNG 10 NĂM 1963

*Thưa Ông Niên trưởng,
Thưa quý Vị Dân biểu,*

Hôm nay khai mạc long trọng khóa họp đầu tiên của pháp-nhiệm III Quốc Hội, tôi hân hạnh chào mừng quý Vị Dân biểu mà dân Việt-Nam, vượt mọi trở ngại, đã tự ý chọn lựa để đại diện nhân dân tại Quốc Hội.

Như quý vị đã thừa hiểu, từ 8 tháng nay, kẻ thù của chúng ta ở trong nước cũng như ngoài nước đã phá hoại bằng mọi cách để ta không thể tổ chức bầu cử. Chúng không từ một thủ đoạn nào để thực hiện âm mưu của chúng là làm sao cho Chế độ của ta sai lệch Hiến pháp và Chánh nghĩa.

Chúng đã thất bại, nhưng quý Vị cũng rõ, chúng vẫn chưa từ bỏ âm mưu.

Như vậy, trong giai đoạn lịch sử này, nhiệm vụ và trách nhiệm của quý Vị quan trọng vô cùng. Quốc dân và chính tôi tin chắc rằng, với lòng ái quốc và trí sáng suốt cùng tinh thần cảnh giác sẵn có, quý vị sẽ thi hành phận sự một cách chu toàn. Trong việc tiếp xúc thường xuyên với quần chúng và hợp tác mật thiết với Chính phủ, quý Vị sẽ bảo vệ, củng cố và phát triển những thành quả của cuộc cách mạng Quốc gia trong mọi lãnh vực, và nhất là cuộc vận động dân chủ của toàn dân trong các Ấp Chiến Lược, đang từ nông thôn bắt đầu tiến về thành thị để thay đổi sâu xa thượng tầng cơ sở quốc gia.

PHẦN THỨ NHẤT

NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CỦA TÌNH HÌNH QUỐC NỘI

1.— ẤP CHIẾN - LƯỢC

Cách đây một năm, tôi đã có dịp trình bày cùng các vị Dân biểu nhiệm kỳ trước vì đâu mà quốc sách Ấp Chiến lược đã có tính chất một cuộc cách mạng chánh trị, xã hội và quân sự, mở đầu cho một kỷ nguyên quyết định của lịch sử Việt-Nam. Khi đó, tôi đã bày tỏ, không phải một ước vọng, nhưng là một điều chắc chắn, đã sớm được xác nhận.

Thật vậy, năm vừa qua quốc sách Ấp Chiến lược đã được thực thi mạnh mẽ về cả hai phương diện Phạm và Lượng. Đó là một sự kiện không phủ nhận được.

Hiện nay trên 8600 Ấp Chiến lược đã được thiết lập xong trong số 11.864 Ấp dự trù và trên 10 triệu rưỡi đồng bào trong các Ấp đó đang đồng tâm nhất trí tranh đấu để xây dựng một đời sống công bằng, tự do, thịnh vượng và huynh đệ hơn.

Trong việc xây dựng Ấp Chiến lược, chúng ta đã chú ý xây cất theo một nhịp nhanh không quá nệ nhút nhút phải hoàn tất kiên cố.

Vì nhờ xây dựng nhanh chóng và cùng một lúc một hệ thống rộng lớn chúng ta nhằm đi trước chặn đứng những phản ứng tất nhiên của đối phương, nhất là bẻ gãy được chiến thuật

(xem tiếp trang 5)

TẾT CỘNG - HÒA 1963

Với những thành quả rực rỡ của

- QUỐC SÁCH ẤP CHIẾN LƯỢC
- VÀ CHÍNH SÁCH CHIÊU HỜI

L AI đến Tết Cộng-Hòa, ngày vui chung của người Việt tự do !

Năm nay, Tết Cộng-Hòa về trên Đất Nước thân yêu chẳng những mang đến cho các giới đồng bào một niềm hân hoan đậm đà mà còn gây cho chúng ta một hứng khởi vô biên : Chánh-phủ và nhân dân ta, cùng một lúc, vừa chiến thắng oai hùng những kẻ thù ở trong và ngoài nước. Âm mưu của bọn Cộng-sản, tay sai của đế-quốc đỏ, liên kết với bọn phiêu lưu quốc tế và bọn phản động để phá hoại nền độc lập và tự do của chúng ta, đã bị đập tan. Tuy biết rằng thua keo này, chúng sẽ bày keo khác với tất cả thủ đoạn độc ác, nhớt nhơ, nhưng nhờ mức độ cảnh giác và tinh thần đoàn kết, dũng cảm của toàn dân toàn quân, chúng ta không hề nao núng.

Trong dịp Tết Cộng-Hòa năm nay, nếu chiến thắng vừa qua đã khích động chúng ta mãnh liệt thì những thành quả rực rỡ của Quốc-sách Ấp Chiến-lược và Chánh-Sách Chiêu-Hời lại càng làm cho chúng ta thêm tin tưởng ở chiến thắng cuối cùng của chính nghĩa Quốc-Gia và ngày huy hoàng của dân tộc.

THÀNH QUẢ CỦA QUỐC SÁCH ẤP CHIẾN-LƯỢC

Được khai sanh trong một tình trạng khó khăn của Đất Nước, Quốc-Sách Ấp Chiến-Lược đã mở đầu cho một kỷ nguyên mới của lịch sử Việt-Nam. Nó là một chiến lược trường kỳ vô cùng trọng đại vừa bao gồm ý nghĩa chiến lược về phương diện an ninh quân sự, vừa bao gồm ý nghĩa chiến lược về phương diện chính trị, cũng như kinh tế xã hội.

Lúc sơ khởi, xuất hiện với bộ mặt kỹ thuật vật-thể thô sơ, phong trào Ấp Chiến-Lược đã là câu hỏi cho nhiều người. Nhưng, qua một thời gian đã thông tư tưởng cùng toàn dân, vận động từ trạng thái lẻ tẻ, tuần tự tiến dần lên, phong trào Ấp Chiến-Lược đã trở thành mục đích sống động, như gió thổi, như nước dâng, sau khi những tâm hồn thông cảm với những tâm hồn, từ người này qua người nọ, từ làng nọ tới làng kia, từ tỉnh này đến tỉnh khác. Nó đã trở thành một phong trào giải phóng mà cương lĩnh càng ngày càng biểu hiện rõ rệt. Và, ngày nay, sau khi hơn 8.600 Ấp được thành lập và sắp kết thúc giai đoạn đầu vào cuối năm 1963 — giai đoạn thực thi, chú trọng trước hết đến mục tiêu chính trị và quân sự — ai ai cũng phải nhìn nhận sự hữu hiệu của quốc-sách Ấp Chiến-Lược.

— Về phương diện chính trị, đồng bào nông thôn, ngay cả ở những vùng hẻo lánh mà trước đây bị Cộng phi trả trộn quấy động đời sống hàng ngày đè đầu độc tư tưởng, sau khi quy tụ sống trong Ấp Chiến-Lược, đã nhận định rõ đâu là chánh đạo, đâu là tà nguy và tự cắt đứt mọi liên hệ với loài rắn độc, không còn bị lôi cuốn bởi những lời tuyên truyền xảo mị bất cứ từ đâu đến. Bằng chứng rõ rệt nhất là trong vụ gọi là « Vụ Phật-Giáo » vừa qua, không có một Ấp Chiến-Lược nào đã bị ảnh hưởng âm mưu của bọn phá hoại. Và trong cuộc bầu cử Quốc-Hội Pháp-Nhiệm III mới đây, hầu hết đồng bào đã đi bỏ phiếu đồng đủ, không còn sợ bất cứ một hăm dọa nào.

Thành quả đáng kể nhất về phương diện chính-trị của Quốc-Sách Ấp Chiến-Lược là việc xây dựng nền dân chủ cộng đồng được thể hiện qua các cuộc phổ thông đầu phiếu và bỏ thăm kín của nhân dân trong Ấp bầu cử Ban Trị-sự Ấp và Hội-đồng Ấp và bằng sự thiết lập Hương ước.

Một thắng lợi khác nữa, đã làm vang dội đến các nước bạn trong Thế Giới Tự-do, là cuộc di cư của hơn 217.000 đồng bào Thượng tị nạn Cộng-sản đến lập những « buôn » chiến lược dưới sự bảo trợ của chính phủ ta.

— Về mặt quân sự, Ấp Chiến-Lược đã chặn đứng được những cuộc phá rối của Cộng-sản, bẻ gãy chiến thuật vô nhân đạo của chúng dùng nhân dân, nhứt là đàn bà, trẻ nít, ông già, bà cả làm bia đỡ đạn cho chúng. Ấp Chiến-Lược quả đã thực hiện đúng mục đích của quốc-sách là bảo vệ an-ninh cho nhân dân và bảo vệ lãnh thổ. Lực lượng Dân-vệ và Thanh niên chiến đấu trong hệ thống Ấp Chiến-Lược sử dụng « Du-kích chiến » phản lại chiến thuật du kích của Cộng sản, đã quét sạch chúng ra khỏi thôn ấp. Mất thế tựa vào nhân dân như cá mất nước, địch bị bắt buộc phải chấp nhận trận giặc có chiến tuyến, do đó phải chịu tổn thất nặng nề. Quân đội chánh quy đã rảnh tay trong nhiệm vụ phòng vệ cố định để dồn lực lượng vào những cuộc hành quân quy mô tiêu diệt địch ở khắp các mặt trận và phá tan những cơ sở hậu cứ, tiếp vận của địch. Những chiến thắng của ta tại Gò-Công, Đầm Dơi và Gò-Đen là những chiến thắng điển hình nhứt trong năm nay. Chúng ta có thể nói, với các công-sự phòng-thủ của Ấp Chiến-Lược, Quân-đội chính quy và Bảo-An, Dân-vệ, Thanh-niên Chiến-đấu đã nắm được ưu-thắng trong một thế trận liên - hoàn chặt chẽ đầy Việt-Cộng vào tình trạng nguy khốn.

Bao nhiêu công lao và thành quả đó cho phép chúng ta vững tin rằng địch nhứt định sẽ phải ôm mối hận chua cay với cái mộng « chiếu cố miền Nam » của chúng, sau khi Quốc-Sách Ấp Chiến-Lược được chuyển sang giai đoạn II là giai đoạn củng cố, kiện toàn và phát-triển để hạ vào địch những nhát cuối cùng có giá trị quyết định. Giai đoạn II cũng chính là giai đoạn chú trọng đến các kế hoạch kinh tế, xã hội và văn hóa ở các Ấp Chiến-Lược, xây dựng cho nhân dân nông thôn một đời sống tự-túc sung mãn, để hoàn thành hạ tầng cơ sở, đưa cuộc cách mạng tiến lên thành thị.

THÀNH QUẢ CỦA CHÍNH SÁCH CHIÊU-HỒI

Xây dựng trên tinh huynh độ, tinh thần công lý và gắn liền với Quốc-Sách Ấp Chiến-Lược, chính sách *Chiêu-Hồi*, ngay sau ngày được ban hành đã thu hoạch được nhiều thành quả tốt đẹp. Nó đã mở cửa tiếp đón những người bị Việt-Cộng lừa gạt và lợi dụng trở về với lẽ phải, với cộng đồng quốc gia. Nó đã là một lối thoát cho những cán bộ Việt-Cộng một phần đã ăn năn hối lỗi, một phần tinh thần bị lung lay giao động vì vòng đai kiên cố và tinh thần chiến đấu của các lực lượng, đoàn ngũ nhân dân trong Ấp chặn đường, phải trốn chui trốn nhủi ngoài rừng bụi, bị quân đội ta hành quân truy kích, tiêu trừ.

Con số 18.571 người quy chánh, tính đến 17 tháng 9 năm 1963, đang càng ngày càng tăng theo nhịp độ vững mạnh của hệ thống Ấp Chiến Lược và tinh thần chiến đấu của cán bộ và nhân dân ta.

Thành quả rực rỡ ấy đã chứng tỏ tiềm lực đấu tranh của địch bị suy giảm, hàng ngũ của địch bị chia rẽ, và chứng minh với thế giới rằng Chánh-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa là một Chánh-phủ có đủ uy tín với khả năng thực hiện cuộc *Cách Mạng Nhân-Vị*.

Với Chánh-sách Chiêu-Hồi, Quân-đội và nhân dân ta đã tiết kiệm được xương máu, sẽ sớm chấm dứt cuộc chiến tranh giữa ta và địch để tiến tới thống nhứt đất nước trong tự do và hoà bình.

Một đặc điểm của Chính-sách Chiêu-Hồi là đã củng cố hệ thống Ấp Chiến Lược, tăng gia mạnh mẽ hiệu năng của Quốc-Sách.

KẾT LUẬN

Song song với tinh thần dũng cảm hy sinh vì chánh nghĩa của toàn dân, toàn quân, Quốc-sách Ấp Chiến Lược và Chánh-sách Chiêu-Hồi, ngày nay đang mang đến cho chúng ta những triển vọng sáng lạn trong giai đoạn sắp đến, giai đoạn cuộc cách mạng toàn diện hoàn thành.

Mừng Tết Cộng-Hoà năm 1963, chính là đón mừng những thành quả rực rỡ của Quốc-sách Ấp Chiến-Lược và Chính-sách Chiêu-Hồi.

BẠN DÂN

TOÀN DÂN HOAN HỈ MỪNG NGÀY QUỐC - KHÁNH

Những người có trách - nhiệm Trong Thế Giới Tự - Do Cần phải đề cao cảnh giác

• ÂM MƯU « LY GIÁN » VÀ CHIẾN THUẬT « THẢ SÂU KHOẾT TRÁI » CỦA VIỆT CỘNG

NÓI đến Cộng sản ai có chút ít kinh nghiệm bản thân cũng đều nghĩ ngay đến những âm mưu thâm độc, những thủ đoạn quí quýt.

Từ việc nhỏ đến việc lớn, bất cứ trong trường hợp nào, ở đâu và lúc nào, Cộng-sản cũng có những hành động ám muội. Chính ngày nay, sở dĩ chúng bành trướng được một phần trên thế giới, là cũng do những hành động ám muội ấy. Đáng ghê tởm nhất là âm mưu « ly gián » và thủ đoạn « thả sâu khoét trái » của chúng.

Không ai có thể quên được sự ác độc của Cộng-sản qua những âm mưu của chúng ly gián giai cấp này với giai cấp khác trong xã hội, giữa những người cùng giai cấp, cùng dân tộc quốc gia, giữa cha mẹ con cái trong gia đình, giữa những tôn giáo với nhau, giữa quốc gia này và quốc gia khác, nhất là giữa nước giàu mạnh và nước chậm tiến.

Cũng không thể quên được những trường hợp Cộng-sản dận nhập, len lỏi vào trong các tổ chức (đoàn thể chính-trị, tôn giáo ; chính quyền một quốc gia ; tổ chức liên minh quốc tế v.v...) thủ địch của chúng, với công tác gián điệp, gây chia rẽ nội bộ đối phương, dọn sẵn đường cho chúng đề bẹp, chiếm đoạt hoặc gây ảnh hưởng.

Về ly gián, không cần kể lại những đòn chí-tử mà Cộng sản đã từng giáng ngay vào các dân tộc gọi là tiền tiến khiến cho một số chính khách quốc tế ngày nay còn ân hận mà chỉ cần nói đến âm mưu ly gián của Cộng-sản ở Việt-Nam trong phong trào « phóng tay phát động quần chúng đấu tố » để thực hiện chính sách cải cách ruộng đất, đấu tranh giai cấp, chúng ta cũng đủ rung mình ghê tởm. Quả vậy, xúi giục được bản cổ nông đấu tố đến chết địa chủ phú nông, tố phản bội chủ, con hại cha mẹ, Cộng-sản đã chứng tỏ là có tài « ly gián » thật.

Về thủ đoạn « thả sâu khoét trái » đáng kể nhất là những vụ đã xảy ra tại Trung-Hoa lúc quân đội Quốc Dân Đảng của Thống Chế Tưởng Giới Thạch còn đang làm chủ tình thế ở lục địa... Những con sâu loại Lý Tề - Thâm, mà lọt vào ăn được trên cái trái « quốc gia » thì phải kể như trái đó chỉ chờ ngày rơi rụng.

Âm mưu, thủ đoạn của Cộng-sản đã ác độc quí quýt mà phương pháp, kế hoạch thực hiện của chúng lại cũng chẳng vừa gì. Chúng dùng tất cả phương tiện kể cả phương tiện mà một người có chút điểm lương tri cũng không bao giờ dám dùng.

Để tiêu diệt một đoàn thể, chúng giả tạo những bằng cớ để bôi nhọ, tuyên truyền xuyên tạc làm cho dân chúng ác cảm đối với đoàn thể đó. Để phá hoại một chính quyền của một quốc gia, chúng tìm cách đầu độc dư luận bằng những tin thất thiệt, những bằng cớ giả tạo để gây bất mãn, nghi kỵ giữa chính quyền và nhân dân, rồi xúi giục nhân nổi loạn. Một khi đòn ly gián đã thâm rồi, là đến lúc chúng hạ độc thủ. Đó là chưa nói đến những tên cán bộ « nằm đoàn » (những tay sai đắc lực của Cộng-sản mà dám giết những tên Cộng-sản tiêu tốt khác để lấy lòng tin), những con « sâu khoét trái », làm ung thối ngay từ nền tảng của tổ chức đoàn thể hay chính quyền đối địch.

Âm mưu và thủ đoạn đó, Cộng-sản cũng đang áp dụng triệt để để phá các quốc gia trong thế giới tự do. Mặc phải âm mưu « ly gián » và thủ đoạn « thả sâu khoét trái », nhất định hàng ngũ của các quốc gia đồng minh sẽ lung củng rời rạc, vì nghi kỵ bất mãn nhau, tình bang giao sẽ tổn thương để đưa đến kết quả là « biến bạn thành thù ».

Một điều cần nhấn mạnh thêm nữa là có khi chính vì sự hiểu lầm nhau giữa những nhà lãnh đạo các quốc gia đồng minh hay vì một số người « phiêu lưu » thiên cận, vô tình bị « nhiễm độc » của Cộng-sản mà không hay, trở lại đầu độc dư luận, khiến phải rơi vào âm mưu ly gián và thủ đoạn « thả sâu khoét trái » của Cộng-sản. Trường hợp này quả thật là đáng buồn vì chính là trường hợp mình vô tình ly - gián mình, vô tình làm cái việc con sâu « khoét trái » của mình.

Như thế, dù âm mưu « ly gián » và thủ đoạn « thả sâu khoét trái » có trực tiếp do Cộng-sản giết đây hay chỉ là gián tiếp, thì kết quả vẫn là tai hại cho những lực lượng chống Cộng.

(xem tiếp trang bìa sau)

« khiên giáo » mà chúng quen áp dụng, tức là chiến thuật lừa phụ nữ trẻ con và người già cả đi trước làm bia đỡ đạn để dễ bề tràn ngập công sự phòng thủ của Ấp Chiến-lược.

Thật ra, chẳng có một phương pháp nào thập toàn. Phương pháp mà chúng ta đã áp dụng, nếu bề ngoài hình như không hợp lý, thì cũng đã tỏ ra hữu hiệu hơn cả.

Đến cuối năm 1963, hầu hết số Ấp Chiến lược dự trù sẽ được thiết lập, kết thúc giai đoạn đầu của việc thực thi quốc sách, chú trọng trước hết đến những mục tiêu chánh trị và quân sự. Giai đoạn II sẽ là giai đoạn củng cố, kiện toàn và phát triển, chú trọng đến các kế hoạch kinh-tế, xã hội và văn hóa đồng thời cũng là giai đoạn Cuộc Cách Mạng tiến lên thành thị.

Dù sao, những kết quả đã thu hoạch từ trước tới nay về mọi mặt sinh hoạt trong các Ấp chiến lược đã đáp ứng đúng các dự trù của chúng ta.

● TRÊN LÃNH VỰC CHÍNH TRỊ

Nền dân chủ cộng đồng đã được thể hiện qua các cuộc bầu cử Ban Trị sự Ấp và Hội đồng Ấp (theo lối phổ thông đầu phiếu và bỏ thăm kín) và bằng sự thiết lập Hương ước, Khóm ước cho các Ấp, Khóm chiến lược.

Đến ngày 1 tháng 10 năm 1963, 8.679 Ấp (tức là 730/o trong số 11.864 Ấp) đã bầu xong Ban Trị sự. 8.400 Ấp (tức là 71 o/o) đã bầu Hội đồng Ấp, và 8.200 Ấp (tức là 70 o/o) đã có một bản Hương ước. Ngoài ra, đã thành lập 8.374 đoàn thể nhân dân (tức là 71 o/o)

Công cuộc vĩ đại ấy có tính cách thuần túy cách mạng. Thật vậy, Quốc sách Ấp Chiến lược đã phát động mạnh mẽ một phong trào học tập và xét lại toàn diện các cơ cấu của chế độ để thích ứng với nhu cầu của tình trạng chậm tiến giữa thế kỷ hai mươi. Bắt nguồn từ Ấp Chiến lược, phong trào đó tất nhiên sẽ ảnh hưởng đến tất cả thượng tầng cơ sở.

● TRÊN LÃNH VỰC KINH TẾ, XÃ-HỘI VÀ VĂN-HÓA

Nguyên tắc căn bản về kinh-tế Ấp Chiến lược là thực hiện một cuộc cách mạng kinh-tế toàn diện, nhằm biến cải hạ tầng cơ sở nơi thôn ấp để rồi tiến lên đến thị thành.

Di nhiên là một cuộc Cách mạng như vậy không thể trong một ngày mà hoàn thành được. Vấn đề đó chỉ được đặt ra từ mấy tháng nay và kế hoạch thực hiện còn trong vòng nghiên cứu.

Mục tiêu tổng quát là hữu sản hóa dân chúng và đạt đến mức « tự túc ». Lược đồ lãnh thổ quốc gia được tổ chức thành nhiều đơn vị kinh tế tự nó có thể đứng vững được và trở thành những trung tâm phát động mau lẹ công cuộc kỹ nghệ hóa, và một nền văn minh nhân bản sung mãn hơn.

Nền kinh tế thôn quê sẽ nhờ đó mà phát đạt và sẽ đem đến cho đồng bào các ấp những tiến bộ xã hội và văn hóa mà chế độ đã hứa hẹn.

Trong khuôn khổ quốc sách Ấp Chiến lược, ta nên ghi nhận một biến cố lịch sử, đó là cuộc di cư của đồng bào Thượng để tránh sự đàn áp của Cộng-phỉ và đoàn kết chiến đấu cho chính nghĩa quốc gia. Phong trào di cư đó đã diễn tiến suốt năm nay, mặc dầu Cộng phỉ đã dùng mọi thủ đoạn để cản trở.

Hiện nay có hơn 217.000 đồng bào Thượng tị nạn đang sinh sống trong 241 « Buôn » chiến lược và trong 436 địa điểm định cư, mà một số lớn đã biến thành « Buôn » chiến lược.

Với sự giúp đỡ của Chính phủ, đồng bào Thượng đều tham gia công cuộc canh tân toàn diện và kháng chiến chống Cộng sản; những đội « Biệt kích Thượng » do họ tổ chức can đảm, dẻo dai và am tường địa thế, đã gây khốn đốn rất nhiều cho địch ở vùng Cao-Nguyên.

Cũng trong khuôn khổ quốc sách Ấp chiến lược, chiến dịch « Chiêu hồi » đã mở cửa tiếp đón những người bị Việt-Cộng lừa gạt và lợi dụng, trở về với cộng đồng quốc gia.

Xây dựng trên tinh huynh đệ và tinh thần công lý, chánh sách Chiêu hồi giúp đỡ những người quy chánh được tự do phát huy nhân vị, đồng thời tạo cho họ cơ hội thuận tiện để lập công chuộc lại những lỗi lầm xưa và trở thành những chiến sĩ quốc gia.

Do đó, chánh sách Chiêu hồi đã làm suy giảm rất nhiều khả năng phá hoại của Việt-Cộng.

Tính đến ngày 17 tháng 9 năm 1963, đã có tới 10.571 người quy chánh; số đông là cán bộ quân sự và chánh trị.

(tiếp theo)

Số người quy chánh tính trung bình mỗi tháng được 1.500 người từ ngày phát động chiến dịch Chiêu hồi, cách đây 7 tháng. Đó là một trong những yếu tố đầy ý nghĩa, chứng tỏ sự thắng lợi toàn diện của quốc sách Ấp Chiến lược.



2.— CHIẾN ĐẤU CHỐNG CỘNG

Chiến lược quân sự mới của ta dựa vào sự hoạt động của hệ thống Ấp chiến lược phối hợp với các cuộc hành binh linh động của quân đội. Các Ấp là hạ tầng cơ sở du kích chiến còn quân đội là trọng lực đập tan chủ lực địch.

Hệ thống Ấp chiến lược là một hệ thống bảo vệ nhân dân, lãnh thổ đồng thời bao vây và cô lập hóa các khu vực địch cùng cắt đứt các nguồn tiếp tế của địch.

Muốn có vật thực và thuốc men, địch phải tấn công thẳng vào các vị trí của ta, đã được lực lượng dân vệ và thanh niên chiến đấu bảo vệ rất can đảm và thắng lợi: từ tháng giêng 1962 tới tháng 7 năm 1963, các lực lượng đó đã thiệt mất tất cả 4.124 tử sĩ, nhưng đã hạ được 6362 địch.

Mặt khác, trong trận giặc này mà trước kia không có chiến tuyến, ta đã bắt buộc địch mỗi khi hoạt động phải theo chiến tuyến tạo ra bởi Ấp Chiến lược, và ta đã dùng lực lượng biệt kích để phá hậu phương của địch. Như vậy ta bắt buộc địch phải chấp nhận chiến tranh có mặt trận trong một nghịch cảnh nguy hiểm cho chúng.

Quân đội ta mỗi ngày một giảm bớt nhiệm vụ phòng vệ cố định, luôn luôn hoạt động như một «trọng lực tấn công», truy kích không ngừng một địch thủ từ nay đã biến thành những toán quân phiêu lưu mất lần hết diêm tựa.

Khắp nơi, trên Cao-Nguyên, ở vùng cận sơn duyên hải miền Trung, trong vùng lầy Đồng Tháp, cũng như trong vùng Trung châu mênh mông đồng ruộng, quân đội ta đã gây cho địch nhiều tổn thất nặng nề.

Chỉ cần nhắc lại các chiến thắng quan trọng như: trong các cuộc hành quân Lam Sơn, Dân Tiến, Bình Tây, Mé-Láng và gần đây, cuộc hành quân Phi-Hỏa, Đại Phong, An Lạc, Dân Thắng. Chỉ trong tháng 9 vừa qua, địch đã ba lần thảm bại tại Gò Công, Đầm Dơi và Gò Đen.

Còn những cuộc hành quân lớn và dài hạn để yểm trợ việc xây dựng Ấp Chiến lược cũng đã thu được kết quả cụ thể, như là các cuộc hành quân Bình Minh (Bình Dương) Hải Yến (Phước Yên), Đồng Tiến (Qui Nhơn), Trung-Nghĩa (Quảng Ngãi) Phụng Hoàng (Quảng Trị) v. v. . .

Ngoài ra, lực lượng ta càng thành công càng phấn khởi, thường tấn công vào những căn cứ tiếp vận mà địch tưởng là bất khả xâm phạm ở giữa rừng sâu, như căn cứ Đò-Xá, trung tâm của Liên khu 5, như chiến khu D, chiến khu Dương Minh Châu. Những cuộc hành quân liên tiếp vào các căn cứ đó trong mấy tháng gần đây đã làm cho địch thiệt hại nặng nề về lương thực, quân cụ, khí giới và tiềm lực tác chiến.

Về phương diện chiến thuật, những kết quả đó đã thu được, nhờ tinh thần hùng dũng và sự linh động đặc biệt của quân sĩ; các lực lượng của ta hiện nay có thể lợi dụng tức khắc các tin tức thu thập được. Một mặt, sự truyền tin thêm hữu hiệu, những phương tiện liên lạc được canh tân rõ rệt ở mọi cấp; mặt khác, những cuộc hành quân trực thăng đã tăng nhiều, nhờ sự cung cấp đầy đủ tốc độ và vũ trang thích hợp.

Một yếu khác nữa quyết định thắng lợi quân sự đó là những tiến bộ mau lẹ trong chương trình huấn luyện sĩ quan và hạ sĩ quan cho Quân đội chính quy và Bảo an.

Trường Võ-Bị Quốc-Cia Đà-Lạt đã rút ngắn thời gian học tập từ 4 xuống 2 năm để cung ứng cho những nhu cầu về cấp chỉ huy của các quân chủng, do đó số Sinh viên sĩ quan mỗi khóa từ 400 đã tăng lên 800.

Việc huấn luyện sĩ quan trừ bị tại Liên Trường Võ Khoa Thủ-Đức đã đạt những kết quả rất khả quan trong năm qua. Số thanh niên tình nguyện đủ điều kiện theo học đã vượt quá mức dự trù, vì vậy chẳng những ta đã giải quyết được vấn đề thiếu cán bộ trong quân đội chính quy, mà còn có sẵn trên 600 sĩ quan đề bổ sung các đơn vị chiến đấu.

Trường Hạ sĩ quan Nha-Trang vẫn xúc tiến việc huấn luyện cấp tốc các hạ sĩ quan, khiến cho năm tới chúng ta sẽ có đủ tổng số cán bộ cần thiết.

Năm rồi, cũng dịp này, tôi đã nói rằng chúng ta đã lật ngược tình thế: từ thế thủ, ta đã giành lại thế công trong tay địch. Ngày nay ta đã tiến thêm một bước nữa: ta có thể tấn công địch trên khắp các mặt trận; như các quan sát viên đều thấy rõ, chiến tranh đã tới một giai đoạn quyết định và chúng ta đang tiến tới một chiến thắng chắc chắn và ý nghĩa sâu xa.

(tiếp theo)

Chiến thắng đó, ngoài việc giải thoát lãnh thổ khỏi nạn Cộng sản, còn có công hiệu lớn lao là đóng góp vào nền hòa bình thực sự của thế giới vì đã chứng tỏ rằng Cộng sản không phải là vô địch ngay ở lãnh vực chiến thuật du kích được coi là sở trường của chúng. Chiến thắng đó cũng sẽ giúp các dân tộc chậm tiến tin tưởng rằng họ có thể chặn đứng được chiến tranh phá hoại Cộng-sản.

Điều mà chúng ta phải nhấn mạnh là lúc này hơn lúc nào hết toàn dân đã lao mình vào cuộc chiến đấu: không những Quân đội chính quy, Bảo-an, Dân-vệ, mà còn cả các chiến sĩ dân sự, Thanh niên chiến đấu, từ đồng bằng đến Cao-nguyên, và các nhân viên Ấp Xã, cán bộ các ngành ngày đêm làm tròn nhiệm vụ với tinh thần dũng cảm hy sinh.

Ngay từ lúc đầu, đề tổ lòng tri ân các chiến sĩ đó, Chính phủ đã tìm cách tạo cho họ và gia đình họ những phương tiện cải thiện đời sống hàng ngày, đồng thời săn sóc cô nhi quả phụ các chiến sĩ bỏ mình nước.

Trong 12 tháng vừa qua, 7.000 nhà tiền chế đã được cấp cho các đơn vị để cải thiện điều kiện cư ngụ của các gia đình quân nhân. Một chương trình rộng lớn hơn đã được soạn thảo cho năm 1964.

Mặt khác, các hợp tác xã quần nhân, bán rẻ các đồ nhậ dụng, đã phát triển mạnh trong năm qua.

Công cuộc cứu trợ các nghĩa tử quốc gia vừa hoàn thành đợt đầu và sắp tiếp đón hơn một ngàn cô nhi. Mai đây chúng sẽ có địa vị trong xã hội mới mà chúng ta đang xây dựng.



3.— VẤN ĐỀ PHẬT GIÁO

Như tôi đã có dịp tuyên bố, địch về mặt tiếp vận và chiến lược đã mất hậu thuẫn của nông dân nên chúng xoay tìm một lối chiến lược khác bằng cách dựa vào sự tiếp tay của một số ngoại nhân mà gây nhiễu vụ rối loạn trong ít giới ở xa mặt trận không ý thức được cuộc tranh đấu lịch sử của dân tộc.

Dưới chiêu bài tranh đấu cho tự do tín ngưỡng hoặc tự do chính trị, bọn vô thần cộng sản muốn nô lệ hóa dân tộc đã nhờ sự đồng lõa mỹ dân và ác hại của một số người phản bội và phiêu lưu quốc tế, lại cũng nhờ một số báo chí Tây phương phụ họa thêu dệt thổi phồng, mà thành công phần nào trong việc đầu - độc một phần đáng kể của dư luận trong nước và ngoài nước về vụ gọi là « vụ Phật giáo ».

Những biện pháp thích ứng đã được thi hành để giải quyết vấn đề này và thế giới đã bắt đầu nhận thấy sự thật về nội dung chính trị và phản động của vụ đó.

Tuy nhiên, chúng ta cần tiếp tục chiến dịch giải độc ở trong cũng như ở ngoài nước vì các kẻ thù của độc lập và tự do của dân tộc Việt-Nam lấy « vụ Phật giáo » này làm lợi khí chính để phá hại ta. Và như tôi đã nói đoạn đầu thông điệp này, chúng sẽ còn bám níu vào đó, chúng cố lợi dụng mọi cơ hội, chúng tìm cách gây cường tín cho đến cả giới thiểu nhi, chúng nhắm kẻ hở nhỏ nhất nào của ta để xâm phạm độc lập và chủ quyền ta và cản trở ý chí chúng ta muốn thoát khỏi sự lẩn lộn chính trị với tôn giáo để kiến tạo một quốc gia tân tiến.

Vụ này tuy vậy là một bài học hay cho chúng ta. Nó nhắc chúng ta nhớ rằng chúng ta còn chậm tiến biết bao ngay ở những giới mà cho tới ngày nay được coi là trí thức và thông suốt.

Nó cũng cho chúng ta cảm thấy rằng trước một kẻ thù quyết liệt, bất cứ mối liên kết riêng rẽ nào phương hại đến sự đoàn kết toàn dân, là một hành động phản quốc. Nó cũng cho ta thấy rõ sự tối cần phải tự túc nếu chúng ta muốn là người Việt-Nam chứ không phải là một giống người hèn và dễ trụy lạc.

Nó còn cho ta hiểu rõ hơn tầm quan trọng của cuộc cách mạng Ấp Chiến lược, giải pháp thích hợp nhất cho các vấn đề chậm tiến. Không có Ấp Chiến lược nào đã bị ảnh hưởng của âm mưu quốc tế do bọn Cộng-sản và hạng chính trị lằng mằng phóng túng, đã xảo trá lợi dụng vụ Phật giáo.

Sau cuộc thử thách này, Việt-Nam tự do lại càng mạnh mẽ hơn. Chúng ta mong rằng trải qua bao nhiêu vu cáo, mưu toan hãm hại, tình đoàn kết giữa chúng ta và các nước bạn sẽ được bền chặt hơn để chiến đấu hữu hiệu chống Cộng sản chứ không phải để đá phá chiến hữu.



PHẦN THỨ II

KIẾN THIẾT QUỐC GIA

Như những năm vừa qua, Việt-Cộng tăng cường phá hoại cướp bóc cũng không cản trở được công tác kiến thiết quốc gia mà dân tộc ta đang theo đuổi, trái lại chúng ta càng cố gắng và kiên quyết hơn nữa.

Năm vừa qua là năm đầu tiên thi hành kế hoạch ngũ niên thứ hai 1962—1966, mà mục tiêu đã được trình bày trong thông điệp của tôi năm ngoái tức là dựa vào kết quả của kế hoạch thứ nhất là tiến tới độc lập kinh tế và nâng cao mức sống của dân chúng.

A.— PHÁT TRIỂN KINH TẾ

1.— Nông Nghiệp

Muốn đạt mục đích ấy, như mọi người biết, trước hết là phải dành ưu tiên cho công cuộc phát triển kinh tế nông thôn vì đó là tiềm lực lớn lao có thể bành trướng mau lẹ.

Mặt khác, ngay từ bây giờ, khu vực nông thôn không những là khuôn khổ của quốc sách Ấp Chiến lược mà còn là khởi điểm của cuộc cách mạng toàn diện lan tràn từ hạ tầng cơ sở ở thôn ấp lên đến thành thị và cơ sở trung ương.

Trong năm đầu của kế hoạch ngũ niên thứ hai này, các dự án đều đã được thực hiện và trong vài khu vực đã vượt mức dự định.

Về mặt sản xuất nông nghiệp, diện tích trồng lúa về năm 1962 là 3.000.000 mẫu, so với năm 1959 thì tăng thêm 205.000 mẫu và so với năm 1961 thì tăng thêm 175.000 mẫu. Riêng về miền Tây Nam phần diện tích tăng thêm là 109.000 mẫu so với 1959, và 103.000 mẫu so với 1961.

Việc bảo vệ mùa màng được đặc biệt chú ý : không kể Saigon, Chính phủ lại mới thiết lập ba Trung tâm bảo vệ mùa màng ở Huế, Cần-Thor và Banmethuot.

Chánh phủ đã chuẩn bị đề thi hành trong năm sắp tới giai đoạn nhất về việc tuyển lựa hạt giống, thành lập ba Trung tâm trồng thử lúa hai mùa, và giai đoạn hai về việc cấp phát phân bón cho các Ấp Chiến lược miền Trung.

Nhờ mở rộng diện tích canh tác, nhờ dùng phân bón, thuốc diệt côn trùng, nhờ tiến bộ của công cuộc dẫn thủy và phương pháp cải tiến nông nghiệp, năng xuất cũng gia tăng theo đà ấy : về lúa, số sản xuất năm 1962 là 5.205.000 tấn, trội hơn hết từ trước tới nay ; so với năm 1961, đã tăng thêm 597.000 tấn.

Về chăn nuôi, số heo năm 1962 có phần kém sút. Đó là hậu quả nạn lụt tai hại ở miền Hậu giang năm 1961 và nạn mất mùa kế tiếp. Nhưng qua năm 1963, ngành nuôi heo đã trở lại mức bình thường, và chỉ trong 9 tháng đầu năm đã đạt được con số bằng cả năm 1961, tức là 3.700.000 con, kết quả này phần lớn nhờ ở chương trình bài trừ nạn dịch heo.

Chánh sách Dinh điền đã đem lại kết quả khả quan : diện tích canh tác của các địa điểm Dinh điền thành lập từ năm 1957 đến năm 1963 là 122.045 mẫu với tổng số di dân và qui dân lập ấp là 253.556 người.

Diện tích trồng lúa cao su cũng đã tăng thêm được 8.000 mẫu và hiện đang tiếp tục trồng cây nhỏ thay thế cho cây già cỗi.

Các ngành trồng cây khác, nhất là trồng cây ăn quả, cũng gia tăng về diện tích và sản xuất. Về cây Kénaff đã trồng được 3.500 mẫu.

Về lâm vụ, Chánh phủ đặc biệt chú ý đến việc gây lại rừng rú để bù vào những tàn phá do chiến tranh gây ra. Từ năm 1962, hơn 5 triệu cây con đủ loại đã được trồng, nhất là ở Trung nguyên và Cao nguyên Trung phần. Hiện đã dự trù cấp phát trên 10 triệu cây cho các Ấp Chiến lược.

Để giúp phát triển nông nghiệp, Nông tín cuộc hoạt động rất hữu hiệu. Số tiền cho vay đến nay đã lên tới tổng số 4 tỷ rưỡi bạc. 1.300.000 nông gia đã được giúp đỡ hoặc trực tiếp, hoặc nhờ trung gian của hợp tác xã và Hiệp hội Nông dân.

Từ nay, Hiệp hội Nông dân hoạt động đồng nhịp với các Ấp Chiến lược, các hợp tác xã cũng được thành lập ở các Ấp Chiến lược, nhờ đó sự phát triển kinh tế dân chủ hạ tầng cơ sở nông thôn sẽ được xúc tiến hơn nữa.

Từ mấy năm nay, mức sản xuất thôn quê phát triển theo tỷ lệ mỗi năm từ 6 tới 7 phần trăm. Sự bành trướng ấy cho ta rất nhiều triển vọng nhất là trong khuôn khổ quốc sách Ấp Chiến lược.

Dầu cho Cộng sản cố tình phá hoại, lãnh vực ưu tiên nông nghiệp trong kế hoạch ngũ niên thứ hai có triển vọng đạt tới kết quả dự định.

2— Kỹ nghệ — Tiểu Công nghệ và Năng lực

Mặc dầu kế hoạch ngũ niên thứ 2 chú trọng nhiều tới sự phát triển nông nghiệp và sự tăng gia lợi tức cho nông dân, khu vực sản xuất kỹ nghệ cũng được tích cực khuyến khích.

Chính vì muốn cho cuộc kỹ nghệ hóa được dễ dàng mà chúng ta đã tìm cách giải quyết những mâu thuẫn trong các ngành ; và để san bằng những sự kiện làm trở ngại cuộc phát triển, Chánh phủ đã thiết lập một khu kỹ nghệ và ban hành luật đầu tư.

(xem tiếp trang 56)

KỠ trước, chúng tôi đã trình bày : biên-bản hay vi-bản, chẳng qua chỉ là hình ảnh một sự việc, do nhà chức trách ghi ra bằng giấy mực, theo sự mắt thấy tai nghe của mình, để làm tài-liệu xét định về sau. Nơi đây, chúng ta sẽ đi sâu thêm vào chi-tiết, thí dụ chúng ta tự hỏi :

— Biên-bản phải do ai lập ra mới được ?

— Trong biên-bản, đại để phải gồm có những gì ?

— Khi thảo biên-bản, phải theo một thể văn nào chăng ?

— Biên-bản lập ra sẽ có giá trị ra sao ?...

Và trước khi trả lời từng mục vừa nêu, chúng tôi có ý-kiến là ở đây, chúng ta sẽ gạt bỏ những biên-bản của các ngành chuyên biệt, như Quan-Thuê, Thuê-Vụ, Kinh-Tề, Bài gian... Các ngành này có những luật lệ riêng biệt, đôi khi rất phức tạp, bản đền không những đã công-phu rườm rà, mà có lẽ cũng không ích lợi gì mấy cho công việc của ngành Cảnh-Sát chúng ta. Cho nên mục-dịch chúng tôi chỉ muốn đề cập riêng tới loại biên-bản điều-tra của Cảnh-Sát Tư-Pháp, là những giấy tờ mà chúng ta thường nhật phải làm, mà thôi.

I— BIÊN-BẢN DO AI LẬP RA ?

Muốn cho biên-bản có giá-trị trước pháp-luật (nghĩa là được chấp xét), thì điều cốt yếu là phải do một viên chức đã được pháp-luật thừa nhận có tư-cách lập ra. Những ai có tư cách lập biên-bản như vậy ? Ấy là những viên chức sau này :

— Ông Biện-Lý và các Ông Dự-Thẩm.

— Các viên-chức Cảnh-Sát Tư-Pháp phụ-tá cho Ông Biện-Lý, như Thẩm-Phán Hòa-Giải, Trưởng Ty hoặc Phó Trưởng Ty Cảnh-Sát, Chủ Sự Cảnh-Sát Tư-Pháp.... những viên-chức này thường gọi là Tư-Pháp Cảnh-Lai, có quyền thế trước Tòa (xin cứu các tài liệu nói về Tư-Pháp Cảnh-Sát và Sắc-Lệnh 146-NV ngày 27-6-62 cải-tổ ngành Cảnh-Sát Quốc Gia, do Sắc-Lệnh 98-NV ngày 3-9-63 sửa đổi)

— Ngoài ra, là một số viên-chức các ngành khác như Hiến-Binh-, Thuê

Biên - bản

(tiếp theo)

Bài của ĐÀM-TRUNG-MỘC

vụ, Quan-thuê, Bài gian ... (bên trên đã chủ trương không đề cập đến).

Trở lại mấy vị Thẩm-Phán có tư-cách là Biện-Lý và Dự-Thẩm Xin chú ý là chỉ có Biện-Lý và Dự-Thẩm mà thôi, các Vị Chánh-Án vốn dĩ để ngồi xử án (chức-vụ tọa thẩm) nên không có nhiệm-vụ điều tra, và do đó không có Tư-cách Tư-Pháp Cảnh-Sát, không lập được biên-bản.

Đứng về phương-diện quản-hạt (không gian), tất cả các viên chức kể trên chỉ có thể lập biên-bản về những việc xảy ra trong quản hạt của mình : Ông Trưởng Ty Định-Tường không thể lập biên-bản về một sự việc diễn ra ở Long-An, hay Kiên-Hòa. Nếu gặp một vụ từng diễn biến ở nhiều quản hạt khác nhau, tỉ như một tổ-chức buôn lậu, một tổ-chức trộm cắp, mà có những chi nhánh hoặc những hành động ở nhiều tỉnh khác nhau, thì công cuộc điều-tra sẽ bị cắt vụn ra từng đoạn, nhiều trở ngại, chậm trễ. Có lẽ vì vậy, nên trước kia người ta đã thiết lập tại mỗi Phần một cơ-quan Cảnh-Sát Tư-Pháp có tầm hoạt-động rộng rãi, khả dĩ tránh được điều bất tiện vừa kể. Cơ-quan này mệnh danh là Hình-Cảnh Lưu-Động (Police Judiciaire Mobile) nhân viên có thể lập biên-bản bất cứ việc xảy ra trong tỉnh nào, miễn là cùng trong quản hạt một Phần Bây giờ, với sự cải-tổ quy định trong Sắc-Lệnh 146-NV (thượng dẫn), cơ quan này biến thành Sở Cảnh-Sát Tư-Pháp tại Tổng Nha Cảnh Sát Quốc Gia, và quản hạt bao trùm toàn-quốc

II.— NỘI-DUNG CỦA BIÊN - BẢN.

Biên-bản thường gồm một phần chính ở giữa, bên trên có một vài câu mở đầu, và bên dưới có câu kết thúc cùng những dấu in tay.

1— *Phần mở đầu* : Đây không phải là kiểu nhập đề văn vẻ như khi chúng ta làm luận Trá lại, phần này cốt để ghi thứ nhất là ngày tháng năm và địa-diểm một cách đích-xác (đôi khi cần ghi cả giờ nữa), có thể nói là ghi các trường hợp thuộc không gian và thời gian ; thứ hai là ghi tính danh và chức vụ người đứng lập biên bản, cũng là lý do gì mà lập (nếu có)

Ngày tháng năm đều phải biên toàn chữ (en toutes lettres) chứ không biên tắt bằng các con số. Thí dụ thay vì viết ngày 11-10-1963, thì phải viết ngày mười một tháng mười năm một ngàn chín trăm sáu ba. Biên như vậy, tuy có dài dòng và đọc cũng mệt thì giờ hơn, nhưng tránh được sự thêm bớt sửa chữa làm sai lạc : có những con số đặc-biệt dễ thay đổi, như số 0 sửa làm số 6, số 8 hay số 9, chẳng hạn. Còn tính danh, chức vụ người lập biên-bản cần ghi ngay ở trên đầu, để người đọc có thể biết ngay là biên-bản có do người có tư-cách và thẩm quyền lập không, và nếu không, thì biên bản sẽ vô giá trị, hơn nữa có thể không còn là biên bản nữa.

2— *Phần chính yếu* : Đây là phần nòng cốt của biên-bản. Chúng ta đã biết biên-bản nhằm nhiều mục đích. Có thể chỉ là để ghi một hiện trạng theo sự quan sát của người lập, tỉ như biên bản ghi hình tích một tai nạn lưu-thông, một án-mạng, biên bản chứng thương. Đó là những biên bản chứng thị (Procès-verbal de constat). Trong phần chính yếu sẽ gồm tất cả những chi-tiết cần thiết hoặc có ích cho sự suy đoán phải trái sau này : tình trạng trường sở, vị trí các đồ vật, tư thế, thương tích, bệnh trạng của nạn nhân, dấu vết của can phạm....

(xem tiếp trang 64)



DIỆT CHIA-RÊ

chống xâm lăng

★ Bài của NGUYỄN - VIỆT

CHIA-rê là một căn bệnh xã-hội, phát-xuất từ nội tâm con người, bất cứ vào thời nào và ở đâu cũng có.

Con người chia rẽ nhau vì nhiều nguyên-nhân, nhưng tựu-trung không ngoài vì lòng vị-kỳ, tình thích vinh quang tham lam quyền thế, tư tưởng bất đồng, quyền lợi tương phản, tình cảm khác biệt, tri-thức chênh-lệch.

Có những cuộc chia rẽ giữa dân tộc với dân tộc, đoàn thể này với đoàn thể khác, giữa đồng bào đồng chủng cùng huyết thống màu da, giữa anh em trong gia đình, dòng họ... mà nếu không kịp hàn gắn thì kết quả tất nhiên là đổ vỡ, tai họa : tình yêu thương sứt mẻ hoặc tiêu tan, nhường chỗ cho oán hận, căm thù, đấu-tranh đẫm máu tiêu diệt lẫn nhau.

Tuy nhiên, một chân trời rực sáng vẫn đang chờ đón tương lai của cả một nhân-loại bản tính vốn hướng thượng. Và chẳng, nếu chia rẽ là một bệnh trạng tâm-lý của con người chưa có thể trị dứt được « căn », thì may thay xu-hướng hợp quần tự nhiên của người lại là một phương thuốc hiệu nghiệm chữa được những « cơn » nguy hiểm. Đó là một bản năng đã chế ngự được « cái ta » khả ở của người. Ấu cũng là định luật thừa-trừ của Tạo Hoá !

Là một xu-hướng tự-nhiên của con người ngay từ buổi sơ khai, hợp-quần lần lần đã trở thành một ý-thức mạnh mẽ của con người theo đà phát triển của lý-trí và nhờ ở vốn liếng kinh

nghiệm dồi dào trong cuộc sống qua bao thế hệ. Từ việc tổ-hợp thành gia đình đến bộ lạc, rồi dân tộc, quốc gia, con người đã tiếp-nhận sự hợp-quần là một điều kiện sống còn, không có không được.

Hợp-quần làm nên sức mạnh ! Đoàn kết là sống ! Chia rẽ là chết !

Ý-thức đó chính là kết-tinh của lương-năng, lương-tâm và lương-trí con người vậy.

Cho nên, trong quá trình lịch sử nhân-loại nói chung và Việt-Nam nói riêng, mặc dầu đã có biết bao cuộc chia-rẽ trong phạm vi quốc gia, nhưng mỗi khi có họa ngoại xâm hăm dọa sự sinh-tồn dân-tộc thì những cuộc chia-rẽ ấy tự nhiên lắng dịu hoặc biến mất ; tình thân dân tộc, tình đất nước nghĩa đồng bào chỗi dậy thắt chặt sợi dây đoàn kết, càng-cố nền tảng hợp quần thiêng-liêng. Chỉ những kẻ thiên cận, mê mờ, ích-kỳ mới khur khur ôm lấy những hiểm khích sẵn có, hay đang tâm gây ra chia rẽ nội bộ quốc gia làm hoen-đ lịch sử dân tộc lưu tiếng xấu muôn đời.

Gương « đoàn kết » giữa Đức Trần Hưng-Đạo và Trần Quang-Khai trong lúc tổ-quốc lâm nguy là một bài học quý báu đáng cho ngàn sau ôn lại để noi theo.

Hưng-Đạo Vương Trần Quốc-Tuân và Trần Quang Khai là anh em con chú con bác. Thân phụ của Hưng-Đạo Vương là An Sinh Vương Trần-Liễu, còn Trần Quang-Khai là con thứ ba vua Trần Thái-Tôn. Quang Khai được phong tước Chiêu Minh Vương, giữ chức Tư-mã Quốc Thái-Úy Tổng Thiên-Hạ Sự; rồi thăng Thượng-Tướng.

Giữa hai ngài có mối bất-hòa gần như hận thù đến không muốn gặp mặt nhau. Nhưng dịp đến khi giặc Nguyên sang xâm lăng đất nước, cả hai ngài đều quên hiểm khích cũ, trở lại hòa-hợp nhau lo cho đại sự. Hai ngài không bỏ qua dịp nào để siết chặt tình hữu ái giữa anh em và đồng thời cũng chính là tình đoàn-kết giữa những người rường cột của quốc gia, đang mang nặng sứ-mệnh

(xem tiếp trang 53)

8.— TIÊU CHUẨN KHẢO SÁT ĐỂ LOẠI BỎ

CÔNG việc chấp pháp, đối với sự hưng thịnh hoặc suy vong của một quốc gia, liên hệ rất mật thiết. Muốn đưa lại những kết quả tốt cho công tác chấp-pháp, yếu tố nhân sự là then chốt.

Quan niệm cổ thời của những nhà lưu tâm tới việc lãnh đạo quốc-dân thường cho rằng một chế độ dù hay, dù chặt chẽ, nhưng người thi hành hoặc thừa hành dở thì chế độ đó cũng không thực hiện được theo ý muốn. Vì vậy vấn đề nhân sự bất cứ thời đại nào và bất cứ ở đâu cũng vẫn là trọng đại.

Do đó những tiêu chuẩn khảo sát để loại bỏ, sau khi suy nghiệm và thí-dụng, đã được đề ra.

Theo Gia Cát-Lượng thì chính sách khảo sát là đường lối để chọn xem ai là bậc hiền lương tài trí thì thuyên chuyển lên chức vụ xứng đáng, còn ai là kẻ gian ác thì loại trừ.

Nhưng ai là người có nhiệm vụ để xét?

Nhiệm vụ này lẽ tất nhiên lại quy định cho vị lãnh đạo quốc dân là người có thẩm quyền trước nhất.

Giả định rằng bậc quân thượng là đẳng minh chúa, tâm sáng thấu triệt tới Trời, xét biết ai là người thiện ai là kẻ ác, tâm minh sát đó quảng biền tới bốn bề, sẽ lưu ý tới cả những chức quan nhỏ của những tiểu nhược quốc, những hạng thứ nhân để tìm tiền dụng bậc hiền lương, loại bỏ kẻ hèn tham. Được như thế, người trên thì sáng, người dưới thì hiền cùng lo quốc chính tất người tài năng càng ngày càng tụ hội đông đảo.

Có năm tiêu chuẩn để nhận định nổi thống khổ của dân. Sở dĩ dân thống khổ vì người chấp-pháp không phải là bậc hiền lương. Căn cứ ở nỗi khổ của dân để đánh giá lại-mục và thi hành biện pháp khảo chuất.

1— Có thể có những viên tiểu lại, nhân công vi tư, lợi dụng quyền thế để thực hiện gian manh lấy vũ khí ra để huy hiệp người, ở trong thì mưu ngầm quan chức, ở ngoài thì chiếm đoạt nhất nhạn của dân. Bọn đó là một nguyên nhân gây thống khổ cho dân chúng.

BIÊN KHẢO

GIA-CÁT BÌNH SINH CHI HỌC (1)

2— Phương diện thứ hai khiến dân phải chịu khổ cực là vấn đề áp dụng luật lệ. Nếu tội nặng mà chỉ phạt nhẹ, pháp-lệnh thi hành không đều, kẻ oan bị tội, tới mức táng mệnh, hoặc giả kẻ trọng tội được khoan hưu, phù cường ức nhược dân bị nghiêm hình, nỗi khổ đó không phải là không đáng kể.

3— Lý do thứ ba khiến dân khổ là dùng nhầm bọn quan lại có tội, vu cáo cho người rồi bị miệng kẻ oan không cho thân mình đen trắng.

4— Còn có thể có những hạng quan lại, nhân chức quan trưởng bị thuyên chuyển, thừa dịp làm mưa làm gió, ai thần thì dung túng, ai giận thì lấn át, tha hồ lộng hành không kể gì đến phép nước, rồi nhân cơ hội thuận mà thủ lợi riêng, mượn cơ tổng cưu nghềh tân ếp buộc mọi người để nhân cơ làm giàu cho mình.

5— Ngoài ra còn có thể gây khổ cho dân, hạng tế quan sinh lập công, từ việc thưởng phạt, đến mọi công tác trong địa phương, đã lấn lên vượt mức mong được cấp trên khen thưởng đã khiến cho dân phải mất công ăn việc làm.

Vì vậy bất cứ kẻ chấp pháp nào mắc phải những lỗi kể trên để gây khổ cho dân đều phải truất bỏ.

9— PHÉP TRỊ QUÂN

Chính sách trị quân nhằm tiêu hướng bảo vệ lãnh thổ, duy trì biên cảnh, khuông cứu đại loạn. Đường lối quân sự là dùng uy vũ để giết kẻ bạo nghịch, diệt phản loạn để giữ nước, yên dân.

Trong một quốc gia đã có văn sự tất phải có vũ bị.

Vũ bị tinh mật thì dân phú quốc cường.

Sở dĩ đề cập tới phương diện vũ bị phải lo cho tinh mật vì tình thế của Thục Hán khi đó không những phải đối phó với cường lân lại còn lo những sự gây rối của bọn Nhung, Địch, nên Gia-Cát-Lượng đã đặc biệt nhấn mạnh tới sự cần thiết của quân sự đối với bọn man-di mà theo ý ông khó có thể lấy văn hiến cảm hóa nổi.

Để minh chứng cho quan điểm này là chính đáng và hữu hiệu, Gia-Cát đề cập tới những sử-

liệu như Hoàng - Đế dẹp loạn ở Trác Lộc, Đườn^g Nghiêu chiến ở Đan Phổ, vua Vũ phạt Hữu Miêu, toàn là những vị thánh chúa minh quân vốn trọng đường lối dĩ

★ của Trần-dĩnh-Khải

đức hóa dân mà cũng phải dùng tới uy vũ khuất phục bọn cường ngạnh.

Tuy nhiên, Gia-Cát cũng xác nhận rằng quân sự là thứ đồ dùng hung mãnh, chỉ những trường hợp bất đắc dĩ mới phải đem ra ứng dụng mà thôi.

Đạo quân sự muốn đưa lại kết quả phải có những tiêu chuẩn để noi theo. Về những tiêu chuẩn đó, Gia-Cát viết :

Đạo dùng binh trước tiên phải có kế hoạch phải có sách lược, nghĩa là định mưu ổn đáng sau đó mới động binh. Đại lược về phương diện quân sự phải tề nhận và sửa soạn những điểm sau đây :

— Xét tới sự biến diễn của Trời Đất để am tường thiên thời.

— Quan sát lòng dân xem chiều hướng để hoạch định đường lối.

— Tập luyện binh sĩ, trù liệu vũ khí quân nhu.

— Thâu triệt lễ công bằng trong việc thưởng phạt.

— Phải biết tới kế hoạch của địch

— Am tường địa lý để biện biệt nơi nguy nơi an.

— Phải rõ phương thức để biến đổi hoặc xoay ngược tình thế, đang chủ hóa làm khách hoặc đang khách hóa làm chủ.

— Biết lúc nào nên tiến lúc nào nên thoái để tiến thì thành công, thoái không tổn thất.

— Phải biết thời cơ

— Phải lo phòng vệ cho trù mật

— Phải biết gây cho cái thế chinh phạt của mình càng ngày càng mạnh.

— Phải biết để bạt năng dõ cho khả năng của sĩ tốt được nảy nở trọn vẹn.

Sau khi điếm qua những tiêu chuẩn đó, người có thẩm quyền lo toan về quân sự phải tính tới phân lượng về thành bại của một cuộc giao phong trù liệu sự tổn thất và sông chết của quân sĩ, rồi mới có thể ủy nhiệm tướng lĩnh và xuất quân được.

Đề cập tới vai trò của vị thống soái mà các nhà binh pháp trứ danh như Nhương-Thư, Tôn-Vũ và Ngô-Khởi từng nói đến rất nhiều, Gia-Cát cũng đồng ý là rất quan trọng vì chính trong tay vị đó sinh mệnh của bao nhiêu con người, mệnh vận của cả một quốc gia đều hệ lụy.

Hành động của vị nguyên soái phải làm sao khiến cho toàn thể quân đội như kết khối lại để có thể lúc tinh cũng giống như chiếc cung vẫn căng

giây, lúc động mãnh liệt tấn tốc như mũi tên bật ra, hướng vào đâu thì tan đấy.

Ngược lại nếu vị tướng không có mưu tính, quân đội kém khí thế, thiếu tinh thần, trong lòng mỗi người nghĩ một khác, đến khi ra quân, tướng chỉ khư khư theo kế hoạch riêng của mình đã hoạch định, một đạo quân như thế dù sĩ — số tới trăm vạn, đối phương cũng vẫn chẳng sợ.

Muốn gây quân thế cho hùng mạnh nếu không tạo nên thù thì không phát sinh được lòng oán hờn cho quân ngũ. Yếu quyết trong đạo làm tướng là phải giữ kín kế mưu, khởi công chớp nhoáng, vỗ bắt như chim ưng chớp mồi, dồn chiến như khơi nước đề vỡ, như vậy dầu chưa thắng ngay thì địch cũng tự bại.

Người tướng giỏi không hề bị súc nộ, không biết sợ sệt, trước khi ra quân lấy trí tự ước lượng đã biết thắng rồi.

Người làm tướng hôn ám tất cứ lừa quân cho giao phong rồi nhân cuộc chiến mới cần mong thắng thế.

Tướng có thể thắng được là tướng biết tùy theo chính đạo để tu sửa đường lối, tướng có thể bại được là tướng đi tắt mà lạc đường

Biết được lẽ thuận nghịch tức nắm vững được thế tiến lui tan hợp.

Tuy nhiên gây được cái quân thế rồi, không phải bất cứ vị tướng nào cũng có thể nắm lấy quân thế ấy để chiến thắng địch. Đã đành những nguyên tắc chính của binh gia, người làm tướng phải am hiểu, kế hoạch mưu lược của binh pháp phải am tường, lẽ thuận nghịch tiến lui phải thấu triệt, nhưng sử dụng hữu hiệu được quân-thế cũng phải biết đến yếu quyết riêng của trường hợp vì khi nỏ đã lấy cò, thế của mũi tên vọt ra không để ai có thể cản nổi.

Về điểm này Gia-Cát cho rằng :

« Tào được quân thế rồi, khi tướng đã nắm giữ trọn vẹn uy lực, quân sĩ đã đứng trong tình trạng sẵn sàng xuất lực ứng chiến, quân thế ấy không thể hư động được. Quân thế như tảng đá tròn lớn ở trên đỉnh núi cao lăn xuống dốc, hướng vào đâu thì nát đấy không thể nào kìm hãm nổi. Khi đẩy cho hòn đá lăn xuống dốc tức thì thế quân đã tiến vào tình trạng vô địch ở mặt trước, vô địch ở mặt sau vậy. »

(còn tiếp)

T. Đ. K.

(1) Xin xem Bạn-Dân từ số 40

« KÍNH »

PHẢI CHẴNG LÀ ĐIỀU CẦN THIẾT CHO CẢ MỌI THỜI - ĐẠI DÙ LÀ KIM HAY CỎ ?

★ Bài của PHẠM-NGỌC-KHUẾ

Để nhấn mạnh tính cách quan trọng của chữ « KÍNH », người xưa có viết : « Không một trường hợp nào là không tỏ ra có lòng kính cần ; không một lúc nào là không tỏ ra có thái độ nghiêm nhiên như là đã có suy nghĩ kỹ càng để luôn luôn phát ra lời nói an hòa, đúng mức. Như thế có thể làm yên được lòng dân ».

Trên đây là lời chép trong kinh Khúc Lễ : (một kinh trong sáu kinh : Thi, Thư, Lễ, Nhạc, Dịch, Xuân Thu).

« Vô bất kính ; nghiêm nhực tư, an định từ. An dân tai ».

Ông Chu-Tử có giải câu này như sau :

— Phàm là bậc minh quân phải lấy các điều trên đây cốt yếu cho sự việc trị quốc của mình, thì thiên hạ mới yên.

Họ Phạm xác nhận thêm :

— Chỉ một chữ « vô bất kính » bao quát được cả 300 mục trong Kinh Lễ và 3000 điều trong Khúc Lễ.

Trình Tử đem tâm lý phân tích, ông cho rằng :

— Trong lòng có ổn định thì cử chỉ và lời nói mới an hòa, đúng mức ; lòng không an tĩnh, cử chỉ và lời nói tất phải hấp tấp nóng nảy.

Ngoài hai ông này ra, họ Lưu cũng đem lời thầy Tăng Tử giải rằng :

— Nhà cầm quyền hành đạo chỉ cốt giữ đúng được ba điều kể trên là đủ rồi, còn về nghi thức như trần thiết đồ tế lễ, phải như thế nào... thì việc đó đã có kẻ chấp-sự lo liệu, người trên không cần thắc mắc quan tâm đến. Ông kết luận : Bậc quân vương phải đặt lòng thành kính lên trên hết. Như thế mới yên được muôn dân.

Trên đây là lời chú giải chữ « Kính » của các tiền hiền. Giờ đây, ta thử đem bàn chữ « Kính » của người thời xưa xem đối với người thời nay, nó còn giữ được nguyên vẹn giá trị của nó hay không ? Và nhân chè, cũng để suy rộng phạm vi chữ « Kính » có thể áp dụng vào đời nay như thế nào và trong những trường hợp nào.

Theo nghĩa liên hệ, Kính và Cung đã tạo thành một danh từ kép luôn luôn đi đôi với nhau, vì « cung » là điều phát ra ở tâm, mà « kính » là hành động phát ra ở cử chỉ. Đối với bản thân, « kính » đồng nghĩa với «túc» (nghiêm túc) ; đối với hành động, kính đồng nghĩa với « cần » với « thận », với « thành ».

Mọi việc ở đời từ việc nhỏ tới việc to, nếu lòng người ta giữ một chữ « kính » ngay khi mới bắt đầu

vào việc, thì hành động sẽ phát ra « cung » ra « cần », ra « thận » và ra « thành ». Phàm đã có cung, cần, thận, thành, đúng theo đạo « kính » thời lúc thì hành chắc là ít có sự thất bại, hay tối thiểu cũng làm cho nhiều người chung quanh nếu không khen ngợi, ủng hộ, thì cũng không phản đối hay phá hoại ngầm. Do đó, mà thánh nhân mới đặt chữ « kính » lên đầu thiên Khúc Lễ, vì nó đã đứng đầu mọi tư tưởng, mọi hành động, để đi đến chỗ thành công.

Về nghĩa phản hệ, « kính » có nghĩa là phản với «mạn» với «khinh», với «kiêu», với «ngạo», với «đãi», với «bất tön».

Nếu ta chỉ cần giữ có một chữ « kính » là tức khắc loại được sáu điều phản lại : mạn, khinh, kiêu, ngạo, đãi, bất tön là sáu chướng ngại luôn luôn ngăn đường lối tu đạo, lập đức con người. Như thế thì chữ « kính » há chẳng phải là đáng quý cho tất cả mọi thời đại xưa và nay hay sao ?

Để áp dụng chữ « kính » trong trường đời, ta thấy « kính » còn nhiều nghĩa nữa. Thật thế, đối với vua, kính là trung ; đối với cha mẹ, kính là hiếu, đối với anh em kính là đễ, đối với bề hạ, kính là tín, đối với vợ chồng kính là hòa. . . Vậy phạm vi sử-dụng chữ kính thật là rộng rãi bao la cho nên thánh nhân bảo chữ kính là đầu mối của muôn việc, để giữ được chữ « kính » thì mọi tình mọi đẹp, mọi việc mọi hay, điều đó không phải là vu khoát. Nếu bỏ mất chữ kính thì mọi việc dù nhất thời có thành công, nhưng về sau ắt rồi cũng thất bại.

Cứ xem một câu chuyện trong thời vua Gia-Long khai sáng chép trong cuốn Nguyễn Triều Long Hưng sự tích sau đây thì rõ.

Câu chuyện đó như sau :

Vua Thế Tổ nhà Nguyễn khi còn bôn tẩu trong cuộc hoạt động khai quốc đã có một lần được vị cự thần là thượng tướng Phương (1) chiêu tập các chiến sĩ anh dũng, tự lập đoàn quân khởi nghĩa lấy tên là quân khởi nghĩa Đông Sơn ra giúp ngài. Thượng-tướng Phương được ngài phong làm nguyên súy rồi cùng ngài đề binh về đánh tỉnh Gia-Định. Nghĩa quân tiến đến cầu Tham Lương, giết luôn được ngự Nội-hầu Ngạn rồi tiến đến đất Thủ-Thiên lấy được hạm ngự Tư-khẩu-Kim, kết quả thu được toàn hạt Gia-Định. Không ngờ sau khi thắng lợi, thượng tướng Phương sinh ra ngạo mạn, cậy mình có công to, tỏ ra thái

(1) Có chỗ chép là Đỗ-Thành-Nhan.

(xem tiếp trang 16)

CHÚNG ta đã nhận thấy, qua những phong-tục tập-quán, thần-thoại và lịch-sử, người Việt chính-tổng sinh-hoạt phần lớn với sông ngòi hồ ao và có khuynh-hướng rõ ràng về biển cả (vocation maritime) trong khi đó người Trung-Hoa, thuộc Hán-tộc, nhất-định khuynh-hướng về lục-địa (vocation continentale).

Chúng ta chỉ cần nhắc lại rằng trong thần thoại của ta có 50 người lên núi và 50 người xuống biển. Những người lên núi đã chọn con hạc, con chim trĩ, con phượng-hoàng, xem như là giống linh-diệu cao-qui để thờ phượng. Những người xuống biển đã chọn con ngà-ngư, con giao-long, con qui và con rồng, như là những linh-vật tượng-trưng cho một nền văn-hóa có liên-hệ với trùng-dương và các hải-đảo.

Chúng ta cũng không quên rằng người Việt là dân-tộc duy-nhất đã đạt tới một kỹ-thuật tinh-vi và độc-đáo trong sự chế-tạo một « quốc-vị » (condiment national), mệnh danh là nước mắm, đầy đủ chất bổ và đã giúp cho dân tộc ta sanh tồn và phát triển trường-kỳ trên một giải đất nghèo nàn và chật hẹp.

Cho nên, chúng ta hoàn toàn đồng ý với nhà bác học Bernard Groslier, tác-giả quyển « Indochine - Carrefour des arts » mới xuất bản, khi ông ta phát biểu những ý kiến sau đây :

« Alors que sa structure isole l'Indochine de l'Asie terrestre, elle l'ouvre au contraire largement sur la mer. Tandis que la Chine, tandis que l'Inde sont des continents si vastes qu'ils s'enfoncent sous leur poids et ont le plus souvent négligé l'espace marin, l'Indochine ne respire que par lui, et sans lui ne serait que ce qu'elle est, après tout : un bout du monde. »

Đại ý O.Groslier nói rằng : sự cấu-tạo địa-lý của bán đảo Đông-Dương tách rời xứ này khỏi lục địa Á-Châu, để liên-kết với hải-phận Thái-Bình-Dương, trong khi đó Trung-Hoa và Ấn-Độ vì lãnh-thổ quá ư rộng lớn, bị chìm dưới sức nặng của họ, làm cho họ ngoảnh mặt làm lơ đối với biển cả. Đông Dương chỉ sống nhờ biển, và nếu không có biển, nó chỉ là một cái chóp đuôi của thế-giới, không hơn không kém.

Những nhận xét căn bản trên kia có thể cho phép chúng ta ức đoán rằng, ở vào một thời kỳ rất xa xưa, địa-bản thổ-cư của người Việt chính tổng là miền duyên-hải Đông-Nam-Á, kể cả những quần đảo rải rác khắp Tây-bộ Thái-Bình-Dương, như Hoàng Sa và Trường-Sa chẳng hạn. Vị-trí những hòn đảo này hoặc rất xa hoặc rất gần đối với lãnh-thổ căn-bản của nước ta hiện tại. Những đảo nào ở gần duyên hải thì lần hồi sẽ dính liền với lục địa, nhờ phù-sa của các con sông lớn lấp dần từ thế-kỷ này sang thế-kỷ nọ. Còn những hòn đảo ở tận ngoài khơi, chèo ghe phải mất ba bốn ngày, là những bằng-chứng cụ-thể để xác-nhận rằng xưa kia lục-địa đã tới tận nơi

này, nhưng về sau đã bị sụp-đổ và chìm đắm dưới biển sâu.

Chúng ta có thể dẫn ra đây vài sự-kiện cụ - thể về những cái - biển địa - lý nói trên, để chứng minh rằng có những hòn đảo xưa kia hiện ngang nơi trùng dương vĩ đại, mà nay đã trở thành những đồi chè xanh tươi, những ruộng dưa phong phú...

Chúng ta hãy lùi lại đời vua Hùng Vương thứ XVII, để tìm gặp một người ngoại lai, tên là Mai-An-Tiêm, mới lên 7 tuổi, do thuyền buôn chở đến. Người này có lẽ thuộc giống Mã-Lai hay Anh-Đô Nê-Giêng, là những sắc dân có tiếng bơi lội và chèo ghe rất giỏi. Hùng - Vương bèn mua về làm con nuôi, diện mạo đoan chính, nhớ

« kịp lúc lớn lên thì biết nhiều việc. »

Theo sách « Lĩnh Nam Chích Quái » của Trần Thế Pháp soạn vào cuối đời nhà Trần (1), thì An Tiêm rất được vua Hùng yêu chuộng, được vua cưới cho một người thiếp, sinh được một trai. Dần dần An-Tiêm sinh ra kiêu-mãn, thường nói rằng tất cả những của cải của nghĩ là vật tiền-thần, chứ không phải của trông nhờ vào nơi ơn chúa.

Vua Hùng nghe nói cả giận, bèn đẩy An-Tiêm ra một hòn đảo ở ngoài cửa biển Nga-Son, thuộc tỉnh Thanh Hóa, gần cửa bể Thần-Phù. Nơi đây

(1) Bản dịch của giáo sư Lê Hữu Mục, Khai Trí xuất bản.

TÌM HIỆU ĐỊA-LÝ VIỆT-NAM

NHỮNG HẠT DỪA MÀU NHIỆM

★ THÁI - VĂN - KIỀM biên khảo

không có dấu chân người lai vãng. Vua chỉ cho mang theo ít lương thực đủ sống bốn năm tháng mà thôi, ăn hết rồi tất phải chết. Dụng ý nhà vua là muốn cho Mai An Tiêm nhận rằng không có vật tiền-thân, mà tất cả đều là ơn vua lộc nước.

Mai An Tiêm không một chút sồn lòng, bèn bảo vợ rằng :

— *Trời đã sinh thì Trời phải dưỡng, có lo gì ?*

Chẳng bao lâu, vào cuối xuân đầu hạ, An Tiêm « bỗng thấy một con bạch hạc từ phương Tây bay lại, đậu lên một mỏm núi cao, kêu lên ba bốn tiếng, thì sáu bảy hạt dưa rơi trên mặt cát, đâm chồi nảy lộc, lan trên cát, xanh tốt rườm rà, rồi kết thành *TRÁI DƯA*, nhiều không kể xiết ».

An Tiêm mừng rỡ nói rằng :

— *Đấy đâu phải là quái vật, đó là Trời cho để nuôi ta đó !*

An-Tiêm bèn bỏ dưa ra ăn thì thấy « mùi vị thơm tho ngọt ngào, ăn vào thì tinh thần khỏe khoắn ; rồi cứ mỗi năm trúa thêm, ăn không hết thì đem *đổi lấy lúa gạo* nuôi vợ con. Nhưng không biết dưa ấy tên gì, mới nhân chim tha từ phương Tây đem đến, nên đặt tên là *TÂY-QUA* ».

Từ đó, những dân chài lưới, buôn bán ưa thích mùi vị của Tây-quà, đều đem phẩm-vật hàng-hóa của mình tới *đổi lấy dưa*. Nhân dân các nơi xa gần, từ trên nguồn xuống tới biển, tấp nập tìm tới *tranh nhau mua hạt giống*, đem về gieo trồng tía khắp nơi. Nhân dân bèn suy-tôn An-Tiêm là « *Tây-quà phụ-mẫu* ».

Sau một thời gian khá lâu, Hùng-Vương nhớ đến An-Tiêm bèn sai người tìm tới chỗ ở của An-Tiêm để dò thăm tin tức. Người ấy trở về tâu sự thực lên Hùng-Vương. Vương than rằng :

— *Nó bảo là vật tiền-thân của nó, thực là không nói dối vậy !*

Hùng-Vương bèn triệu Mai An Tiêm về, cho phục chức và cho thêm tỳ-thiếp, rồi đặt tên chỗ An-Tiêm ở là « *An-Tiêm Sa-Châu* » ; thôn ấy gọi là *Mai-An*, đến nay người ta còn thỉnh trái Tây-quà tôn-phụng tổ-khảo mà tế-tự hàng năm.

Hòn đảo của An-Tiêm còn có tên là *Qua Châu*, nơi sản xuất quả dưa đỏ, thường gọi là *dưa hấu*. Theo Đại-Nam Nhất Thống-Chí, quyển Quảng-Bình, mục thổ-sản, thì dưa hấu danh tiếng nhất sản xuất tại *Hữu-Cung*, huyện Phong-Lộc, tức là phủ Quảng-Ninh bây giờ. Theo tôi ước đoán thì chữ *Hấu* trong danh từ *dưa-hấu* có lẽ đã mượn ở danh-từ *Hữu-Cung* (1) mà ra, cũng như địa-danh *Đồng-Hới* liên-hệ mật-thiết với danh-từ *Động-Hải* vậy.

Trước ngày đảo-chánh Nhật, mồng 9 tháng 3 năm 1945, tôi đã nhiều lần tới sân bay Hữu-Cung để mua dưa hấu. Dưa hình thuận, to lớn, cân nặng tới ba bốn ký, vỏ xanh *lông đỏ như đôi môi thắm tươi* của người trinh-nữ, *hạt huyền đen nhánh như hàm răng* của giai-nhân nước Việt cổ-diễn. Khi ăn vào thì mát gan mát ruột, khoan khoái trong người tưởng chừng như xua đuổi mọi sự ưu phiền mệt nhọc trên cõi trần ai ! Rồi ta đâm ra tưởng nhớ An-Tiêm, anh chàng Robinson đầu tiên của nước Việt, đã tự túc sinh sống trên hoang đảo Qua-Châu, nhờ niềm tin tưởng tuyệt đối nơi *Đấng Tạo Hóa*.

Qua Châu xưa hẵn là một hòn đảo, nhưng nay đã dính liền với lục-địa là huyện Nga-Sơn, tỉnh Thanh-Hóa. Không những dính liền mà ngày nay còn cách xa biển tới ba bốn cây số ! Đi sâu vào chi-tiết chúng ta được biết Qua-Châu thuộc về làng Văn Đức, tổng Tân Phong, huyện Nga-Sơn. Muốn đi tới đó, thì phải theo con đường Tỉnh số 5, cho tới cây số 37, đi thêm 500 thước nữa, rồi rẽ sang tay phải, theo con đường nhỏ lên núi, trèo qua một cái đèo nữa, thì tới một thung lũng có *đền thờ vợ chồng Mai An Tiêm*. Hàng năm, dân địa phương cử hành lễ giỗ vào ngày mồng 3 tháng 3 Âm-lịch.

Nhà văn Nguyễn-Trọng-Thuật, tác-giả tiểu-thuyết « *Quả Dưa-Đỏ* », đăng trong Nam-Phong tạp-chí số 104, Avril 1926, có nhắc lại hình ảnh của Mai An Tiêm đang chèo ghe qua cửa bể Thần-Phù :

Lênh đênh qua cửa Thần Phù,

Khéo tu thì nổi, vụng tu thì chìm !

An-Tiêm đã không chìm, nhờ đức tin bất di bất dịch, cứ mạnh dạn chèo ghe ra giữa bể khơi, « ngoảnh lại trời tây tựa hồ có ý buồn, mà trông ra bể lại càng thích ý được thưởng một cuộc hào, du hiểm có trong thân-thể, lòng thơ phoi phới bèn ngâm lên một bài rằng :

« Vàng trắng lừng lững bể đông,

Thần-châu mù mịt mây phong non Đoài.

Sông kênh đào đục doanh khơi,

Lưng ngao ngùn ngụt chân trời mệnh mang,

Sa chân xuống cõi trần hoàn.

Đã xem xem khắp kỷ quan của Trời.

Rời khỏi Nga Sơn, rồi sân bay Đồng-Hới, chúng ta thẳng tiến vào Nam, để dừng chân lại *Nhatrang*, là một linh-địa của xứ Kauthara thuở trước, cầu tạo bằng nhiều đồi núi, bãi cát và hòn đảo rải rác nơi cửa bể *Đại-An*. Đại-an là tên một ngọn núi tọa lạc phía Tây Nha-

(1) Người địa phương thường gọi là Hoa-Cai, Hậu-Cai.

trang chừng 8 cây số, trong quận Vĩnh Xương bây giờ. Ngọn núi này, cũng như hầu hết những ngọn đồi ở châu thành Nhatrang, xưa kia là những hòn đảo, mà đất phù-sa của *Sông Cái* đã bồi lấp và gắn liền với nhau.

Ngày xưa, Sông Cái không chảy thẳng ra Xóm Cù Lao Nhatrang như bây giờ ; nó chảy vòng hòn núi *Đồng Bò* về tới eo biển *Thủy-Triều*, gần vịnh Cam-Ranh. Đường Quốc-lộ 1 từ Diên Khánh chạy tới Suối Dầu, Hòa Tân, ngang *Thủy-Triều*, chính là thung lũng cũ của con Sông Cái. Cho nên tất cả dãy núi *Đồng Bò*, phía Tây Nam thành phố Nhatrang, xưa kia là một hòn đảo lớn.

Trở lại hòn núi *Đại An*, chúng ta nhớ rằng trong thần thoại *Poh Nagar*, tức Bà Chúa Xứ, tức Thiên Y Thánh Mẫu, cũng có nhắc tới một thửa vườn *dưa-hấu*, mà vợ chồng người tiểu-phu đã dày công trồng tía trên triền núi *Đại-An*. Phải chăng từ đời *Thượng-cổ*, đã có những giống chim gan dạ, nương theo gió Mùa bay từ Bắc vào Nam, mang theo trong lòng rất nhiều hạt *dưa của Mai-An-Tiêm* để gieo rắc nơi địa phận của Bà Chúa Xứ ?



NHỮNG giống chim nói trên còn tiến xa hơn nữa, trên đường bay về Nam. Tung mây lướt gió, chim mỗi cánh sẽ tạt đậu trên *Cần Sơn*, mà tên thật đúng là *Pulo Condor*. Cái tên kỳ lạ này đã làm cho nhiều người thắc mắc, trong số đó có nhà-văn họ Hồ, đã giải thích là một hòn đảo (pulo), trên đó thường có giống chim *đại bàng* (condor) bay ngang và đậu lại. Ông ta thêm rằng : không chừng đây là giống chim *Lạc*, một loại *thần-điểu* (oiseau-totem) của dân-tộc Việt ngày xưa. Kể ra thì ông cũng giàu trí tưởng tượng thật đấy ! Nhưng bây giờ thì chúng ta cần bổ-chính rõ ràng hơn, mà nói rằng : *Pulo, Poulo* trong ngôn-ngữ *Mã-Lai* có nghĩa là *hòn đảo* ; cũng như danh-từ *Knor, Knour* của người *Chiêm-Thành* đã được Việt-âm-hóa là *Cù-lao* vậy.

Riêng về danh-từ *Condor, Kondur* trong *Mã-ngữ* chỉ-định một loài dưa, một thứ *bí bầu*, thuộc họ Cucurbitacées, cũng do những giống chim từ phương xa mang hạt giống gieo xuống nơi hoang đảo, để giúp cho những chàng Robinson Á-Đông có phương-tiện mà sinh sống tự-túc, theo phương châm :

Tri túc tiện túc, đãi túc hà thời túc ?

Tri nhân tiện nhân, đãi nhân hà thời nhân ?

(Nguyễn Công Trứ)

có nghĩa là :

Biết đủ tự cho là đủ ; chờ đủ biết bao giờ mới đủ ?

Biết nhân tự cho là nhân ; đợi nhân biết bao giờ mới nhân ?

Ngày xưa, những nhà hàng hải Tây-Phương thường ghé lại *Poulo Condor*, để núp gió chẳng hạn ; họ đã phiên dịch tên đảo này là *Ile aux Courges* và họ gọi biển này là *Mer aux Calebasses*.



Qua những dẫn chứng trên kia, chúng ta đã nhận thấy rõ những mối liên-hệ giữa các hải đảo và sự cấu-tạo lãnh-thổ Việt-Nam qua các thời-đại. Chúng ta đã nhận thấy rằng đời sống thần-thoại, tinh-thần, văn-hóa, xã-hội và vật chất của dân-tộc Việt mang nhiều sắc-thái có liên-hệ mật-thiết và trực-tiếp với hải-dương và các quần-đảo thuộc Tây-bộ Thái-Bình-Dương nói chung và Đông-Nam-Á nói riêng.

Nói một cách khác, chúng ta có thể xác định rằng, trên hai phương diện lịch-sử và địa-lý, Việt-Nam là một bán đảo, hay là một quần-đảo, mà giây liên lạc là những giống chim ta quen gọi là *việt-điểu*, và mầm sinh-lực đời dào là những hạt *dưa màu nhiệm*.

Bảo Tàng Viện, ngày 3 tháng 10, 1963

THÁI-VĂN-KIỆM

« KÍNH » PHẢI CHĂNG . . . ?

(tiếp theo trang 13)

độ bất kính mà đối xử thất lễ vua tôi trong hững lúc đi đứng, nói năng, vua Thái-Tổ rất buồn thái độ đó nên ngài buộc lòng phải thiết kế giết thượng tướng Phương mặc đầu thượng tướng Phương là người đã vào sinh ra tử giúp ngài.

Xem chuyện này ta thấy rằng : đây là một tấm gương cảnh cáo rất lớn soi chung cho những ai chỉ vì không biết tôn trọng chữ « kính » mà khiến cho cuộc đời tan vỡ giữa chừng, tuy có tài mà không đem hết được tài năng ra phụng sự nước nhà lưu danh muôn thuở.

Tuy nhiên đây cũng mới nói lên một trường hợp trong các trường hợp mà thôi, còn biết bao chuyện : bố xa con, vợ lìa chồng, anh em hăn học nhau, bè bạn hiềm khích nhau, v.v.,.. mà ta mục kích hàng ngày, phải chăng cũng bởi điều bất kính mà ra ?

Vậy nói đến chữ kính, dù là chúng ta đang ở trong thế kỷ hai mươi dưới thời đại nguyên tử này, ta há coi thường được sao.

PHẠM-NGỌC-KHUÊ

TỔNG Nha Cảnh - Sát Quốc - Gia vừa xây cất xong tại Trung-Tâm Huân-luyện và Tu-nghiệp một nhà bản và Nhu-đạo, và ngày 21-9-63 vừa qua lễ Khánh-thành đã được tổ chức trọng thể dưới quyền chủ tọa của Ông Tổng Giám-Độc Cảnh-Sát Quốc-Gia. Tới dự lễ Khánh-Thành, ngoài các cấp chỉ-huy ngành Cảnh-Sát tại Tổng Nha và C. S. Q. G. Đô-Thành còn có Trung - Tá Đô-Trưởng Nội-An, Bà Trưởng Ban Huân-luyện Phụ-Nữ Bán Quân-Sự Đại-diện Ban Chấp-hành Trung-ương Phụ-Nữ Liên-Đới, Ông Walton Chi-vụ-Trưởng An Ninh Dân-sự và một số Phò-trí viên Hoa-Kỳ.

diễn nhu-đạo do các Huân-luyện-viên Huyền đai Việt, Nhật trình bày. Các thể võ cận chiến, tự vệ, tước đoạt vũ khí, dao, mác, gậy, các pha vật lộn rùng rợn bắt ngờ đã được các giáo sư nhu-đạo trình bày rất ngoạn mục và đã được quan khách tán thưởng nhiệt liệt

Sau phần biểu diễn nhu-đạo, Ban Tổ-chức đã hướng dẫn Ông Tổng Giám-Độc cùng quan khách xuống nhà bản để dự kiến cuộc thi tác xạ. Trong số các thiện xạ dự thí, ngoài các nhân viên trong Ngành từ các Trung-Tâm Huân-luyện và các Nha địa-phương cứ về còn có cô Lâm-thị-Huệ Nữ vô địch tác xạ Phụ-nữ

Bán Quân - sự do Tòa Đô Chính Sài Gòn gởi tới dự thí.

Khai hòa đầu tiên, Cô Lâm-thị-Huệ đứng mãnh trong bộ đồng phục Thanh-nữ Cộng-Hòa với 2 khẩu súng 2 bên hông, nữ xạ thủ đã bắn 5 phát (thẻ đứng 2 phát, 1 tay trái, 1 tay phải, 1 thẻ ngồi, 1 thẻ quỳ và 1 phát bắn biểu diễn bằng cách soi kiềng để phân chiều mục tiêu) cả 5 phát đều trúng đích, 5 quả bóng cách xa 15 thước đã tan tành liên tiếp theo 5 tiếng súng nổ, tiếng súng nổ cuối cùng chen lẫn tiếng vỗ tay hoan nghênh của quan khách. Kề đến

(xem tiếp trang 48)

LỄ KHÁNH THÀNH

NHÀ BẢN VÀ NHU ĐẠO

NHA TỔNG GIÁM ĐỐC CẢNH SÁT QUỐC GIA

Đúng 9g. 30 Ông Tổng Giám-Độc C.S.Q.G. tới ; sau phần nghi lễ Ông Tổng Giám-Độc long trọng cắt băng khánh-thành và cùng quan khách tiến vào Hội-trường, trước hết Ông Tổng Giám-Độc lên diễn đàn cảm ơn sự hiện diện của quan khách, trình bày chủ-trương và chương - trình huân-luyện do Ngành đã hoạch định với mục đích đào tạo nhân-viên Cảnh-Sát thành những cán bộ lành nghề, thông thạo về chuyên-môn, rành rẽ về tác chiến ngõ hầu trong lúc bình thường cũng như trong khi hữu sự phụng sự Quốc gia một cách hữu hiệu hơn. Ông cũng không quên cảm ơn sự hợp tác thân hữu của Chi-vụ An-ninh Dân-sự mà nhà bản và nhu-đạo khánh-thành hôm nay có thể nói là thứ nhất ở Đông-Nam-Á lại thêm một bằng chứng biểu dương sự nỗ lực phối hợp chặt chẽ của USOM đối với Ngành CSQG.

Tiếp đó Ông Walton, Chi-vụ Trưởng An ninh Dân-sự đáp từ, tỏ ý vui mừng vì Ngành CSQG. càng ngày càng tiến triển, vượt mức, Ông hy vọng ở tương lai Ngành C.S.Q.G. sẽ còn tiến xa hơn nữa, nhân dịp này Ông Walton nhân danh các Phò-trí-viên xác nhận tinh thần nỗ lực hợp tác trong tình huynh đệ để giúp đỡ ngành CSQG nói riêng và dân-tộc Việt-Nam nói chung chiến thắng Cộng-sản.

Sau lời đáp từ của Ông Walton, quan khách đã dự khán một cuộc biểu



Ông Tổng Giám Độc Cảnh-Sát Quốc-Gia cắt băng khánh thành



phóng sự
HÌNH ẢNH

Lễ Khánh Thành

NHÀ BẮN (VÀ)

NHU ĐẠO

TỔNG NHÀ CẢNH SÁT QUỐC GIA



Hình trên : Đón tiếp quan khách đến dự lễ Khánh Thành.

Hình dưới : Cuộc bắn biểu diễn của các Xạ - Thủ của Ngành C. S. Q. G.



BIỂU - DIỄN TÁC - XẠ

✦ Thể bắn đứng
hạn định 20 giây



BIỂU DIỄN NHƯ - ĐẠO

✦ Thể võ tự vệ



✦ Thể võ cận chiến



✦ Khóa sinh
học tác - xạ



N HỮNG cuộc xem xét dấu vết
lũng trên quần áo của một nạn
nhân chết vì súng bắn, thường khi
đem lại được những chi tiết quý giá
để tiến hành cuộc điều tra

Cuộc giao nghiệm sẽ cho biết một
dấu rách trên hàng vải có phải là thực
sự do một viên đạn đã đi xuyên qua
hay không.

Cuộc giao nghiệm ấy sẽ giúp cho
người ta phân biệt được « lỗ vỏ » và
« lỗ trở ra » của viên đạn.

Cuộc giao nghiệm dấu vết thuộc
súng giúp cho điều tra viên phòng
trước được khoảng cách giữa người bắn
súng và nạn nhân bị trúng đạn.

Sau đây, chúng ta thử phân tách
các trường hợp xảy ra.



I.— SỰ TẦM NGUYÊN NHÂN GÂY RA DẤU RÁCH TRÊN QUẦN ÁO.

Một cuộc nghiên cứu loại này chỉ
đem lại sự lợi ích cụ thể trong vài
trường hợp đặc biệt mà thôi, bởi lẽ
tự nhiên khi người chết đã bị trúng đạn
thật sự thì cuộc giao nghiệm để tìm ra
nguyên nhân gây ra lỗ rách trên quần
áo không còn có ý nghĩa nữa.

Chúng ta lấy thí dụ 1 viên đạn
bắt thần đã bắn đi xuyên qua một chéo
áo dài của một thiếu nữ, một bìa mũ
của một quân nhân, một ống quần rộng
cắt theo kiểu Việt-Nam mà không gây
ra thương tích nào trên người ; trong
các trường hợp này, không có một
bằng chứng nào chắc chắn khác hơn là

lời khai của người tố cáo để quả quyết
rằng đã có súng nổ và kiểm soát các
điềm khiêu nại.

Được biết những chuyện giống
như vừa mới kể đã có xảy ra nhiều lần
rồi và đã làm cho sở Cảnh Sát và
Tòa Án phải gặp nhiều thắc mắc.

Cách đây chừng 4 năm, Tòa Sơ
Thẩm Saigon có ra lệnh điều tra một
vụ « toan cô sát » một nhân viên nọ
thuộc một Ty Cảnh-Sát Đô-thành bằng
súng lục Theo lời khai của nguyên đơn,
nội vụ đã xảy ra như sau đây : Nhân
viên A và nhân viên B cùng làm việc
chung trong một ban truy tầm ở quận ;
bữa nọ họ được lệnh thượng cấp hợp
tác nhau để theo dõi một phần tử bất
hào lẫn trốn ở vùng ngoại ô. Không ai
được biết 2 người này có ác cảm trước
với nhau không. Nhân viên A quả quyết
rằng trong khi y đi trước, nhân viên B
đi phía sau đã bắn một phát súng lục
vào phía đầu hắn trong lúc hành sự
chung, bằng chứng trưng ra là cái mũ
Cảnh-Sát của A bị lũng một lỗ ở vào bìa
nón, viên đạn đi xuyên qua tất cả 2 lớp
vải mũ và bay đi không trúng vảy sọ
đầu. Cái mũ lớp bằng kaki trắng, bên
trong có lót vải kaki vàng. Lỗ đạn do
súng lục 7,65 để lại trên tang vật rất
khó nhận thấy bằng mắt thường nếu
không áp dụng thêm phương pháp hóa
học để thí nghiệm dấu vết thuộc súng
còn dính lại.

Trong các tiểu thuyết trinh thám,
người ta cũng có thuật lại trường hợp
một viên đạn trúng vào người mà
không đi lũng vỏ da thịt, viên đạn ấy
chỉ nằm kẹt giữa lớp quần áo và lớp
da ngoại ; sau đó bởi sự cử động trong
lúc đi đứng, hay là để thay đổi quần

áo, viên đạn tang vật đã rút mất đi,
không tìm kiếm lại được để xem xét.

Tất cả trong hai trường hợp
trên đây, trong khi cơ quan điều tra
thiếu tang vật (viên đạn) để cứu xét,
thì cuộc nghiên cứu chi tiết của lỗ đạn
trên quần áo trở thành một việc cần
thiết để xúc tiến cuộc truy tầm thủ
phạm.

Dấu vết của viên đạn súng bắn ra
như thế nào ?

Người ta nhận được dấu vết ấy
bởi những hình thức in lên cho thấy
chung quanh lỗ đạn : thí dụ vòng khói
đen, những hạt thuốc súng cháy rồi
hay chưa cháy hết phân tán ra theo
hình thức riêng giống như dấu xăm
minh (tatouages), khác nhau tùy theo
trường hợp bắn gần hay bắn xa, thớ
vải bị cháy hoặc đã chà sát với vòng
ngoài của viên đạn rồi giữ lại những
chất dơ bẩn dính trên đó.

Các chất nói đây có thể là chất
đồng, thau, nickel, đồng trắng (kêu
là maillechort) thép dùng làm lớp áo
ngoài bọc thân viên đạn hoặc là chất
chì dùng đổ ra thành viên đạn.

Những dấu vết thuộc chất kim khí
dính lại chung quanh một lỗ đạn thì
rất ít nên khó thấy được ; người ta
dùng đèn kiềng hiển vi để nghiên cứu
các vật li ti ấy, hoặc là thí nghiệm theo
các phương pháp hóa học có điển.

Trong quyển « Annales de Médecine
légale » 1951, trang 137, Ô. RAMANO
có ấn định những biện pháp thí nghiệm
dấu vết kim khí dính trên lỗ đạn bằng
cách áp dụng các cuộc phản ứng hóa-
màu (couleurs test), sau khi thực hiện
xong giai đoạn diệt chất hữu cơ để
làm tiêu tan phần hàng vải dính chất
đem ra khai thác và phơi trần lên chất
kim khí, nếu có.

Một cuộc thí nghiệm theo lời này
đòi hỏi chuyên viên phải dè dặt, vì kết
quả có thể bị nhầm lẫn đối với chất
màu đã dùng để nhuộm vải hoặc là
hóa phẩm rủi ro đã thấm sẵn vào hàng
vải từ trước mà không biết.

Về cách thức xem cỡ đạn (calibre
de la balle), người ta không áp dụng
đèn đường kính thật sự của lỗ đạn mà
xét đoán. Lỗ đạn trên hàng vải theo
nguyên tắc phải nhỏ hơn hình thức
thật sự của viên đạn, bởi vì trên đường
viên đạn di-chuyển nhanh đi tới, các
thớ vải bị xé tét ban ra mau lẹ rồi
sau đó các đường chỉ trở lại vị trí
cũ, khiến ra lỗ đạn khép nhỏ lại.

(xem tiếp trang 51)

CANH SÁT KHOA - HỌC

✱ NGUYỄN CÔNG CHÍNH

GIÀO - NGHIỆM QUẦN ÁO

TANG - VẬT BỊ SÚNG BẮN

NGHỆ - THUẬT LÃNH - ĐẠO ⁽¹⁾

(tiếp theo)

★ T. H. lược thuật

1) Những nhà lãnh-đạo bẩm sinh là những người được trời phú cho nhiều khả năng về lãnh-đạo hơn những người khác. Họ là loại người rất hiếm, ta có thể thấy ở tất cả mọi tầng lớp xã hội, mọi lãnh vực hoạt-động như quân-đội, chính-trị, thương giới, cảnh-sát v.v... Qua các thời đại, họ là những César, Marlborough, Napoléon, Rockefeller, Winston Churchill v.v...

2) Những nhà lãnh đạo sẵn có uy-quyền truyền thống là loại mà hầu hết trên thế-giới chỉ còn sót lại ít người, vì theo đà tiến triển của xã-hội, trong những nước tân tiến (ngoại trừ còn lại một số rất ít theo chế-độ Quân-chủ), khả-năng lãnh-đạo không tùy thuộc địa-vị và uy-quyền truyền-thống. Đền đây ta phải nhận định rõ rằng những người này chỉ có hư-quyền trong những chế-độ Quân-chủ lập-hiền mà quyền lãnh-đạo được truyền theo hệ-thống gia-đình. Tuy nhiên xã-hội loài người đã tiến đến chỗ có những biện pháp kiểm-soát hữu-hiệu để ngăn cản những người cầm quyền thiếu thiên-tài lãnh-đạo, không cho họ lạm dụng quyền hành mà họ có sẵn trong tay.

3) Những người lãnh đạo do đời sống hàng ngày đào tạo ra, là loại có nhiều nhất, vì ngoại

trừ một số nhỏ, hầu hết con người đều có ít nhiều tư-chất để trở nên người lãnh-đạo; tuy nhiên, vấn-đề được nêu lên ở điểm này là trong phạm-vi khả-năng cá-nhân, tư-chất có thể phát triển đến mức nào, để có thể lãnh-đạo ở cấp bậc nào.

Vì vậy người có khả năng hơn hết sẽ điều-khiển ở mức cao nhất, và cứ thế xuống thấp dần. Tuy nhiên, điểm quan trọng trong mối tương-quan này là có thể tạo nên những nhà lãnh-đạo, nếu họ có đủ những điều-kiện căn bản. Người ta có thể huấn-luyện các nhà lãnh-đạo, có thể khuyến-khích họ trong công cuộc lãnh-đạo, nhưng chỉ có khả-năng căn-bản của họ là chỉ định được họ có thể lãnh-đạo ở mức độ nào.

Những tư-chất cần thiết của một nhà lãnh-đạo là gì? Như đã nói trong bài trước, có rất nhiều đặc tính, và mỗi nhà lãnh-đạo sẽ dùng những đặc tính đó để phát-triển đến mức độ cao nhất làm nền móng cho công cuộc lãnh-đạo của mình. Tuy nhiên, một khi bắt đầu vào công cuộc lãnh-đạo, phải biết những đặc tính nào được các người theo mình chú ý hơn và sẽ phát-triển những đặc tính đó theo khả-năng của nó.

Cần phải nhắc lại một lần nữa, không một nhà lãnh-đạo nào có

đủ những đức tính, phát-triển ở một độ thật cao, nhưng tất cả những nhà lãnh-đạo đều có ít nhiều những đức tính căn bản.

Nhà lãnh-đạo phải có khả-năng cảm hóa người khác, phải khiến họ chịu ảnh-hưởng mình, chứ không phải chỉ ra lệnh cho họ mà thôi. Để có thể thực hiện điều này với một hiệu-lực tối đa, người lãnh đạo phải tỏ cho họ thấy lòng ngay thẳng của mình sự nhiệt thành theo đuổi mục-đích, biết nhận lấy trách-nhiệm và ý chí muốn thành công.

Những đặc tính khác là :

NHÂN CÁCH

Thật là một đặc tính khó định nghĩa, nó là một biểu-hiệu tự nhiên của một khả-năng thượng thặng, nó không có nghĩa là tự cao tự đại hay tự kiêu nhưng có nghĩa là tự điều-khiển cho đúng để dân chúng coi mình như một người dẫn dắt, một người điều-khiển, một quan điểm hay một lý tưởng.

CAN ĐẢM

Lòng can-đảm là đặc tính thứ hai, lẽ tự nhiên là dũng-cảm về phương diện vật-chất nhưng chỉ là một phần nhỏ. Ta có thể tóm tắt, một người nhút nhát không thể thành một nhà lãnh-đạo giỏi; nhưng can đảm còn có nghĩa về phương diện tinh-thần. Đặc tính này rất cần thiết và có sức hấp dẫn nhất mà nhà lãnh-đạo phải có, do ở chỗ những người được dẫn dắt tin tưởng rằng nhà lãnh đạo có lý, và với bất cứ giá nào nhà lãnh-đạo không bao giờ bỏ mục-tiêu của mình. Thiếu lòng dũng-cảm tinh-thần là một khuyết điểm trầm trọng của nhà lãnh-đạo.

(1) Xem Bản Dân số 43

CƯƠNG QUYẾT

Một người lười biếng không bao giờ trở nên một nhà lãnh-đạo giỏi. Mặc dầu biện-pháp ủy-quyển là rất cần thiết đối với một nhà lãnh-đạo, nhưng người lãnh-đạo chỉ nên ủy-quyển để thâu lượm được nhiều kết quả hơn và nhanh chóng hơn hay để tránh khỏi đi vào chi tiết. Không nên ủy-quyển để tránh những công việc khó khăn, hay ủy-quyển vì biết rằng mình không đủ khả-năng giải quyết.

THIỆN CẢM

Một người không có thiện-cảm không thể lãnh-đạo được, nhưng thiện-cảm có nghĩa là hiểu biết một người khác chứ không phải quá nhu-nhược; thiện-cảm là một phần cần thiết trong công việc lãnh-đạo miễn là nó không động chạm gì đến đòi-tượng chính, và không có áp lực đối với đoàn thể.

ĐỨC TIN

Nhà lãnh-đạo phải chứng tỏ bằng đức tính rằng mình đáng tin cậy, có thể mang lại sự thành công, khi mình đòi hỏi sự cố gắng ở những người được hướng dẫn. Như thế có nghĩa là nhà lãnh-đạo không được tránh những hậu quả hay lùi bước trước những sự khó khăn của bất cứ việc gì. Nhà lãnh-đạo phải tin rằng mình sẽ thành công, mặc dầu có những sự khó khăn. Nhà lãnh-đạo sẽ thất bại nếu để những người do mình lãnh-đạo đem lòng ngờ vực trước những khó khăn.

VUI TÍNH

Không có tính vui vẻ, người ta không thể trở thành một nhà lãnh-đạo giỏi được. Vui tính không có nghĩa là nói chuyện đùa

cợt, và cũng không có nghĩa là không làm việc một cách đứng đắn, nhưng có nghĩa là nhà lãnh-đạo nhận định được sự cần thiết của sự vui vẻ tươi cười, thoải mái và hiểu rằng một công việc nặng nhọc buồn tẻ sẽ bóp nghẹt ta ngay bước đầu. Nụ cười vui với người khác (không phải cười chê nhạo) cũng giống một câu nói đùa, sẽ làm cho tinh thần bớt căng thẳng.

KINH - NGHIỆM

Nếu ta hiểu được ta đang nói một cách khúc-triệt và minh-bạch về vấn đề gì, đó là một đặc tính rất tốt đối với một nhà lãnh-đạo.

TÀI XÉT ĐOÁN NGƯỜI

Một người chỉ-huy phải có tài xét đoán người, như vậy mới lựa chọn được những người giỏi hơn cả. Điều này tuy cần thiết đối với tất cả mọi cấp chỉ-huy nhưng không cần bằng đối với nhà lãnh-đạo ở mức cao vì phải chọn người tùy thuộc không bị nhầm lẫn về chi tiết. Phải giữ cho tâm-thần cõi mở để nghiên-cứu những kết quả rộng lớn và quyết-định. Nếu đi vào chi tiết quá, nhà lãnh-đạo sẽ nhìn bụi rậm thành rừng cây. Những chi tiết phải để nhân-viên cấp tùy thuộc xem xét. Một khi đã quyết-định rồi và đã cho chỉ thị, nhân-viên sẽ tiếp tục với những chi tiết liên-quan. Vì vậy cấp chỉ-huy phải là một người xét người giỏi để thu hút những cấp tùy thuộc có thể làm việc được.



CHỈ HUY

Điểm thứ hai về vấn-đề lãnh-đạo hoàn toàn liên quan đến việc áp dụng thực tế những nguyên-

tắc lãnh-đạo, đó là nghệ-thuật chỉ-huy.

« Chỉ-huy » có nghĩa là lãnh-trách-nhiệm về điều-khiển. Nhà lãnh-đạo phải chỉ huy bằng cách tự đem mình ra làm thí dụ, không phải chỉ thúc đẩy suông. Nhà lãnh-đạo phải làm việc rất chăm chỉ và có hiệu quả, nhiều lúc phải tỏ cho thấy rằng dù đã lãnh-trách-nhiệm ở tay này nhưng sẽ không ngại ngừng lãnh thêm trách nhiệm khác ở tay kia. Nếu có ai bị phiền-hà vì đoàn thể đã làm hoặc quên không làm một việc gì, người đáng trách là nhà lãnh-đạo, và ông ta phải sẵn sàng nhận lấy lỗi đó, còn việc xử trí với cấp trực thuộc như thế nào lại là vấn-đề khác.

Nhà lãnh-đạo hữu hiệu không có nghĩa phải là một nhà chuyên-môn về đủ mọi công việc mà cấp trực thuộc đang hoạt động; nhưng nó có nghĩa là phải hiểu biết về những công việc đó, phải biết nên làm công việc như thế nào và làm thế nào để hoàn thành. Nói một cách khác, nhà lãnh-đạo hữu hiệu phải có khả-năng biết được những chuyên viên của mình có hữu hiệu không và chắc chắn họ đã cố gắng hết sức làm việc hay không.

Một điểm quan trọng khác là nhà lãnh-đạo phải có đủ kiến-thức về mọi khía cạnh của các công việc do cấp trực thuộc đang thừa hành, như thế ông ta mới có thể biết rằng về công việc ông ta giao phó, cấp trực thuộc có làm nổi hay không. Một nhà lãnh-đạo không hiểu việc, đòi hỏi nhân-viên trực thuộc quá sức họ, sẽ không làm được gì nhiều và không được kính trọng. Người lãnh-đạo không nên đòi hỏi cấp trực thuộc

một việc gì mà họ không đủ khả-năng làm.

Phần lớn sự hữu hiệu của nhà lãnh-đạo là ở sự hòa đồng với nhóm người mà ông ta hướng dẫn, nghĩa là đừng cho mình là cao cả mà tách rời ra khỏi nhóm. Mặc dầu lãnh-nhiệm . vụ lãnh-đạo cả đoàn thể và lẽ dĩ-nhiên có quyền chỉ-huy, người lãnh-đạo không nên tự cô-lập-hóa vì nếu làm như vậy, ông ta sẽ tự gạt bỏ những ý-kiến mà những cấp trực thuộc đầy kinh-nghiệm có thể trình bày. Kết quả, ông ta phải dùng đến trí óc nhiều hơn để giải quyết mọi vấn-đề.

Ta thấy đây chỉ là áp-dụng nguyên-tắc căn bản về sự phối hợp sức mạnh với tinh-thần để thu được nhiều hiệu quả hơn. Như thế có nghĩa là, một cấp chỉ-huy hữu hiệu phải biết dùng hết khả-năng của các nhân-viên trực thuộc và đồng thời cho họ nhiều cơ hội được phê bình và tham khảo ý-kiến. Một cấp chỉ-huy phải là một người giỏi, biết thu thập ý-kiến, nhưng vì được nghe nhiều ý kiến nên chính mình cũng phải có ý-kiến riêng, và khi thi hành phải cương quyết. Cuối buổi thảo luận phải cho cấp trực thuộc biết rõ mình có nghe theo ý-kiến của họ không, như vậy công việc sẽ được thi hành ngay. Cấp chỉ-huy không bao giờ bận tâm về chi tiết, vì như vậy sẽ không nhìn thấy đâu là rừng và đâu là bụi cây. Các chi tiết nên để nhân-viên dưới làm. Cấp chỉ huy cũng phải là người giỏi xét đoán người, như thế sẽ chọn được nhân-viên có khả-năng làm tròn công việc được giao phó.

Một yếu tố lớn nhất trong nghệ thuật chỉ-huy là KỶ-LUẬT. Kỷ-luật có nghĩa là tận tâm

với công việc hay nhiệm-vụ của mình, một sự thừa nhận và áp dụng triệt để các luật lệ với sự hiểu biết hoàn toàn. Có áp dụng gắt gao kỷ-luật, nhóm người mới có thể :

— Tự bảo vệ.

— Dem lại an-ninh một cách hữu hiệu.

Một trong những đòi tượng đặc biệt khác rất đáng kể trong vấn-đề kỷ-luật là việc giữ thanh danh cho đoàn thể hay nhiệm SỞ vì lẽ nếu cá nhân cứ khư khư theo các luật lệ và tiêu-chuẩn riêng của mình thì tất nhiên đoàn thể hay nhiệm SỞ không được người ngoài, và cả nhân-viên ở trong, kính nể.



Chúng ta phải minh định kỷ-luật là gì. Có nhiều khuynh hướng cho rằng kỷ-luật là phạt người có tội nhưng đó chỉ là hiệu quả của kỷ-luật chứ không phải kỷ-luật thực sự.

«Chỉ-huy» còn có những yếu-tố trợ giúp khác. Trước hết là phong-độ của người chỉ-huy, đó là yếu-tố chính nó thúc đẩy một cá-nhân làm việc tận lực cho đoàn thể. Ta nên nhấn mạnh vào đòi tượng chính của chỉ-huy là bảo-đảm sự hữu hiệu của đoàn thể để đoàn thể làm phận sự dễ dàng. Chỉ-huy mà không nhằm mục-đích ấy thì chỉ đem đoàn thể phụng-sự cá nhân.

Một yếu-tố khác là sự KHUYẾN KHÍCH. Làm thế nào để khuyến

khích một cá-nhân làm việc tận lực cho đoàn thể mình. Ở điểm này chưa dùng đến danh-từ «thường» vì khuyến khích không hẳn hàm ý nghĩa vật-chất.

Có những sự việc mà ta phải xử trí hết sức tế-nhi, vì vậy ta cần có một chút kiên-thức về tâm-lý và hiểu biết sâu xa về cá-nhân để biết chắc khi nào cần phải khuyến-khích, nên áp dụng loại khuyến khích nào cho đúng và áp dụng với mức độ nào.

Để cập đến vấn-đề khuyến-khích, ta thấy phải nhận định có 3 hạng người :

Những người có khả-năng :

Đó là những người có thiên tài và lòng hăng hái muốn hoàn thành công việc một cách mỹ mãn. Ta có thể nói họ được trời chỉ định làm công việc đó.

Nói một cách tổng quát những người này không đòi hỏi, hay đòi hỏi rất ít sự khuyến-khích và họ sẽ làm việc đúng với địa vị không cần ai thúc giục. Công việc thành công và lòng thỏa mãn đã đủ là sự khuyến-khích đối với họ ; phần lớn những người trong hạng này là các nhà lãnh-đạo.

Những người kém khả-năng :

Họ làm việc rất đần lờ và rất tận tâm nhưng thiếu khả-năng nên kết quả bị giới hạn.

Đối với hạng này, sự khuyến-khích rất cần và phải áp dụng ngay từ lúc đầu. Nói một cách khác, ta không thể sớm đòi hỏi nhóm người này một mức hoạt động ở độ cao, trước khi ta vỗ vai họ để khuyến-khích, như vậy ta phải khuyến-khích họ luôn luôn.

(xem tiếp trang 44)

CẢNH-Sát Quốc-Gia Việt-Nam sử-dụng súng trái khê Smith Wesson 38 Special, nạp 6 viên đạn, cỡ 9 ly, nòng dài và nòng cụt.

Tại sao các cơ quan Cảnh-Sát và Tỉnh-Báo ưa dùng súng trái khê ổ đạn xoay tròn này ?

So sánh súng Smith Wesson với súng ngắn tự động Colt 45 (cỡ 11 ly 45) của quân đội mỗi loại có những đặc tính gì ?

Đó là những điều mà bài này sẽ trình bày và mong giải đáp thoả đáng cùng các bạn.

Quân nhân dùng súng ngắn tự động Colt 45 thường hỏi rằng : « Tại sao lại dùng súng trái khê ? Khẩu Colt 45 bắn mạnh hơn, hình dáng gọn gàng, nạp đạn vừa được nhiều, vừa nhanh chóng hơn. »

Trước khi trả lời câu hỏi trên, thiết tưởng ta cũng nên tìm biết lý do tại sao cơ-quan công-lực lựa chọn súng trái khê cho nhân viên sử - dụng.

Ở ngoại quốc, viên chức Chính Phủ dùng quen loại súng nào thì có thể xin phép mua hoặc xin Chính Phủ cấp phát cho loại súng đó để sử - dụng ; nhưng qua nhiều cuộc vây bắt và đụng độ với các gian nhân nguy hiểm, kinh nghiệm cho biết rằng nếu các nhân viên công quyền không dùng súng cùng một kiểu cùng một cỡ nòng, sự tiếp tế đạn được yểm trợ nhau trong lúc giao chiến sẽ trở nên khó khăn và hảm ta lâm thê nguy.

Cơ quan hữu-quyền nhất định thông nhất vũ khí cấp phát cho các nhân viên, bắt buộc các nhân viên phải sử-dụng súng cùng một kiểu, đạn cùng một cỡ.

Nhưng phải tìm xem loại súng nào bắn trúng đích nhất. Qua bao nhiêu cuộc bắn thi tại các xạ trường, các nhà sản xuất những loại súng ngắn, rút tỉa kinh nghiệm ưu khuyết, thi đua chế tạo những kiểu súng tốt, những mẫu súng tuyệt hảo để Chính Phủ tuyển lựa.

Súng trái khê Smith Wesson đứng vào hàng các hạng súng được ưu điểm ở xạ trường. Sự tác xạ chính xác và tự điểm của loại súng này giúp ích rất nhiều trong việc huấn luyện



SÚNG TRÁI KHÊ

SMITH & WESSON

38 SPECIAL

và đào tạo nhân viên công lực thành các tay thiện xạ. Vì vậy, cơ quan hữu quyền chính thức đặt mua và cấp phát loại súng trái khê Smith Wesson 38 Special cho nhân viên Cảnh Sát trong toàn quốc.

Đó là đôi chút lai lịch tại sao khẩu Smith Wesson 38 Special lại trở nên khẩu súng của người Cảnh Sát.

Quân đội không dùng súng trái khê Smith Wesson. Khẩu Colt 45, do ông John. M Browning vẽ kiểu từ năm 1911, cho đến nay, vẫn giữ nguyên hình dạng bên ngoài và bộ phận máy móc bên trong theo mẫu vẽ nguyên thủy.

Nói là khẩu súng của Quân Đội, nhưng nhiều cơ quan công lực quốc tế cũng ưa thích khẩu Colt 45 vì nó bệ, gọn tay, dễ mang theo trong người, không cộm như khẩu Smith Wesson nòng dài, nạp lắp được nhiều và nhanh chóng hơn.

Người ta nêu ra các tiện lợi của khẩu Colt 45 như sau :

1.— Colt 45 có một hoà lực mạnh, có thể nạp từ 7 tới 13 viên trong một gắp đạn.

2.— Bắn hết một gắp đạn thay ngay một gắp đạn khác rất nhanh chóng.

3.— Bỏ túi gọn, dặt trong người cũng gọn không cộm.

4.— Đạn 11 ly 45 có sức đập rất mạnh, đã bắn dính là chắc ăn, không sợ địch thủ trúng đạn mà còn bắn trả lại.

Đạn của khẩu Smith Wesson trước kia ngắn và nhỏ ít thuốc, (chỉ có 9 grammes,) nay đầu tròn, lõi chì, bọc thau, nhỏ tới 12 grammes thuốc. Hình thù viên đạn dài hơn trước, phần đuôi đầu đạn (balle) lõm nên sức xuyên của đạn Smith Wesson trở nên rất mạnh, có phần hơn cả đạn Colt 45; nhưng sức đập (puissance d'arrêt) thì không thể bằng được đạn Colt 45 vì đầu tủy và lớn hơn.

Có loại đạn, đầu có lỗ rỗng như đạn dumdum, có một sức đập và phá mãnh liệt, nhưng bị cấm không được dùng.

Súng Smith Wesson có một nhược điểm là số đạn nạp trong ổ đạn tối đa chỉ tới 6 viên, có khi vì trường hợp cần thận về vấn đề an toàn, người ta chỉ nạp 5 viên, lỗ đạn đòi

chiều với đầu vỏ (marteau) thường bỏ trống. (theo phương cách sử - dụng súng Smith Wesson kiểu cũ).

Loại súng Smith Wesson 38 Special mà C.S.Q.G. ngày nay đang dùng, nạp cả 6 viên không hề gì.

Vì đạn nạp ít, trong lúc giao chiến, rồi bắn hết 6 phát đạn, sự nạp đạn để bắn tiếp trở nên hết sức phiền toái. Kinh nghiệm cho biết trong lúc tiếng súng đôi bên nổ vang rền, mạng con người một phần sống mười phần chết, xạ thủ nạp đạn, tay lỏng công nhét từng viên một vào lỗ đạn thường làm rớt mất đạn. Lúc đêm tối, tuy sờ biết rằng trong ổ đạn còn 6 viên, nhưng không thể phân biệt là mình đã bắn bao nhiêu viên, còn lại mấy viên chưa bắn?

Đôi khi cái trục tổng đạn, vì súng rớt bị hư, làm cho việc nạp đạn và tổng vỏ đạn trở nên chậm chạp vô cùng. Lúc bắn, nếu là một khẩu súng không được xạ thủ chăm lo giữ gìn cẩn thận, đầu đạn phát xuất từ ổ đạn, «nhảy» sang nòng súng qua một kẽ hở. Sự nhảy đó làm súng mất một phần chính xác.

Nhưng với mấy điều bất tiện kể trên thì súng trái khê lại có sự tiện lợi là không lo bị kẹt hoặc hóc đạn. Rồi có bắn phải viên đạn lép thì xạ thủ cứ giữ nguyên thế bắn, thế nhắm, bóp cò luôn cái nữa là súng lại nổ liền.

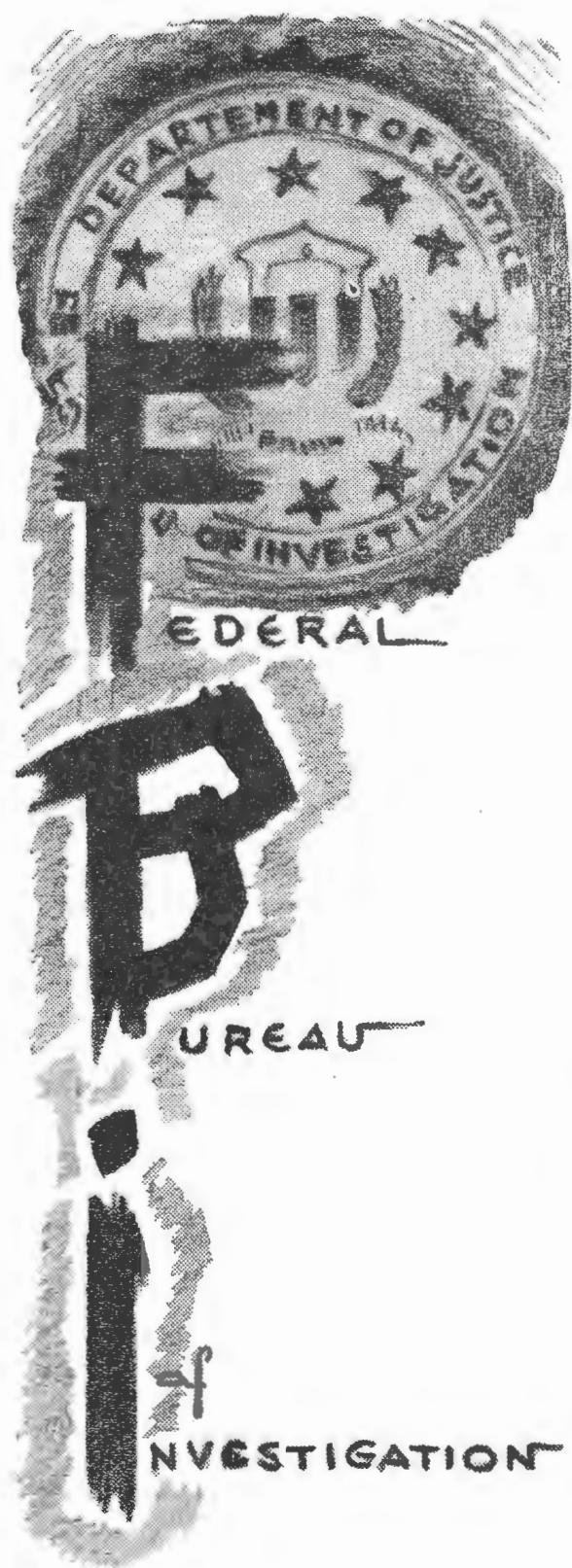
Trái lại, nếu trường hợp đạn lép hay đạn kẹt này xảy ra với khẩu Colt 45 thì ta phải dùng cả 2 tay, tay giữ súng, tay kéo khỏi cơ bắm (bloc culasse) đi lui để tổng khur viên đạn lép hay vỏ đạn kẹt ra ngoài rồi mới tiếp tục ngắm bắn được. Như vậy, khi lên được đạn thì cơ hội nổ súng không còn nữa, hoặc là gian nhân đã tẩu thoát, hoặc là «không bao giờ mình được bắn súng nữa».

Tuy nhiên, biện luận trên đây chỉ đúng trên lý thuyết vì thực tế, khẩu Colt 45 ít khi bị hóc hay kẹt vỏ đạn. Chương ngại tác xạ này (accidents de tir) chỉ xảy ra với các loại súng ngắn tự động (pistolet automatique), nòng súng cỡ nhỏ như 6 ly 35, 7 ly 65, và 8 hay 9 ly thôi. Còn đối với cỡ đạn lớn 11 ly 45, nên dùng đạn lõm mới (không nên dùng đạn vỏ cũ đã bắn một lần rồi lại nhồi thuốc và nạp đầu đạn để bắn lần nữa). Đạn nạp lại hay gây ra chương

(xem tiếp trang 49)

SÚNG NGẮN TỰ-ĐỘNG COLT 45





CÔNG - AN

VIỆC C. A. L. B.

(tiếp theo)

THẬP NHÂN THẨM SỬ

HITLER tự phụ, năm 1940, có một quân đội và một không quân vô địch. Nhưng trong lúc quân Đức đương tốt bậc dùng mãnh ở Âu-Châu, thì bộ chỉ huy Đức lại đương lục đục nhau. Thống-chế không quân, Hermann Goering, và chỉ huy trưởng S.S. Heinrich Himmler, than phiền chua chát rằng Abwehr (1) xuống giọng: không có người tin cần hoạt động ở Hoa-Kỳ.

Các vị chỉ huy Abwehr đương ở trong một tình trạng bối rối: phản gián Hoa-Kỳ đương bao vây gián điệp Đức, cá nhân hay toàn đội. Phải làm cái gì để thay thế cho họ mới được. Và cũng để làm cho tệ liệt nền kỹ nghệ không lồ của Hoa-Kỳ khỏi biến thành một mối đe dọa quá lớn lao. Trước hết, Hitler muốn kéo dài thì giờ để củng-cố các vị trí Âu-Châu. Sau

đó, Hoa Kỳ có can thiệp thì cũng chẳng kịp được. Quân Đức lý luận như vậy.

Abwehr quyết định chơi liều. Chọn các nhân viên đã sống tại Mỹ, hiểu phong tục và địa dư Hoa-Kỳ để huấn luyện phá hoại hay gián điệp. Cho nhập Hoa-Kỳ bằng tàu ngầm với nhiều tiền và dụng cụ phá hoại để có thể chịu đựng được 2 năm.

Người ta trình bày kế hoạch đó với Đô đốc Doenitz. Ông bằng lòng tham dự, với điều kiện là tàu ngầm chở riêng những cán bộ hạo hạng mà thôi. Những cán bộ này sẽ cung cấp tin tức cho Hải quân Đức, nhất là cho các chỉ huy trưởng những tàu ngầm.

Mỗi lo lắng của bộ chỉ huy thượng cấp của Hitler vì hệ thống gián điệp Đức tại Hoa-Kỳ lỏng lẻo gần tan vỡ, sau này được tiết lộ rõ ràng cho Goering, do một trung tá của Abwehr là H.D.W. Ahlrichs và do vài sĩ quan Đức khác nữa. Những lời tiết lộ đó bổ túc và chứng thực tất cả những tin tức do các tay phá hoại và gián điệp đã phúc trình.

Abwehr nhận các điều kiện của Doenitz. Trung-úy Walter Kap-

(1) Abwehr: cơ quan tình báo của Đức

LIÊN - BANG HOA - KỲ

pe, to béo như trâu mộng, được giao cho nhiệm vụ tuyển mộ 2 toán chuyên viên phá hoại. Vào khoảng những năm 1930 .., y được sở CALB chú ý đến vì việc lập đảng Tentonia tại Chicago và sau này đảng Đức-Mỹ. Khi chiến 'ranh khởi diễn (Kappe đã rời Hoa-Kỳ từ năm 1937) thì y phục - vụ cơ quan tình báo Đức, với tư cách chuyên viên về các vấn đề Hoa-Kỳ.

Kappe chọn lựa lấy 8 tay trong đám người hy vọng sáng lạn của ngành gián điệp Đức mà Abwehr đã lọc rất kỹ sau bao lần điều tra thử thách. Người lớn tuổi nhất là George Dasch, 39 tuổi, tòng sự tại Bộ Ngoại vụ trong chức vụ huấn luyện viên vô tuyến. Dasch đã làm đủ cách để được đi tới đích : nhập quốc tịch Hoa-Kỳ. Tháng 9 năm 1939, y chỉ còn có một thủ tục cuối cùng phải làm : thề trung thuận với mẫu quốc. Nhưng chưa kịp nhận giấy mời của tòa án Liên bang Nữ-Ước để ra thề trước pháp đình, thì y phải về Đức, do chánh phủ Đức trả tiền tàu.

Dasch và các đồng chí, tất cả đều biết rõ Hoa-Kỳ, nhập học trường Phá Hoại Quentz Lake, ở gần Bá-Linh, vào tháng 4 năm 1942. Họ được học hóa học và cơ học về các chất nổ, cháy, ngòi và bom nổ chậm, lý thuyết cũng như thực hành. Được học phá hoại máy móc bằng các chất cọ xát, đặt chất nổ sao để phá hủy tất cả một cái cầu hay một cống xướng. Người nào cũng phải nhớ in trong óc tất cả địa đồ các mục tiêu. Đó là những

nhà máy nhôm, đập Ohio và đường hỏa xa. Họ đọc thuộc lòng lý lịch của họ như học trò học bài học, và có thể xuất trình giấy khai sanh, chứng chỉ quân dịch, giấy lái xe, v.v...

Sẵn sàng cả rồi. Trung-Úy Kappe dẫn cả bọn sang Pháp, đến căn cứ tiềm thủy đình Lorient, ở đó đã sửa soạn xong hết. Dasch chỉ huy toán số 1, có dưới quyền Ernest Burger 35 tuổi, Heinrich Heinck 34 tuổi, và Richard Quirin 34 tuổi. Toán số 2 do Edward Kerling 32 tuổi chỉ huy, có Herman Neubauer 32 tuổi, Werner Thiel 35 tuổi và Herbert Haupt 22 tuổi.

Kappe cho mỗi toán 50 ngàn đô la làm của chung và 20 ngàn để chi tiêu về nhu cầu vật vãnh. Mỗi người được lãnh một dây lưng trong có 4000 đô la và 1 cái bóp có 400 đô la giấy nhỏ. Toán phá hoại như vậy có tài chánh rất lớn, 175.200 đô la tất cả, phần nhiều bằng giấy 50 đô la.

Kerling cùng 3 đồng chí xuống tàu, khởi sự lặn đêm 26 tháng 5 năm 1942. Hai đêm sau, chiếc tiềm thủy đình Innsbruck số 202, rời căn cứ chở Dasch và 3 đồng chí. Toán nào cũng có những hộp nhỏ thật kín đựng chất nổ tốt hạng nhất, công phá vô cùng mạnh mẽ, chất trinitrotoluené đóng khuôn thành những cục nhỏ, hỏa tiễn, ngòi mồi, máy nổ chậm bằng hóa học hay bằng kim khí.

Hoạt động phải đi từng đôi một. Toán Dasch nhận những mục tiêu này : xưởng nhôm của công ty Hoa Kỳ Alcoa tại Tennessee, nhà máy nhôm ở Đông Saint Louis tại

Illinois, nhà máy băng thạch ở Philadelphie, những đập ở Ohio, Pittsburg tại Louisville, ở Kentucky. Còn Kerling và các đồng chí thì chuyên môn phá đường sắt, sẽ đặt mìn tại nhà ga Pennsylvania, ở Newark (New Jersey), sẽ phải phá cầu hỏa xa Hell Gate qua East River ở Nữ-Ước, rồi làm rối loạn lung tung sự giao thông hỏa xa tại Chesapeake và Ohio. Họ thấy chẳng cần giấu giếm, khó nhọc gì cả, vì phải cho người ta biết đó chính mới là công tác phá hoại : reo rắc khủng khiếp, làm chậm sự giao thông, làm tê liệt kỹ nghệ kim khí.

16 ngày và 16 đêm sau khi rời căn cứ Lorient, chiếc Innsbruck mới nổi lên gần một bãi biển ở Long Island, kế thành phố Amagansett. Tàu ngầm dần tiến trong sương mù khi còn cách bờ 400 thước mới tắt máy. Hôm đó là thứ sáu 12 tháng 6 năm 1942, đúng nửa đêm. Mạch-lô lên mặt tàu thổi phồng 1 chiếc ca - nô cao su, và 4 chuyên viên phá hoại, mặc quân phục thủy quân lục chiến Đức xuống ca - nô. Họ không mang súng. Hai mạch-lô chèo, tới bờ họ lợi vô. Luống cuống, mạch-lô đánh rơi mái chèo ca-nô trông tránh vô đầy nước, nhưng dụng cụ may còn được khô ráo. Mạch lô cố gắng tát nước, trong lúc 4 người kia thay quần áo thường dân.

Đúng giờ quân Đức lên bờ, John Cullen rời bót gác bờ biển Amagansett. John là thủy binh hạng nhì, trẻ lắm, phải phiên gác đến nửa đêm. Một mình, không súng

VIỆC C. A. L. B. HOA - KỲ

y ra bãi biển đầy sương mù, rọi đèn bấm mà nhìn, vài bước không trông thấy gì cả trước mắt.

Dasch trông thấy đèn sáng. Nguy hiểm ! Phải làm sao cho hai mạch-lô mặc quân phục khỏi bị trông thấy. Y vội tiến lên chặn đường Cullen và nhận ra đó là một lính thủy gác bờ biển.

— Ai ! Đứng lại !

— Có gì đâu, chúng tôi đánh cá. Thuyền để đó, đợi sáng lại đi. Chúng tôi rời East Hampton đi Montauk Point, và bị lạc đường vì sương mù nhiều quá.

— Anh bảo East Hampton và Montauk Point ? Anh có biết đây là đâu không ?

— Chính là đợi anh nói thì chúng tôi mới biết được chứ ! Đồn anh ở đâu ?

— Liền đây. Tôi ở đồn Amagansett.

Dasch biết rõ đường lối ở Long Island lắm. Y hiểu rằng sau khi lặn 300 dặm dưới Đại-tây-dương, thì chiếc Innsbruck lạc đường đi chệch mất 3 dặm cách East Hampton. Chỉ có 3 dặm mà cả toán, cả đại sự bị nguy hiểm ! Thoáng nghĩ, Dasch định như Cullen lại gần ca-nô và hạ luôn nghĩa là làm cho Cullen bất tỉnh nhân sự rồi vác luôn xuống tàu ngầm. Nhưng... y nghĩ lại thôi. Có lẽ nên « mua » Cullen thì hơn !

Dasch đi theo Cullen rồi bỗng dừng bước.

— Đợi một chút, tôi không theo anh đâu.

— Anh phải theo tôi.

— Này nghe. Anh bao nhiêu tuổi ? Ông bà thân sinh còn chăng ? Tôi không giết anh. Anh không hiểu chuyện gì ở đây cả. Tại sao lại chẳng như thế được chứ ! Tiền đây,

nhiều tiền lắm, lấy mà tiêu cho khoái, tội gì làm cho một xác !

Lúc đó thì có người chạy lại và nói với Dasch một tràng tiếng Đức. Dasch vội bịt mồm kẻ đó : « Im ! Im ngay ! »

Cullen đã bắt đầu thấy lo. Không biết có bao nhiêu người quanh đây, và họ định làm gì, sương mù dày đặc quá chẳng nhìn thấy gì cả, Cullen cũng lại không súng !

Dasch nắm lấy cánh tay Cullen mà rằng : Lại đây ! Và dúm một tập giấy bạc vào tay Cullen :

— Nhìn thẳng vào tôi... đừng hoảng... anh ạ. Liệu chừng anh có nhớ được tôi khi gặp nhau lần sau chẳng ?

— Không, tôi chưa thấy anh bao giờ.

— Chúng ta có thể gặp nhau tại East Hampton.

— Tôi chẳng thấy anh bao giờ cả.

Rồi Cullen lảng ra vài bước... và cầm đầu cầm cổ 3 chân 4 cẳng chạy như bay như biển. Dasch quay lại các đồng chí : « Xong rồi, tôi đã thu xếp xong tất cả rồi. »

Những lời nói trên đây đều là sự thực 100 0/0, chính Dasch và Cullen khai riêng từng người một với CALB sau này khi bị hỏi cung.

Vội vã, 4 người đào hố cát chôn ngay các dụng cụ nhà nghề, đánh dấu bằng một tấm ván, rồi một mạch thẳng ra đường lớn. Khi gặp xe, cả bọn nằm dán ép mình xuống đất xa vệ đường. Cứ thế mà chờ sáng.

Cullen hỗn hển chạy về đến đồn, đánh thức 4 lính khác dậy và thuật chuyện, đưa tập bạc ra, tất cả 260 đô la. Cả năm người lính trong đồn xách súng đi lùng ngay, nhưng vô ích. Nghe có tiếng máy chạy ở ngoài khơi, trong vòng sương mù

«... Chúng tôi đã quanh quẩn kiểm khắp chỗ tôi gặp người đó, ở đây một lúc, rồi sau nghe thấy có tiếng máy chạy ở ngoài khơi. Chúng tôi chắc họ đi rồi. Rồi lại không nghe tiếng máy nữa. Thế là hết. »

Tiếng máy chính là tiếng máy của tiềm thủy đình Innsbruck vương bãi cát.

Sáng sớm, lính lại quay ra chỗ lúc đêm, thấy dấu giày dẫn đến mô cát mà 4 tên Đức đã giấu đồ. Rồi cho bọn này đã quên san phẳng cát để làm mất vết tích.

Một xe hơi nhỏ tới chở hết mọi thứ đem đi về đồn, để xem xét.

Trong khi lính đồn đào cát lấy đồ, thì 4 người trong bọn Dasch băng đồng đi tới đường tàu hỏa theo lần đến chỗ nhà ga Amagansett giờ đó còn chưa mở cửa. Cả bọn ngồi chờ. Lúc đó 5g30.

Một nhân viên hỏa xa ra mở cổng. Dasch vội lấy 4 vé.

— Các ông đến sớm quá nhỉ !

— Chúng tôi vừa đi đánh cá về !

4 người đi chuyển tàu 6 giờ 57. Tới thành phố, Dasch và Burger vô khách sạn Clinton ; còn Heinck và Quirin vô khách sạn Martinique, khai tên là Henry Kayner và Richard Quintas.

Chưa tới ngọ, chỉ 12 giờ sau khi đổ bộ ở Long Island, tin về tới sở CALB. T.J. Donegan phụ tá cho thẩm-sát-viên đặc biệt phụ trách địa điểm Nữu-Uóc, nghe điện thoại mời mình tới văn phòng Đại-Úy gác bờ biển, J. S. Bayliss. Câu chuyện được thuật lại. Những sĩ quan gác bờ biển và những sĩ quan thủy quân, cũng đương ở trong văn phòng Đại-úy Bayliss, đều nhận rằng sở CALB có trách nhiệm điều tra vụ này. Ông Tổng-giám-đốc Hoover liền ra lệnh.

Ông Hoover còn nhớ như in trong óc vụ nổ khủng khiếp Black Tom trong đệ nhất thế chiến, những kho bom tung lên, những đám cháy đỏ trời, xưởng chế tạo đạn dược và xưởng hóa học tan tành. Địch còn được tự do, thì những cảnh đó còn có thể tái diễn.

Sáng hôm sau, Burger đến tìm Dasch tại khách sạn để thảo luận. Họ mất cả hăng hái vì biết là bị lộ tung tích rồi và biết là tội tử hình đang chờ họ vì là thời chiến. Hết cả can đảm, Dasch nói: « Tôi sẽ đến CALB, thú hết. » Burger gật đầu, đồng ý.

Chiều chủ nhật, nhân viên trực sở CALB ở Nữ-Úc nghe điện thoại

— « Tôi là Franak Daniel Pastirious. Tôi nói để ông rõ là tôi muốn hội kiến với văn phòng Công An ở Hoa-Thịnh-Đồn vào thứ năm hay thứ sáu này, vì một chuyện tối quan hệ... »

... Không có trả lời. Có tiếng máy đặt xuống, thế thôi. Nhân viên trực nhún vai. Lại một thằng khủng! Nhưng y cũng ghi cẩn thận câu chuyện điện thoại đó vô sổ thường trực cho đúng lệ.

Vào 10 giờ sáng thứ sáu 19 tháng 6, người xưng danh là Pastirious kêu điện thoại đến CALB Hoa-Thịnh-Đồn và xin nói chuyện với ông Tổng-giám-đốc:

— « Chính tôi đã kêu điện thoại gọi CALB từ Nữ-Úc hôm chủ nhật vừa qua. Tôi ở Đức sang đây có những tin tức tối mật và tối quan trọng. Tôi ở khách sạn Mayflower, phòng số 351 ».

Chỉ vài phút sau, khách sạn Mayflower đã nhan nhản nhân viên CALB, họ mời Dasch đi. Và tại CALB, Dasch đã phơi bày hết cả gan ruột tâm tình: trường Quenntz Lake,

Kappe đi tàu ngầm, gặp Cullen, và sau cùng quyết định của y và của Burger. Cả hai đều muốn giải nghệ. Y nói toán Edward Kerling hiện chắc đang ở đâu đó tại Hoa-Kỳ. Được hỏi đã làm những gì từ lúc kêu điện thoại đến bây giờ, Dasch trả lời đã đi mua đồ lặt vặt rồi chỉ ngồi đánh bài với các bạn.

Còn Kerling thì may mắn hơn Dasch. Cả toán đồ bộ ngon lành ở bãi Ponte Vedra, cách 40 cây số phía Nam Jacksonville ở Floride, lúc tờ mờ sáng 17 tháng 6. Cũng chôn giấu được các dụng cụ rồi đến trưa đi xe ca tới Jacksonville Đêm ngủ khách sạn, mai lại đi tàu hỏa. Kerling và Thiel đi Hữ-Úc qua Cincinnati. Haupt và Newbauer thì đi Chicago.

Người ta vẫn thường một đôi khi tự hỏi rằng tại sao sau khi công việc điều tra đã xong xuôi cả rồi mà sở C. A. L. B. còn giữ mãi các hồ sơ ở trong văn khố. Những vụ quân Đức phá hoại trong kỳ đệ nhất thế chiến tỏ rõ rằng giữ lại mãi mãi những hồ sơ đó có lợi không biết thế nào mà kể. Một hồ sơ có thể nằm chết đó 10 năm 20 năm, không ai giở ra làm gì. Nhưng bỗng một ngày kia, những tài liệu trong hồ sơ này lại hữu dụng vô cùng, có thể soi sáng được bao nhiêu bí mật và đưa đường chỉ lối cho nhà hữu trách đi mau chóng tới kết quả tốt đẹp trong việc bảo vệ an ninh quốc gia.

Chính nhờ nghiên cứu những hồ sơ các

vụ cũ điều tra về những người nay đã trở về bên Đức, mà sở CALB đã tìm ra họ hàng thân thích, bạn bè của những « tay tổ » phá hoại còn ở lại Hoa-Kỳ. CALB vẫn theo dõi đám ở lại này, dù « tay tổ » đã đi lâu rồi. Vì vậy, Burger bị theo dõi ở Nữ-Úc mà vẫn không hay, và đảng hoàng chẳng chút e dè nghi ngờ gì, y dẫn luôn các đồng chí lại gặp Heinck và Quirin. Kerling và Thiel bị bắt tại Nữ-Úc, trong lúc Kerling đang bắt liên lạc với một người của Dasch. Người ta tìm ra Neubauer ở Chicago, trong một khách sạn mà y lấy tên giả là H. Nicolas: chính Dasch đã báo cho Công An biết tên giả Nicolas.

Lưới chăng thật chặt lại dần: Haupt cố mạo hiểm để thoát khỏi mắt

Đô Đốc Döenitz của Đức Quốc-Xã



VIỆC C. A. L. B. HOA - KỲ

nhân viên Công An. Trong lúc đương bị theo dõi, Haupt đến thẳng ngay CALB và xin nói chuyện với viên thám-sát-viên đặc biệt :

— Tôi được biết rằng hình như Sở CALB đương điều tra về tình trạng quân dịch của tôi. Như vậy chắc có sự hiểu lầm. Sở dĩ tôi đi Mexique vì muốn tránh một cuộc nhân duyên ép uống. Vì vậy mà hồ sơ giấy tờ đâm ra lộn xộn. Nay thì đã xong cả rồi, đã hợp lệ rồi, và nay tôi muốn có một chứng chỉ để đi làm.

— Việc ông xong rồi, xếp rồi. Đã hợp lệ rồi thì ông muốn làm chi thì làm. Bốn phen chúng tôi thế cũng là hết rồi.

Herbert Haupt ra khỏi Công An là bị theo sát nút. Trước khi bắt y, người ta còn muốn biết y liên lạc với những ai và đã tuyển mộ thêm những người nào nữa.

14 ngày sau khi đổ bộ ở Long Island, 8 tay chuyên viên phá hoại đã phải nằm trong sà-lim của Sở CALB. Kế hoạch vĩ đại đã bị tan vỡ. Trong 2 tuần lễ trên đất Mỹ, bọn này mới chỉ tiêu được có 611 đô la 38 xu, trong số 175.200 đô-la ngân khoản được cấp phát.

Ngay khi được tin có bọn phá hoại này tới Mỹ, Hoover đã báo cho ông Chương-ly và trình Tòa Bạch-Ốc. Tổng-Thống Franklin D. Roosevelt ra lệnh bắt, bắt xong thì loan báo thật rộng rãi cùng khắp mọi nơi để cho các tay « chơi » tài tử thất đảm kinh hồn.

Tin này là một đòn ghê gớm cho bọn Đức quốc-xã. Đô đốc Doenitz tức giận quá vì đã liệu cho tiềm thủy đình đi rất nguy hiểm trong một chuyến thật thảm bại.

Vụ án những tay phá hoại này được xử trong một lớp học tại

Bộ Tư-Pháp, trong lớp này nhân viên CALB đã nhiều năm theo học các môn. Tòa án quân sự do ông Frank R. McCoy, tham-mưu trưởng, làm chủ tịch. Buộc tội do ông Chương-ly Francis Biddle và Thiệu-tướng Myron C. Cramer. Bào chữa do hai Đại-tá. Tổng-Thống Roosevelt chỉ định tất cả các vị trên ; tất cả can phạm bị tử hình. Nhưng ông Hoover và ông Biddle xin tòa khoan hồng cho Dasch và Burger nên trong 2 tên này, một chỉ bị 30 năm tù và một bị chung thân. Đến năm 1948, Tổng-Thống Truman lại cho giảm nhẹ xuống nữa : trục xuất khỏi Hoa-Kỳ, thế thôi !

Đô đốc Doenitz tức giận vì câu chuyện thất bại, đến nỗi trong mấy tháng trời liền, ông chối từ nhất định không chịu chuyên chở gì nữa. Chính Trung-tá Ahlrichs, sau khi chiến tranh kết liễu, đã kể lại chuyện đó. Rồi đến năm 1944, ông đành chịu chiều lòng Abwehr khẩn khoản mãi, và ban tình báo chính trị cho phép 2 nhân viên gián điệp xuống một tàu ngầm. Một người là kỹ sư vô tuyến điện, tên Erich Gimpel. Một người là William Curtis Colepaugh, dân Hoa-Kỳ, nhưng phản bội, thờ chủ nghĩa Hitler. Cả hai đều được huấn luyện cẩn thận về gián điệp nhà nghề, và mang theo 60 ngàn đô la tiền Mỹ.

Gimpel và Colepaugh đổ bộ ở Crab Tree Point, ở hạt Maine, 11 giờ khuya đêm 29 tháng 11, lúc đang mưa rào to. Không nón, không áo choàng, cầm đầu xuống đất mà đi một mạch cho tới quan lộ, cả hai gặp được một chiếc xe, may mắn lại là tắc-xi. Tài xế chịu chở cặp này đi Bangor, thành phố ở Maine, cách đó 47 cây số. Tỉnh mơ sáng hôm sau đi Nữ-Uớc.

Sở CALB theo dõi được, bởi vì có nhiều người, trong số đó có một

thanh niên 18 tuổi, con ông phó Quận-trưởng, lấy làm lạ thấy hai người không nón không áo to, trời đang mưa bão tuyết mà lại từ phía bãi biển đi tới. Sự nghi ngờ đó bị coi chẳng có nghĩa gì cả, khi tin đem về tới sở. Nhưng các thám tử ở Boston lại được biết rằng ngày 3 tháng 12 tàu Cornwallis của Anh quốc bị thủy lôi bắn chìm tại bờ biển Maine, gần bến Bar. Suy nghĩ có thể nghi rằng tại vùng này có lẽ có tàu ngầm thả gián điệp đổ bộ. Vì vậy họ mới đâm ra đi tìm kiếm vết tích của hai người lạ mặt đêm hôm 29 tháng 11 đó.

Colepaugh, như Dasch, mới thượng đài thì bỏ cuộc liền. Bỏ rơi được Gimpel lạc hướng, y một mạch tới nhà bạn ở Richmond Hill tại Nữ-Uớc và bảo : « Tôi là gián điệp Đức ».

Người bạn lập tức kêu điện thoại cho CALB.

Colepaugh lăm mồm lăm miệng. Y đã bỏ rơi Gimpel ở một phố tại Nữ-Uớc và bây giờ thì không biết tin Gimpel ở đâu nữa. Nhưng y nhớ rằng đồng chí của y thường hay mua báo xứ Pérou (Nam Mỹ) tại một sạp báo ở bên bến xe điện ngầm tại Times Square. Y cũng nhớ rằng Gimpel thường nhét nhiều giấy 1 đô la đầy chặt túi áo trên bên trong. Và trong bí mật, tên Gimpel là Edward Green.

Công An 48 tiểu bang đều nhận được rành mạch tin tức căn cước Gimpel. Y không còn ở phòng đã thuê chung với Colepaugh mấy hôm trước. Khởi sự dò các khách sạn, nhà ngủ, hãng máy bay và các nhà bưu điện. Hỏi cả các người bán báo có báo Nam Mỹ. Tại một khách sạn ở Nữ-Uớc có một người khai tên là Edward Green, thuê phòng nhưng

không ngủ, 2 ngày sau thì phòng lại cho người khác thuê. 4 ngày sau khi Colepaugh khai tại CA, thì cuộc điều tra kết liễu ngay tại Times Square, trước một sạp báo. Địa điểm này được canh gác từ 24 giờ qua. Một người hình dáng như Gimpel đi tới sạp báo, rồi móc túi áo trên bên trong lấy ra một tờ giấy bạc. Hai thám tử ra mặt hiệu.

Gimpel co giò chạy. Nhưng không thoát. Trong người có 10 ngàn đô - la giấy, và 99 hột xoàn gói trong giấy lụa. Ở phòng ngủ còn để 44 ngàn đô la nữa. Gimpel thú nhận hết.

Colepaugh và Gimpel bị một ủy ban quân sự xử tại Tiểu - bang Nữ-Úc. Ngày 14 tháng 2 năm 1945, cả hai bị kết tội vào điều thứ 92 luật chiến tranh, phải xử giảo. Nhưng Tổng-Thống ân xá xuống còn tù chung thân. Colepaugh bị đưa đi giam tại khám đường Leavenworth tại Kansas. Còn Gimpel thì sau được trả tự do, thả theo lời thề, rồi tháng 8 năm 1945 được hồi hương Đức quốc.

Trong những năm chiến tranh, Sở CALB đã điều tra 19.649 vụ, nhưng không có một vụ phá hoại nào do bàn tay của quốc gia địch. Đức quốc - xã không bao giờ đặt được một hệ thống gián điệp giống như trong thời đệ nhất thế chiến. Cũng có những trường hợp xảy ra do một nhọc, sơ xuất, thù hằn, bức bối, của những dân lao động bị quá lao lực. Nhưng mỗi khi cứ vì thế mà chạm đến mọi nỗ lực chiến tranh, nghi ngờ rằng có phá hoại nhúng tay vào, thì lập tức CALB phải điều tra ngay.

Có một chuyến tàu quân đội bị trật đường rầy. Điều tra ra thì đó là chuyện nghịch ngợm của ba thằng bé « quỷ sứ ». Ở Kalamazoo miền

Michigan, một người thợ vận lồng ốc một cái máy để trả thù toán làm đêm không chịu lau chùi đồ dùng cho sạch sẽ. Người ta thấy một lò điện bị phá, gạch lót bên trong bị vỡ, không chữa được : thì ra một chú thợ đã lấy búa đập vì đến giờ mà chưa được về, lại đương có « mèo » chờ ngoài cổng xưởng. Tại một hầm mỏ ở Kentucky, có vài trục bị gãy, phá nổ, do một người thợ muốn trả thù chủ. Ở Arkansas, có một bàn máy bị phá hỏng do một người thợ bị đuổi. Tại một xưởng làm máy bay, có một viên thanh tra thủy quân 21 tuổi bị kết tội 150 lần phá hoại dụng cụ : viên này ghét các bạn đồng nghiệp, và làm thế rồi thì lấy làm khoan khoái lắm.

Ông Hoover nhiệt liệt thỉnh cầu Bộ Tư-pháp có biện pháp, theo luật Liên - bang về phá hoại, trừng trị tất cả ai làm tê liệt các cố gắng chiến tranh, không cần là người đó có nghiệp đoàn hay không có nghiệp đoàn. Ông cho rằng vì sơ xuất nặng trong công vụ, vì tư thù, mà bởi đó kỹ nghệ chiến tranh bị ảnh hưởng, thì cũng bị kết tội như tội phá hoại, bởi lẽ kết quả cũng như nhau. Ông kể lại chuyện một người thợ, vì giây phút tức giận bạn hữu, lấy dùi đâm ngay vào thùng chứa xăng của một chiếc phi cơ phóng pháo. Cả đoàn phi hành có thể bị chết vì tai nạn đó, nếu lỗ xăng thùng không được tìm ra trước khi máy bay cất cánh. Ông Hoover thấy rằng nếu cứ làm thật chặt chẽ, thì có thể tránh được nhiều cái sơ khoáng công vụ quan trọng. Nhưng ý kiến Bộ lại khác, và sự rằng làm như vậy đối với thợ thuyền lao động có hại nhiều hơn là có lợi.

Trước khi Hoa-Kỳ nhập vòng chiến, ông Hoover đã áp dụng một

kế hoạch do đó chính các thợ thuyền được mời dự vào công cuộc giữ gìn, bảo vệ chống những cuộc phá hoại vô tình hay cố ý các cơ sở kỹ nghệ có ký giao kèo với Bộ Quốc-phòng. Trong kỳ đệ nhất thế chiến. Thủy quân đã thực hành một chương trình phòng thủ giảm được gần hết các vụ phá nổ, đốt cháy và tránh được cả những vụ va chạm xô - xát với thợ thuyền. Chương trình đó của Thủy quân cũng được Lục quân và Không quân áp dụng.

Năm 1931, Bộ Tổng chỉ-huy đã thỏa thuận rằng mỗi khi có báo-động thì mọi hoạt động sẽ do Sở CALB dẫn đạo. Các tin tức mà sở CALB nhận được do các chỉ điểm viên cung cấp, tình nguyện, không lương, đã khiến cho tìm được ra căn nguyên hàng trăm vụ chính là vì vô ý chứ không phải vì địch phá hoại.

Được lệnh của Ông Chương lý Jackson, sở CALB yêu cầu những vị giám đốc chủ xưởng lập phiếu chỉ tay cho toàn thể nhân viên thợ thuyền trong công xưởng. Và cũng do lệnh của Ông Chương lý, Sở CALB thông đạt đến những nhà chức trách quân sự tất cả các phiếu chỉ tay của

(xem tiếp trang 43)



ÔNG VUA PHÁ HOẠI

TÊN Wollweber là người thế nào ? Hắn là hạng người nào, một tay gián điệp tài ba thế nào mà đã hạ được Pflugk-Hartung và lột mặt nạ được bọn gián điệp Đức Quốc-Xã ở Đan-Mạch mà không tự mình bị lộ tung tích và không làm liên lụy đến chính phủ Nga ? Ernst Friedrich Wollweber đã hoạt động gián điệp dưới nhiều hình thức đến nỗi người ta gọi hắn là người bí mật nhất của Âu-Châu. Trong suốt mười năm trời, hắn bị các cơ quan Cảnh-sát, Mật vụ của các nước Âu-châu theo đuổi trong lúc hắn vẫn gạt được họ một cách dễ dàng và lắm khi đã làm cho họ trở thành lỗ bịch.

Wollweber đã gạt được Canaris như trong vụ gián điệp ở Đan-Mạch. Canaris vẫn biết Wollweber là một đảng viên Cộng-sản Đức kỳ cựu và tích cực nhất, một người đã tự cho là hiệp sĩ của thời đại. Canaris đã nhận được không biết bao nhiêu là báo cáo, phúc trình về hắn, nhưng không thể bắt được hắn dù đã không tiếc bao công của.

Ernst Friedrich Wollweber sanh tại Hambourg. Là người Đức trăm phần trăm, hắn biết rõ dân tộc Đức nên gạt họ rất dễ dàng. Hắn là một người vô sản, đã có một cuộc đời niên thiếu vô cùng khổ cực. Hắn có nhiều anh, chị em và cha hắn là một người nghiện rượu. Hắn đã từng bị đói, đói với hắn cuộc tranh đấu giành sự sống cũng như sự chịu đựng mọi thiếu thốn là việc hàng ngày. Mặc dầu còn trẻ, hắn phải rời bỏ gia đình để đi tìm sinh kế ở miền bể. Thèm khát phiêu lưu, hắn tìm được một chân thủy thủ và sang Nam-Mỹ. Với tư cách này, hắn đã tham gia mọi hoạt động đòi hỏi quyền lợi của giới thợ thuyền. Trong thế chiến thứ nhất, hắn phục vụ trong hạm đội Đức và là một chiến sĩ cách mạng của phong trào « Spartacus-Bund » do Rosa Luxembourg lãnh đạo.

Wollweber là người đầu tiên đã thượng cò Cộng-sản trên một chiến hạm của đế quốc Đức, một việc làm mà những người tiếp tục sau hắn phải bỏ mạng. Với hành động này hắn được người ta xem như vị anh hùng của cuộc cách mạng Cộng-sản trên mặt biển. Hắn tiếp tục tranh đấu cách mạng trong hàng ngũ Cộng-sản và cuộc tranh đấu này đã đưa hắn đến địa vị nghị sĩ của Quốc hội Đức.

Vai trò một nhà lập pháp không thích hợp với hắn. Bản tính thích hoạt động, hắn nhận thấy không hứng thú trong việc ăn mặc đàng hoàng, ngồi chễm chệ trong quốc hội và đọc diễn văn. Wollweber trở về đời sống trên mặt biển của hắn.

Hắn lại được người ta chú ý đến với hành động táo bạo và dã man của hắn. Hắn đã xúi giục và âm mưu nổi loạn trên một chiếc tàu và hạ sát vị thuyền trưởng. Đoàn thủy thủ do hắn xúi giục nổi loạn giành lấy quyền điều khiển tàu và dắt tàu này đi từ Bắc hải đến hải cảng Mourmansk. Bọn nổi loạn Cộng-sản có ý định đem tàu này dâng cho nước Nga, một nước Cộng-sản trẻ trung của những người thợ và dân quê. Cuộc đi này là một kỳ công vì bọn nổi loạn không có bản đồ. Để tưởng



thưởng Wollweber về hành động này, mặc dầu nước Nga không khỏi bị bối rối về ngoại giao, Lénine đã chỉ định hắn giữ chức vụ chủ tịch Hội Liên Hiệp Thủy Thủ Quốc-tế. Hội này có nhiều chi nhánh khắp thế giới và các hội viên của nó là những liên lạc viên đầu tiên của cơ quan mật vụ Nga.

Wollweber có sang Trung-Hoa, Nhật-Bản, Pháp, Ý và Mỹ Châu. Nhờ đi khắp thế giới, hắn được biết rõ nhiều dân tộc và thấu thập kinh nghiệm về sinh hoạt

của họ cần thiết cho các hoạt động gián điệp sau này của hắn. Hắn cũng đã từng bị bắt nhiều lượt về hoạt động Cộng-sản và cũng vì tính tọc mạch quá trớn của hắn tại các hải cảng lớn trên thế giới. Bị bắt quá nhiều lần, hắn trở thành quen và mỗi lần bị bắt, hắn thân nhiên phản nản cùng các bạn. : «Tụi chó, nó lại bắt tôi nữa ». Được thả ra, hắn lại trở về các hoạt động quen thuộc của hắn.

Hitler đoạt được chính quyền nước Đức, Wollweber là người như được chỉ định trước điều khiển các tổ

★ N. T. H. trích dịch KURT SINGER

VÀ PHẢN BỘI Trong THẾ CHIẾN

(xem Bọn - Dân từ số 31 ngày 15 - 9 - 62)

chức gián điệp chống Đức Quốc-xã. Hắn chỉ huy tổ chức gián điệp và phản gián điệp Nga tại miền Tây Âu-Châu. Chức vụ chính thức của hắn là Tổng thư ký đảng Cộng-sản Quốc-tế Tây-Âu. Hắn chọn Copenhagen làm bản doanh, tại đây hắn đã làm việc với tư cách kỹ sư của xí nghiệp ma A.Selo Cie (đã nói ở bài trước).

Jan Valtin, trong quyển sách tựa đề « Ngoài đêm tối », một quyển sách danh tiếng, có làm việc chung trong các văn phòng của Wollweber, đã tả hoạt động của hắn tại bản doanh bí mật Copenhagen :

« Tất cả các văn phòng của Wollweber gồm có bảy phòng ở tầng thứ ba. Không khí các phòng cùng cách trang hoàng đều ra vẻ một xí nghiệp kỹ nghệ to lớn và phồn thịnh. Lối hai mươi người vừa thoả ký đánh máy, canh gác, phiên dịch làm việc tại đây luân phiên mà không bao giờ hết việc. Các nhân viên canh gác người Scandinave, Letton và Ba Lan đều được cấp loại viết máy có hơi cay. Một hệ thống báo động được thiết lập bên trong các bức tường. Người ta vô cùng ngạc nhiên mà không thấy hệ thống điện thoại trong các phòng làm việc. Tất cả sự liên

lạc đều thi hành bằng thư từ. Trừ một văn phòng chính, các văn phòng khác đều được chia làm 6 ban... Đây chỉ là một trong số chín trụ sở quan trọng của Cộng-sản Quốc-tế và cơ quan O.G.P.U. của Nga ở Copenhagen ».

Chức « kỹ-sư » của Wollweber ở Copenhagen chỉ là một trong số các cách hóa trang của hắn, cũng như hắn đã dùng nhiều tên giả từ trước đến nay. Các cơ quan Cảnh-sát được biết hắn dưới nhiều tên khác nhau : từ tên Anton đến tên Spring, Summer, Winter, Schultz, Muller, Andersen và Mathieu. Khả năng xuất hiện và biến mất của hắn thật là phi thường.

Những nét mặt và hình dáng của hắn cũng không phải luôn luôn dễ nhận thấy. Hắn không phải là người to lớn, hắn cao được lối hơn 1 thước 50 và cân nặng lối 80 kí-lô. Jan Valtin đã cho hắn là lùn và mập. Đầu hắn rất ít tóc, hắn chải vài sợi tóc lơ thơ phủ ra phía trước để che giấu dấu sởi của hắn. Hắn có hai bàn tay to lớn, trán tròn và đôi môi dày. Gương mặt hắn với nước da của người bệnh hoạn làm cho hắn có vẻ trầm ngâm ít nói. Người ta có thể nhìn thấy sự mãnh liệt, tính kiên nhẫn, cứng rắn và dè dặt trên gương mặt hắn. Nhưng chỉ cặp mắt hắn thì lạ kỳ hơn hết, đó là hai vết thẳng, bất động, sáng quắc và hình như không có màu trắng trong trông mắt. Khi Wollweber nói, mỗi tiếng của hắn như tiếng gầm gừ chậm chạp và buồn bã. Hắn có vẻ như người không bao giờ có chuyện gấp, không bao giờ biết sợ, cũng như không có gì làm cho hắn ngạc nhiên được, hắn là người hoàn toàn sống ngoài tình cảm và không có tí ảo ảnh nào cả.

Mỗi ngày Wollweber uống đến ít nhất mười chai bia nhưng không bao giờ ai thấy hắn say rượu. Hắn không có chỗ ở nhất định, hay một nơi nào mà người ta có thể gọi là phòng riêng của hắn, nhưng luôn luôn hắn rất cần dùng đến đàn bà để giúp việc hoặc để làm nhân tình. Không một người đàn bà nào đã phản hắn. Hắn lại càng tìm thêm nhân tình và rất tin ở ái tình tự do. Cũng như Danton và Marat, hắn giải thích : « Cuộc cách mạng rất cần đàn bà ».

Wollweber rất hãnh diện được phụng sự Staline, hắn lại càng hãnh diện với dĩ vãng vô sản của hắn. Hắn không ưa lý thuyết và các cuộc tranh luận về chủ nghĩa Mác-xít làm hắn điên đầu. Hắn thường nói : « Nếu người ta đừng viết quá nhiều sách về cách mạng, chắc nó đã thành công giờ này rồi trên khắp thế giới ». Mặc dù có xu hướng vô chính phủ và hoài nghi vì tính khí, Wollweber vẫn phục tùng Staline và Laurenti Béria. Hắn không tuân lệnh ai

ngoài hai người này vì hắn luôn chịu đựng được sự phục tùng đồng loại.

Hắn tự do làm việc theo ý riêng trong nhiều năm trời tại Đan-Mạch cho đến khi có Pflugk-Hartung xuất hiện. Tên gián điệp cho Đức Quốc-xã này tự phụ đã thành công lớn trong việc mua chuộc được tên Cảnh-sát trưởng Max Pelving cung cấp cho hắn các phúc trình mật của Cảnh-sát Đan-Mạch. Nhưng Wollweber lại hành động hay hơn bằng cách cho tay sai nữ gián điệp của mình vào giúp việc trong các văn phòng của cơ quan Cảnh-sát. Lúc Hartung tổ chức gián điệp hàng hải để dò xét tàu bè Nga đi lại trong biển Baltique, Wollweber đã trả đũa bằng hành động trực tiếp. Nhiều tàu Đức chở đầy súng ống đạn dược và lương thực rời khỏi Đan-Mạch để sang tiếp tế cho đảng Phát-xít trong cuộc nội chiến Tây-Ban-Nha đều bị chìm giữa biển một cách bí mật. Sau này người ta được biết là có bàn tay bí mật đã trộn lẫn vào than đá của tàu chất nổ di-nạ-mít và do đó mà tàu phát nổ giữa biển khơi. Lúc ấy người ta không nghi ngờ được lý do trên đây vì trước khi tàu nhỏ neo, người ta đã khám xét vô cùng kỹ lưỡng.

Sau ngày Đan-Mạch bị xâm chiếm, tàu Marion chở đầy binh sĩ Đức bến Copenhagen để sang Na-Uy. Trên tàu có 4000 binh sĩ Đức Quốc-xã, không một người nào đến được Na-Uy. Tàu đã bị phá hoại và nổ giữa biển vì lý do trong than đá có chất nổ. Vài ngày sau các người đánh cá Thụy-Điển tìm thấy nhiều xác chết của binh sĩ Đức trong lưới cá của họ. Viên lãnh sự Đức ở Malmo, một thành phố gần bờ biển của Thụy Điển, phải trả cho các người đánh cá gần một đô-la mỗi xác chết.

Bọn Đức Quốc-xã cho rằng các vụ nổ tàu đều do chính Wollweber chủ mưu. Một năm sau khi Đan-Mạch bị xâm chiếm, bọn Đức đã mang ra xử tại Copenhagen nhiều đồng lõa của Wollweber. Vụ án gián điệp này được xử tại Landsretten ngày 7 tháng 7 năm 1941, tất cả có 6 phạm nhân và lãnh chung hết 59 năm tù. Nhưng điều lạ là tên đầu đảng là Wollweber lại vắng mặt. Tòa án này đã tố cáo hắn về tội chủ mưu phá hoại mười sáu chiếc tàu Đức, ba chiếc Ý và hai chiếc Nhật, tất cả là hai mươi một chiếc tàu của phe Trục do tay hắn chủ mưu đánh chìm.

Đức Quốc xã đã làm mọi cách để bắt cho được hắn. Trong nhiều năm trời, Canarias và cơ quan Gestapo Đức treo nhiều giải thưởng quan trọng cho bất cứ ai bắt sống hoặc giết được Wollweber. Nhưng người ta phải

nhìn nhận rằng khó mà tìm biết được hắn ở nơi nào và nếu có biết được thì không hiểu vì sao hắn vẫn thoát thân được một cách dễ dàng.

Paul Kraus, tên đầu sỏ của cơ quan Gestapo tại Hambourg, người đã từng gài bẫy Bill Sebold để buộc phải làm tay sai cho hắn, đã cho huấn luyện gián điệp Heinrich August Lüning, trù liệu một kế hoạch để bắt cóc Wollweber. Kraus tìm được người biết nơi trú ngụ của Wollweber. Người này là một tội nhân đang bị đưa đi trại tập trung Đức, hắn tên Robert Krebs, còn được gọi dưới tên Jan Valtin. Kraus cho lệnh thả hắn ra và thuyết phục hắn làm việc cho cơ quan Gestapo. Chính Jan Valtin có thuật việc Kraus đã làm thế nào để thu phục hắn. Valtin và Kraus liền đi Copenhagen (1).

Là đảng viên được tin cậy của đảng Cộng-sản, Jan Valtin biết rõ các nơi ẩn trú của các đồng lõa Wollweber. Kế hoạch bắt cóc Wollweber được xếp đặt vô cùng tỉ mỉ, bọn Đức Quốc xã có thể đang sung sướng sắp trả được món nợ máu với Wollweber. Rồi trong một đêm tối trời, bọn tay sai Đức Quốc-xã đã ẩn nấp gần bờ biển ở Helsingör ở Đan-Mạch. Họ chờ Wollweber sắp đi qua đây. Văn phòng của hắn đều đóng cửa. Người ta sẽ bắt cóc hắn và đưa hắn sang Đức. Pflugk-Hartung đã xếp đặt mọi chi tiết trong cuộc bắt cóc này và đã dàn xếp để không có sự can thiệp của Cảnh-sát Đan-Mạch. Nhưng bọn tay sai của Kraus đã bị một trận đòn chí tử tại các đường phố vắng vẻ của Đan-Mạch. Qua ngày sau, người ta được biết là Wollweber đã đáp phi cơ sang Mạc-Tư-Khoa, nơi mà chắc hẳn cho là yên tĩnh hơn thành phố Hambourg bên Đức. Jan Valtin, về phần hắn, đã trốn thoát được bọn Kraus và sang Hoa-Kỳ mà sau này hắn làm việc cho quân đội nước này.

Sau khi các nước Na-Uy và Đan-Mạch bị Đức chiếm đóng, bọn Wollweber phải lén lút sang nội địa của Thụy-Điển. Nhiều phúc trình cho biết là Wollweber đã sống ở Stureplan tại thành phố Stockholm. Tại đây, hắn sống như người tù, hắn chỉ đi ra ngoài ban đêm vài giờ mà thôi, và chỉ cần gặp những cộng sự viên thân tín nhất.

Nhưng vào mùa hè hắn đã đến một trại nghỉ mát của những đảng viên Cộng-sản đặt tại một trong những hòn đảo hoang vu của biển Baltique. Tại đây các đảng viên Cộng sản trẻ tuổi được biết hắn dưới tên Anton, một người nổi tiếng Thụy-điển với giọng nửa như người Đức, nửa như người Đan-Mạch, có bốn phận chỉ dẫn họ

(1) Kraus, sau này đã bị bắt tại các đường phố Oslo vài ngày sau khi Na-Uy được Đồng-Minh giải-thoát.

TRONG THẾ CHIẾN II

các phương pháp sơ đẳng về gián điệp, các cách thức làm nổ tàu, phá hoại cầu hay thiết lộ. Trong những buổi dạy này, tên Anton có nhắc đến cuộc du lịch của hắn ở Trung Hoa, và hắn được người Cao-Ly chỉ vẽ cho vài mảnh lối phá hoại, tỉ như việc cho chất nổ vào thuốc điều, rồi dùng các điều thuốc có chất đi-na-mít này để phá sập các cây cầu đang được quân Nhật canh giữ. Anton rất chú trọng đến học trò của mình và sau khi yên chí rằng họ đã hấp thụ đầy đủ các bài vở, hắn liền biến mất một cách bí mật cũng như khi hắn đến.

Người ta lại nhận thấy Wollweber xuất hiện ở Na-Uy đang bị Đức chiếm đóng. Nhưng Cảnh-sát của Quisling không theo dấu hắn được. Trong lúc ấy thì tàu Thụy Điển chở khoáng sắt bán cho Đức vẫn bị chặn trong biển Baltique và bị tàu ngầm Nga đánh chìm luôn. Bọn Đức Quốc xã không bao giờ nghi ngờ rằng Wollweber có những tay vào các vụ phá hoại này.

Kể đến một thời gian tương đối yên tĩnh. Nhưng một ngày các cái thợ mỏ của hầm mỏ sắt danh tiếng Kiruna ở vùng Laponie vô cùng kinh ngạc nhận thấy mất vào khoảng 500 cân Anh chất nổ đi-na-mít đang được dự trữ trong các kho được canh giữ vô cùng cẩn thận. Từ đấy người ta lại tiếp tục tìm kiếm gắt gao Wollweber.

Cảnh-sát thành phố Stockholm bắt được một người đã giấu chất nổ đi-na-mít trong hầm nhà của hắn. Lẽ dĩ nhiên có người điểm chỉ hắn, nhưng hắn lại không phải là Wollweber và cũng không dính líu hay liên lạc gì với tên gián điệp Cộng-sản này cả. Đó là một người Anh tên là C.E. Rickman. Người ta được biết hắn là ủy viên thương mại của nước Anh và có viết nhiều bài về khảo cứu kỹ thuật nổi danh về các hầm mỏ sắt của Thụy-điển. Rickman bị tố cáo đã âm mưu phá hoại các cơ sở chuyển vận quặng sắt của Thụy-Điển ở Lulea và Oxelösund. Tòa án đã xử hắn 8 năm tù. Trong tù Rickman đau yếu luôn và chỉ mới sau 4 năm, người Anh đã cương quyết can thiệp để hắn được trả tự do.

Trong lúc ấy, Wollweber tên trùm gián điệp và là thủ phạm chính, vẫn ở ngoài vòng pháp luật. Sự thật thì hắn vẫn tự do dạo chơi trên các đường phố Oslo ở Na-Uy, vận quân phục của quân-đội Đức Quốc-xã với phù hiệu chữ Vạn đủ che chở cho hắn. Với sự giả dạng này hắn vẫn hoạt động và theo dõi việc sử dụng chất nổ đi-na-mít do các tay sai của hắn đánh cắp được và mang sang Na-Uy cho hắn. Chất nổ đã được dùng phá hoại nhà ga xe lửa ở Oslo cùng các nhà máy điện hay các cơ sở đóng tàu trên miền Bắc Na-Uy. Đường xe lửa từ Oslo đến Bergen đã bị phá hoại lối 60 lần trên nhiều chỗ khác nhau.

Chính với các hành động này mà Ersnt-Friedrich Wollweber được mệnh danh là ông vua phá hoại trong thế chiến II. Lẽ dĩ nhiên không phải đích thân hắn thì hành các thủ đoạn phá hoại, nhưng hắn có tài tổ chức các toán quân xung phong thì hành và các tay gián điệp lành nghề. Riêng tại Thụy-Điển, hắn đã có ít nhất 50 tay đồng lõa, theo sự dự đoán của Cảnh-sát nước này. Thỉnh thoảng vẫn có vài tên bị tóm được, nhưng người ta không thể nào quét sạch được nội bọn.

Trong thời gian này, Wollweber tin cậy vào các đảng viên cũ của đảng Cộng-sản. Hắn chỉ dùng các đảng viên thường chờ không chịu liên lạc với các cán bộ chính thức của đảng mà hắn cho rằng không có khả năng làm gián điệp hay thì hành các công tác phá hoại. Hắn vẫn tỏ ra khinh rẻ các người này và cho họ là bọn Mông-Cổ,

Wollweber cũng không thích các hành động rình rang tượng trưng không mang lại kết quả gì cả. Hắn chỉ trích cả những cán bộ cộng sản cao cấp đã sản xuất các báo chí bí mật hay truyền đơn thay vì núp trong bóng tối để hành động tích cực hơn. Hắn còn ra lệnh cho các đảng viên cộng-sản trung thành với hắn, những tên gan dạ thích mạo hiểm, phải gia nhập đảng Đức Quốc xã để tổ chức một đạo quân thứ 5 trong nội bộ đảng này.

Dần dần các tổ chức Cộng - sản hoạt động trong vòng bí mật nhận thấy ý kiến của Wollweber rất hợp lý và hoạt động của họ mang lại nhiều kết quả. Do đó Wollweber rất được trọng vọng. Nhiều đảng viên gọi hắn là « tiểu Lênine » và hắn rất hãnh diện với danh hiệu này đã kích thích lòng tự ái của hắn. Bọn cộng - sản nằm trong hàng ngũ của phong trào Đức Quốc xã đã trở thành các tay gián điệp vô giá của Laurenti Béria và của cơ quan mật vụ Nga.

Để chống lại bọn gián điệp cộng-sản này, Canaris và cơ quan mật vụ Gestapo đã tổ chức nhiều tay phản gián hoạt động rất hiệu lực. Bằng cơ là bọn cộng sản đã bị thiệt hại không ít. Tuy nhiên theo Wollweber thì các thiệt hại ấy không bị được với các kết quả thu lượm. Wollweber đã đi khắp Âu-châu để tuyển mộ thêm mãi nhân viên gián điệp hay các tay phá hoại. Jan Valtin có thuật lại truyện trong một cuộc đi như thế, Wollweber nổi giận khi thấy các cán bộ cộng sản lải nhải nhai đi nhai lại cái lý thuyết thay vì hành động ích lợi. Valtin cũng có gặp hắn một lần ở Ba-Lê vào năm 1937 và đã nghe hắn nói trong một cơn nổi giận : « Tôi chỉ nhìn quanh tôi. Thành phố Ba-Lê này là một mỏ vàng. Ở đây trong một tuần lễ tôi học được nhiều việc hơn ba năm nằm ở

Đức Quốc xã. Ở Đức, các đồng chí của chúng ta đã chết đói và tranh đấu đến phải hy sinh tính mạng. Còn ở đây ? Các hiệu cà-phê, các đường phố lớn đầy dẫy những kẻ đào ngũ... Tôi sẽ gom góp họ lại và sẽ gửi họ sang Đức. Ở đây mới chính là chỗ hoạt của động họ.. »

Kể từ năm 1933, Wollweber bắt đầu thành một tên đào vong, phải lẩn trốn luôn. Với một đoàn người theo dấu hần luôn luôn, hần vẫn tiếp tục nhiệm vụ cao cả của hần không một phút nghỉ ngơi, hay một thời gian dưỡng sức. Nhưng hần cũng nghĩ rằng không thể kéo dài mãi tình thế ấy, vì cũng phải có ngày hần sẽ phạm một lỗi lầm và ngày ấy việc không thể tránh được sẽ đến. Là một điều là không phải chính Wollweber phạm phải lỗi lầm, nhưng là một cộng sự viên của hần đã để lại nhiều dấu vết nguy hiểm.

Trong một thành phố miền bắc như Goetebörg, Wollweber vì hoàn cảnh bắt buộc phải dùng nhiều người được biết là cựu đảng viên cộng-sản. Công tác gián điệp và phá hoại của hần lại đang bành trướng và hần cần dùng ngày càng nhiều người, trong lúc lệnh của Béria lại bắt buộc hần không để cho một tàu nào chuyên chở khoáng sắt hay bộ phận máy móc của Thụy-Điển, Na-Ny và Đan-Mạch tiếp tế cho Đức Quốc xã. Trong nhiều tháng, hoạt động gián điệp và phá hoại của hần vẫn chạy đều. Một chuyên viên vô tuyến điện của Sở Viễn-thông Thụy-Điển có một máy phát các luồng sóng điện ngắn để thông báo cho các tàu ngầm Nga và Đồng minh biết giờ khởi hành của các tàu chuyên chở tiếp tế cho Đức quốc xã. Chuyên viên ở tại Goetebörg, hần phải có một số đồng cộng sự viên, đây là một điều tai hại. Một trong số cộng sự viên này là viên cựu chỉ huy Cơ-quan Viện-trợ cho những chiến sĩ Cộng-hòa Tây-Ban-Nha tên là Victor Rydstedt. Trong một lúc hoảng hốt, mặc dù chưa có triệu chứng báo nguy, Rydstedt lại có ý định đi xem chỗ dự trữ chất nổ đi-na-mít được giấu trong một hăng-ga gần một cây cầu ở Goetebörg. Hành động này là một sự điên rồ vì hần không có lý do gì phải lo ngại và việc đi kiểm soát như thế đã được nhóm Wollweber triệt để ngăn cấm. Cảnh-sát đã từ lâu theo dõi Rydstedt và nhân dịp này khám phá được hơn một trăm kí lô chất nổ đựng trong nhiều bao có mang dấu hiệu của sở mỏ sắt Kiruna.

Rydstedt và viên chuyên viên vô tuyến, cộng-sự viên của hần, đều bị bắt về tội làm gián điệp và bị xử ba năm tù. Cảnh-sát Thụy-Điển tiếp tục cuộc truy tìm. Các bao đựng chất nổ có nhiều dấu tay do đó mà một tuần sau, năm người thợ của sở mỏ ở Laponie lại bị bắt

Một trong số năm người thợ này là G. Ceder nhìn nhận và đưa trình cảnh-sát nhiều tạc đạn chứa đi-na-mít mà hần nhận được để làm kiểu mẫu, và giải thích phương pháp giấu một số tạc đạn ấy dưới tàu chở đầy khoáng sắt, gần lò súp de. Tàu chạy sẽ nổ tức khắc.

Ceder cũng có thuật lại một cuộc gặp gỡ với Anton, ông « vua phá hoại ». Người ta thả hần ra để gặp Anton tại nhà của một người thợ gần hầm mỏ. Nhờ đó mà cảnh sát Thụy-Điển bắt được Anton, tức Wollweber và vài ngày sau, hai mươi cộng sự viên của hần cũng đồng chung số phận.

Trong lúc bị bắt, Wollweber có vẻ bình tĩnh khác thường, hần đã sống nhiều trường hợp như thế. Cảnh-sát không tìm thấy chất đi-na-mít tại nhà mà Wollweber bị bắt, như vậy không có bằng cứ để buộc tội hần. Tòa án Thụy-Điển thì buộc phải có bằng cứ. Wollweber chỉ cần lưu ý Cảnh-sát trưởng Torsten Soderström : « Tôi là công dân Sô-viét ». Nhà cầm quyền Thụy-Điển lúc ấy mới nhận rằng vấn đề của Wollweber không giản dị như họ tưởng. Một công dân Nga-sô không phải là một người tị nạn thường không quốc tịch. Công dân này lại được một sự che chở có thể lực. Người ta liền hỏi Đại-sứ Nga tại Stockholm lúc ấy là Bà Alexandre Kollontay, và được bà này xác nhận quốc tịch Nga của Wollweber. Thụy-Điển lúc ấy mới nhận thấy cần phải hành động hết sức dè dặt. Họ đã bắt được một tên gián điệp phá hoại

lợi hại nhất của thời này nhưng lại không có một tí bằng cứ nào để buộc tội hần. Wollweber đã tổ chức phá nổ nhiều tàu ở Đan - Mạch, phá hoại nhiều phi trường và hải cảng của tàu ngầm ở Na-Uy, và rất nhiều tàu chở khoáng sắt từ Thụy-Điển bị phá đắm giữa biển, nhưng không một trọng tội nào xảy ra trên lãnh thổ Thụy-Điển và cũng không có bằng cứ nào xác thực chứng minh sự đồng lõa của Wollweber.

Trong lúc ấy bọn Đức Quốc-Xã ở Đan - Mạch và ở Đức cũng như Quisling và cơ quan



TRONG THẾ CHIẾN II

Cảnh-sát của ông ở Na-Uy vận động để xin Thụy-điển trục xuất Wollweber. Nhưng lẽ dĩ nhiên, Thụy-Điển không thể nào dám đưa một công dân Nga Sô-viết vào hang cốp.

Về phần Nga, Laurenti Béria đã gọi cả Bộ Ngoại giao Nga phải tiếp cứu Wollweber. Chính đích thân Staline phải can thiệp và yêu cầu Thụy-Điển thả hân ra. Staline không ngần ngại nói rõ cho nhà cầm quyền Thụy Điển hay rằng nếu không xong, Nga có thể bắt giữ làm con tin một số kỹ sư của Thụy-Điển đang làm việc tại Nga.

Trong lúc chờ đợi sự quyết định của nhà cầm quyền Thụy-Điển, Sứ quán Nga ở Stockholm đã lo liệu để Wollweber không thiếu thốn gì cả : ăn uống, tiền bạc, cả đến cuộc thăm viếng. Cuối cùng Thụy-Điển định một giải pháp trì hoãn, không quá làm mất lòng Nga, mà cũng không quá xúc phạm Đức. Tòa án Thụy-Điển chỉ khiển trách Wollweber đã sống ở nước họ dưới một danh tánh giả mạo và một số thông hành giả. Hân đã nhập cảnh một cách phi pháp và vì thế mà hân bị tố cáo. Bọn Đức Quốc Xã cũng được thông báo là Wollweber sẽ bị buộc tội nói trên, và hân bị kêu án 18 tháng tù ở trước khi được trục xuất ra khỏi Thụy-Điển. Riêng về sự yêu cầu của chính phủ bù nhìn Quisling ở Oslo, Thụy-Điển không trả lời. Như thế là Wollweber, một kẻ tử thù của phe Trục chỉ bị mất tự do trong 18 tháng trong một khám đường tương đối đầy đủ tiện nghi của một nước dân chủ.

Wollweber bắt tay thân mật với các bạn bè của hân trong Tòa Đại-sứ Nga đã đến thăm hân và tỏ rằng : « Tôi sẽ được tự do kịp thời để chứng kiến quân đội Nga vào Bá-Linh ».

Tòa án Thụy-Điển tưởng rằng đã hành động tốt đẹp với việc quyết định giữ bí mật trong năm chục năm hồ sơ của cái án Wollweber ; Canaris thì chỉ bằng lòng có phần nửa với việc loại được Wollweber ít nhất cũng một thời gian, nhưng tất cả đều nhầm.

Wollweber vẫn bị giam giữ, nhưng tại một thị trấn nhỏ tên Krylbo, giữa nước Thụy-Điển, lại xảy ra một việc lạ lùng. Thị trấn Krylbo rất hân diện có hai ngàn dân, một ga xe lửa, một trạm xe đò và một lữ quán. Phần lớn dân chúng đều là nông dân hay những lính kiểm lâm của những rừng gần đấy. Không có nơi nào yên tĩnh hơn thị trấn Krylbo, nhưng một ngày kia thành linh có nhiều tiếng nổ ghê gớm xảy ra giữa trung tâm của thị trấn. Dân chúng hết hoảng mạnh ai nấy chạy tán loạn vào rừng, trong lúc ấy nhiều ngọn lửa bốc lên cao hơn hai mươi thước. Thị trấn như một biển lửa. Nhà ga tan nát.

Các đoàn tiếp cứu khám phá nguồn gốc của cuộc nổ này là do ba toa xe lửa gây ra. Ba toa này đều được chêm chặt trên đường rầy và cháy dữ dội hàng mấy giờ liền, không có gì dập tắt được. Nhiều dân chúng bị thương và bị phỏng nặng ; nhiều nhân viên hỏa xa bị tàn tật và chết.

Lúc ấy, người ta chưa biết lý do của tai nạn này. Chính phủ Thụy-Điển giải thích vì sự cọ xát của các trục toa xe lửa mà gây ra hỏa hoạn, nhưng hai ngày sau sự thật bị khám phá rành rành đến nỗi không cách nào giấu giếm gì được. Hiển nhiên không phải một tai nạn thường như muôn ngàn tai nạn khác, đây là một hành động gián điệp và phá hoại có tổ chức hân hoi và có tính chất chính trị. Các toa xe bị cháy là những toa xe hàng hóa được đưa từ Na-Uy đang bị Đức chiếm đóng đến Phần-Lan. Thị trấn Krylbo nằm ở giữa đường của hai nước bị phe Trục chiếm cứ. Phần-Lan lúc ấy là đồng minh miễn cưỡng của Hitler và đang thiếu thốn thực phẩm. Bọn Đức nhận thấy có bốn phận phải tiếp tế cho các bạn chiến đấu của mình.

Dân chúng thị trấn Krylbo lục soát trong đồng sắt vụn, tìm thấy nhiều mảnh bom, cả những trái bom chưa nổ. Những trái bom này mang dấu hiệu của quân đội Đức. Trong các đồng gạch vụn của nhà ga người ta tìm được nhiều bằng đồng có ghi chữ « lương thực ». Nhưng tất cả bằng chứng này không gạt ai được. Lương thực đâu có cháy và nổ như thế, nó cũng không thể nổ trong các toa xe hàng hóa đến nỗi phá hủy cả một thị trấn. Sự thật như sau :

Thụy-Điển, một quốc gia trung-lập, không có quyền cho phép mọi cuộc chuyển chở vũ khí chiến tranh qua lãnh thổ của mình từ Na-Uy sang Phần-Lan. Nhưng đối với việc chuyển chở thực phẩm tiếp tế cho nhân dân Phần-Lan thì Thụy-Điển không ngăn cản vì đây là một hành động nhân đạo. Nhưng các tay gián điệp của Laurenti-Béria, học trò của tên tù Wollweber thì biết rằng các toa xe lửa ấy không chở thực phẩm. Và do đấy mà họ đã tổ chức phá hủy một trong số nhiều chuyến xe lửa chở đạn được cho Phần-Lan. Hành-động này của Mật vụ Nga lật gài sự sơ xuất hay sự hèn nhát của Thụy-Điển đã không chịu kiểm soát kỹ lưỡng các toa xe lửa tại biên giới hay là đã cố tình nhắm mắt giả như không biết.

Ái là những kẻ phá hoại ở Krylbo ? Bọn Đức thì đề quyết cho Frédérick Edge lúc ấy đang ở tại Phần Lan nhưng Edge đã có một chứng cứ tự bào chữa vô cùng xác đáng. Trong lúc quá nóng giận, bọn Đức Quốc-xã lại nghi qua

(xem tiếp trang 42)

KHI NGƯỜI ĐANG BIẾT YÊU

★ T. T. Đ. dịch thuật

Vô tình cảm, làm sao cho có được một trái tim sắt đá, không rung động trước sắc đẹp, đó là một trong nhiều điều tồi tệ của một sĩ quan phản gián. Đi săn gián điệp, đi săn những kẻ tình nghi, làm sao đối với những hạng này được như một nhà bác học đối với đám vi trùng dưới mắt kính hiển vi vậy. Một khi tình cảm cá nhân bị pha trộn vào công tác, sĩ quan phản gián cũng như con người gián điệp đều sẽ không còn đủ đầu óc sáng suốt để xét đoán, quyết định và đều sẽ bị thất bại trong công tác.

Phái nam cũng như phái nữ chọn nghề gián điệp vì rất nhiều lý do khác nhau. Người vì tính ưa mạo hiểm giang hồ. Người vì tiền bạc,

cơm áo hay danh vọng. Người vì ái quốc. Bất cứ vì lý do nào, khi mắc bẫy, con người ta cũng đem hết khôn ngoan can đảm ra để tranh đấu lấy sống còn, hi vọng thoát chết.

Muốn cho nghi can thú nhận mọi điều, những thẩm-sát-viên đều sẽ bị thua cả một khi bị tình cảm chi phối. Phải quên nghi can đang đứng trước mình, quên rằng y sẽ bị tử hình, xử giáo hay bị bắt nếu mình làm cho y thú tội. Phải vô cùng kiên nhẫn, trơ như đá, lạnh như đồng, mới có thể mong thắng. Nếu dùng đến tình cảm, phải là tình cảm có « dụng ý », đóng kịch. Đến khi việc xong rồi lúc đó tha hồ mà ca tụng, khen ngợi nghi can là giỏi là đẹp, tha hồ mà khinh khi y là nhút nhát, hèn yếu. Còn đương trong cuộc thẩm vấn, tình cảm làm mờ

tối tắt cả lý trí, như hơi nước làm mờ một tấm kính vậy.

Nguyên tắc trên đây thường là bắt di bắt dịch.

Và bất cứ một nhân viên gián điệp hay phản gián nào cũng vậy, ôn lại cuộc đời hoạt động công tác của mình, ít ra cũng còn nhớ lại một hai kỷ niệm trong đó tâm lòng mình, trái tim mình—tâm lòng và trái tim của con người—đã không thể nào không xao-xuyến cảm động. Dù chúng ta có cố gắng đèn đầu chẳng nữa để cho giống được như sắt đá, chúng ta cũng vẫn chỉ là những con người... có thể sa ngã được !

Chính tôi thì không có dính líu gì đến câu chuyện tôi sắp kể ra đây. Chuyện này xảy ra cho một nhân viên phòng nhì, một nhân viên rất đặc sắc. Chuyện này, tôi đã giữ kín trong hai mươi lăm năm nay rồi. Bây giờ, nhân vật đó đã mãn phần và tôi thấy có thể kể chuyện này ra được, vì không có hại gì cho ai nữa.

Tôi đương có mặt ở Ba-Lê vì một công tác. Phòng Nhì có đặt thuộc quyền sử-dụng của tôi một nhân viên đặc biệt ưu tú, mà tôi cứ tạm gọi tên là Henri Dupont. Dĩ nhiên tên của nhân viên không phải vậy, Pháp quốc có trăm ngàn Henri Dupont ; nhưng vì lẽ gia đình nhân viên đó, vợ con cha mẹ vẫn đều còn sống cả, nên tôi không muốn nêu đích danh hiệu.

Trong cuộc đại chiến, chúng tôi đã có dịp gặp nhau nhiều lần để cộng tác với nhau rồi, cho nên chúng tôi đều đã biết nhau cả. Thiện cảm vốn có sẵn, và lần này khi công tác hoàn thành chúng tôi cùng nhau khao một bữa tại một nhà hàng lớn ở Thủ-đô.

Thật là một bữa khao đặc biệt.

Như một đôi bạn cố hữu, chúng tôi nhắc lại những câu chuyện cũ, thảo luận về những trường hợp đã cùng nhau cộng tác, có thắng có bại, có vinh có nhục. Tôi đùa giỡn hỏi :

— Vậy ra ông bạn chẳng bao giờ phải quyết định hay sao ? Không gặp trường hợp nào gai góc à ? Chẳng lẽ cuộc đời hoạt động chỉ toàn đắc thắng ?

Henri Dupont thở dài, vẻ mặt buồn buồn :

— Đại tá đánh đúng vào nhược điểm của tôi. Đã có một lần mà thật

tôi chẳng lấy làm hãnh diện một chút nào ! Bây giờ, có đêm tôi vẫn thường suy nghĩ hồi tưởng đến : thế xác thì mỗi-một lắm, nhưng đầu óc thì lại không thể nghỉ ngơi được. Câu chuyện đã qua, tôi cũng không lấy gì làm thẹn, làm nhục ! Nhưng tại sao một chuyện như vậy lại xảy ra cho tôi, đúng vào cái tháng tôi mới được chớ...! Quên làm sao được nàng...!

— Nàng à ? Nếu vậy chuyện hẳn thú vị lắm ! Kể cho nghe đi ! (tôi nho nhỏ nói vậy).

Henri ngẩng lên nhìn tôi, mỉm cười, một nụ cười chua chát buồn thảm.

— Vâng thì kể. Tôi chưa nói cho ai nghe câu chuyện này. Dù sao chẳng nữa, kể cho một bạn như đại tá nghe một chuyện bí mật, thì cũng vẫn nhẹ đi được một nỗi khổ, vội đi được một chút buồn. Câu chuyện như sau :

« Tôi được Phòng Nhì chỉ định phục vụ tại tỉnh A. Làm ở đó một năm rồi mà chưa được đi phép lần nào cả, Đại tá hẳn còn nhớ tiểu khu đó chớ ! Việc ngập quá tại quá mui. Làm ngày không hết phải làm cả đêm. Đền tiền lên được. Y như một anh đương ở trong một cái thuyền thúng, lúc nào cũng tát mãi, tát mãi nước ra mà không hết ! Làm được sáu tháng thì được nghỉ phép một lần, nhưng thật không có lòng dạ nào mà dám đi nghỉ phép cả. Khó một nỗi là mình thuộc loại có lương tâm nhà nghề quá đi thôi ! Mà cuộc « chơi » với các gián điệp địch vốn lại là một cuộc chơi hứng thú quá mới chết chớ ! Nhưng khi bước chân sang đền năm thứ nhì thì con người ta hết chịu nổi. Thân xác mệt mỏi quá đi mất rồi ; tôi đâm ra găt gỏng với tất cả mọi người, và thú thực là trong công tác vì vậy thành ra cũng một đôi khi bị lăm lăm, chẳng có gì cả cũng gây với mọi người và tôi trở nên phũ phàng thô lỗ với đa số phạm nhân lọt vào tay tôi. Tôi thường quên rất nhiều chi tiết và một đôi khi không còn đủ sáng suốt để theo dõi công tác từ đầu đến cuối. Tôi mất ngủ. Nhưng tôi vẫn cầm đầu vào mà làm việc, nhất định không cho rằng vì mình đã bị mệt mỏi thế xác quá. Bỗng một hôm, cấp chỉ huy của tôi vô vai tôi và đưa cho một giấy phép :

— Nghỉ vài ngày đi chơi đôi giờ cho sáng suốt đầu óc rồi lại về làm. Đây là lệnh của thượng cấp.

Tôi đành phải nghe theo.

Tôi tự nhiên không thấy khoái gì trở về Ba-Lê cả. Cho nên tôi đã đi đền tỉnh B. gần đó. Yên tĩnh. Chưa có không khí chiến tranh. Mùi vị tỉnh nhỏ. Những căn nhà cổ, cũ kỹ, tường chùng như sắp đổ nay mai. Những đường phố hẹp hai xe khó lòng tránh nhau. Và xe cộ qua lại cũng ít ỏi. Lại thêm một dòng sông con uốn mình quanh tỉnh làm tăng vẻ dịu dàng thơ mộng. Ánh nắng êm dịu. Trên cây chim ca véo von. Đã hơn một năm nay tôi mới lại thấy tôi có những giờ nhàn tản ven bờ sông, lòng thơ thới nhẹ nhàng, y như cái ngày tôi còn nhỏ khi trốn học đi chơi rong vậy.

Cả tỉnh chỉ có một khách sạn nhỏ bé. Tôi thuê một căn phòng. Tôi nhất định trong tuần lễ này quên hết mọi chuyện chiến tranh, mọi chuyện mật thám, mọi chuyện gián điệp, mọi chuyện bắt bớ. Tôi nhất định sống cuộc đời của tôi theo ý tôi.

Khách sạn rất nhỏ nhưng rất sạch sẽ, tôi bắt ghê ra nằm lười ngoài thêm cao, trông xuống dòng sông nhỏ thông thả trôi.

Đền giờ ăn, trong phòng cũng vắng khách. Tôi lấy con mắt nhà nghề liếc qua những người ở trong phòng. Một góc, hai ba chủ điển bàn tán câu chuyện mùa màng. Một ông già, nghiêm trang đạo mạo, trịnh trọng ngồi ăn.



Cũng có một vài cặp ở trong phòng. Nhưng... tôi chẳng để ý đến ai cả, và tôi cũng quên ngay hết cả họ, khi tôi nhìn thấy một cô ngồi gần bàn tôi. Cô ta mặc áo màu xanh, có một mình, nên chỉ cầm đầu ăn không nhìn ai. Dù cô không nhìn tôi nhưng tôi chắc rằng nhờ một giác quan thứ sáu, cô ta cũng biết rằng có một người là tôi đương ngắm cô ta đến mòn cả mắt.

Ngày ấy, tôi còn trẻ tuổi và chưa vợ. Lại đang trong dịp đi nghỉ mát. Một chuyện tình lúc này mà xảy ra thì thực là hợp thời đúng lúc vô cùng.

Bỗng cô ta ngừng đầu lên và bắt gặp tôi đang nhìn. Tôi vội vàng nâng ly rượu lên về phía cô và cuối đầu chào, cô mỉm cười một cách mà tôi cho thật là duyên dáng hết sức, tôi thấy đôi má cô ta đỏ hồng lên, và hình như cô cũng cười trả lại.

Tới khi bữa ăn gần xong, do người hầu bàn làm mạnh mỗi giới thiệu (mà tôi rất ít hy vọng), chúng tôi đã ngồi chung một bàn để vừa ăn tráng miệng vừa nói chuyện. Thoạt tiên, cũng chỉ là những chuyện vu vơ trời mưa trời nắng. Nhưng rồi chúng tôi thân mật với nhau ngay. Nàng xưng danh là Marie làm thơ ký cho một hãng buôn tại Ba-Lê, bây giờ đương đi nghỉ phép. Tôi có hỏi nàng tại sao đi nghỉ phép lại chọn một tỉnh nhỏ như tỉnh này là nơi chẳng có một thú chơi gì để tiêu khiển cả Nàng nhún vai, mỉm cười, nói mình cũng yêu thích Ba-Lê, nhưng ảm đạm quá, đường phố chật ních những binh lính đi nghỉ phép, những quân nhân thêm ăn thêm chơi thêm sông, được ngày nghỉ tại thủ đô phải sống cho đầy đủ để bù lại với những ngày luôn luôn phải phòng lo sợ cho cuộc sông không biết giờ phút nào sẽ mất đi !

Song thân nàng ở một vùng gần miền đương có khói lửa tới bờ, như vậy nàng có muốn về thăm gia đình cũng không được. Đầu tiên định về nhà một người bạn gái ở nơi thôn dã. Đền phút sau cùng, người bạn gái đó vì một lý do nào lại không thể cùng đi được, nên nàng phải đi một mình, và cũng mới tới tỉnh này sáng nay mà thôi.

Tôi cũng đã tỏ cho nàng rõ tôi làm việc cho thông tấn xã HAVAS Điều

này cũng là một điều thực, vì trong thời chiến tranh này, đa số nhân viên phân gián đều có tên trong sổ nhân viên của hãng thông tấn này, đó cũng một cách để làm việc cho được dễ dàng và kín đáo. Cũng như nàng, tôi nói chán cảnh kinh kỳ, nên tìm nơi vắng vẻ nghỉ ngơi tâm hồn và thể xác, nhưng gặp nàng như thế này chắc những ngày nghỉ phép sẽ được vô cùng thú vị đây ! Nàng đỏ hồng đôi má, và cười một cách tinh ranh.

Chúng tôi bàn tính đến cuộc đi chơi buổi chiều. Nàng có ý định thuê thuyền đi chơi trên sông, nhưng lại không biết chèo thuyền. Lạ lùng ! Tôi cũng có ý định đi chơi thuyền, và tôi lại là một tay chèo thuyền rất giỏi, đồng họ nhà tôi luôn luôn có vinh dự chiếm giải nhất trong các cuộc đua thuyền. Nếu vậy thì còn gì hơn nữa ! Chỉ cần thuê một con thuyền, nếu nàng chịu, tôi sẽ là người chèo lái để đưa nàng đi tới chốn thần tiên. Sau vài giây ngập ngừng do dự, nàng nhận lời.

Mấy lúc sau, chúng tôi ra bến và thuê một con thuyền. Nàng ngồi đằng mũi, dựa lưng vào một tấm gối, đôi diện với tôi ngồi chèo đằng lái. Tôi chèo ngược dòng sông, tuy là tay chèo giỏi, nhưng lâu rồi không hay chèo nên lúc đầu cũng hơi ngượng nghịu, nhưng về sau quen dần thành chèo cũng dễ dàng.

Chiến tranh.., công việc làm ăn của tôi.. trong lúc này, tôi quên tất cả. Dọc bờ sông có đôi hàng liễu xanh rờn rủ bóng, lá lướt lá cành trông đẹp vô cùng. Chúng tôi chẳng ai nói năng gì với ai, nhưng tình thân tưởng chừng quen nhau như đã hàng chục năm rồi. Chúng tôi có đem theo đồ ăn nguội, gặp chỗ có cảnh đẹp bóng mát, chúng tôi dừng chèo cắm thuyền và lên bờ, giờ bị đó ăn, mở các đồ hộp, một chai rượu, một vuông vải làm bàn ăn, chúng tôi cùng nhau say sưa một bữa ăn ở ngoài trời, sao mà ngon lành quá vậy ! Thăm cô dùng làm chiều êm êm, chúng tôi nằm gò lên tay nhau mà nhìn mây bay trên trời xanh, tai lắng nghe chim ca khúc nhạc thiên nhiên hòa điệu cùng những làn gió nhẹ thổi qua cành lá. Trai gái yêu thương nhau cặp nào mà chẳng ao ước được những buổi đi chơi đầy thơ mộng như vậy ! Chỉ tiếc một điều là thời gian đi mau chóng quá ! Chiều đã xuống !

— Ô temps ! Suspend ton vol !..

Tôi thì thắm vào tai nàng câu thơ bắt hủ, và nàng cũng thì thắm bên tai tôi :

— Khi yêu là thành thi sĩ !

Chúng tôi luyên tiếu cả đèn chõ ngồi trên thảm cỏ, nhưng làm sao được ! Đành cời thuyền, rồi thả mặc cho trôi theo dòng sông ! Chúng tôi ngồi sát nhau về phía lái, mớ mành không nói năng gì. Biết nói gì khi chúng tôi lúc này gần như đã nói hết cả rồi ! Những du khách tản bộ trên hai bờ sông, thấy chúng tôi trên con thuyền mộng ai này đều chỉ trở và giờ tay vẫy ! Đừng nghỉ phép cả mà ! Nhất lại là đương thời kỳ chinh chiến ! Hường đi, kéo giờ phút trôi mau ! Đừng nghĩ gì đến ngày mai cả.



Cueillons dès maintenant les roses de la vie !

Chiều tối hôm đó, chúng tôi ăn cùng nhau một bữa. Tinh nhỏ, không có chi để giải trí cả. Mà chúng tôi cũng chẳng cần ! Thiên đường của chúng tôi đương mở rộng cửa chờ đón. Căn phòng xinh xắn tuy tầm thường, thêm có ánh trăng chênh chênh dòm song, chúng tôi chỉ là đôi lứa trai gái người trần tục, cho nên chúng tôi đã phạm lỗi, nếu yêu nhau cũng bị coi như là một lỗi.

— « Ah ! Ichi liebe dich. »

Tôi giật mình đánh thót một cái ! Và thầy lạnh toát người !

Sao ? « Ah ! ich liebe dich ». Với bấy nhiêu năm kinh nghiệm trong nghề tôi thấy tự nhiên run sợ ! Tôi nghe lắm hay nghe đúng ? Không thể nào

nghe lắm được. Nhất định là Marie.. cô gái tinh nhỏ... làm thơ ký ở Ba-Lê... vừa rồi đã nói tiếng Đức !

Tôi khe khẽ nói tay, và bật đèn sáng. Marie ngạc nhiên nhìn tôi, không hiểu gì. Nàng chắc cũng không nhớ là mình đã nói gì !

— Chi vậy anh ? Có gì thề ?

Tôi nói :

— À ! Anh hết thuốc lá rồi. Đề anh đi mua một gói.

— Thuốc lá à ! Mà anh định mua ở đâu giờ này ? (Nàng cười chỉ vào hộp thuốc ở bàn). Nếu anh có hút hết cả liên điều này sang điều khác, cũng chưa chắc đã hết !... Có gì anh giấu em ? Nói đi anh !

— Marie, anh rất tiếc và rất buồn là không thể nói được, (tôi nghiêm

trang trả lời, trong đầu óc sẵn một quyết định). Đừng bắt anh phải nói thì hơn, vì anh đã nhất định rồi : anh không muốn thi hành bốn phận của anh. Vậy thì... anh đi ra, mua thuốc lá. Nửa giờ sau, anh sẽ quay về phòng. Đúng nửa giờ ! Nếu em còn ở trong phòng này, thì.. em nhất định có một việc phải làm : bắt em ngay tức thì và đưa em tới ngay cơ quan an ninh ở đây.

— Bắt em ? anh giỡn sao ?

— Anh không giỡn. Marie em, anh đã bảo rằng đừng bắt anh phải nói nữa. Nếu anh ngờ cho em rõ rằng anh không phải là thông tin viên của hãng HAVAS mà thực sự.. anh là nhân viên của Phòng Nhì... thì em hiểu ngay chứ !

— Nhưng em đã làm gì anh đâu ?

— Đừng lồi thối mắt thì giờ. Em đáng yêu, ngoan ngoãn quá, và rất

có cảm tình với anh ; anh thú thực cũng yêu em. Anh vô cùng cảm động ! Nhưng... chúng ta phải chia tay nhau ở đây lúc này. Anh van em... phải chia tay nhau thực sự ! Và đừng bắt anh nói thêm nữa ! Anh có thể... khiếm khuyết bốn phần một lần. Nhưng chỉ một lần thôi, chớ không có lần thứ nhì.

Rồi tôi từ từ đi ra, đóng cửa lại, cũng không quay đầu nhìn thêm một lần. Tôi đi ra phía bờ sông... nơi này vừa mới là thiên đường của tôi hồi nãy. Tôi đi thơ thẩn, ruột gan rồi như tờ vò, lòng đau như dao cắt, đầu óc như điên cuồng.

Marie là một gián điệp Đức, điều này tôi chẳng còn phải nghi ngờ gì nữa. Một vài chi tiết nhỏ trong câu chuyện nàng nói, bây giờ trở nên rõ rệt quá. Khi tôi nhớ lại ba tiếng Đức tôi vừa nghe thấy, ý nghĩa lại càng minh bạch ghê gớm nữa ! Cả một buổi, Marie đối với tôi quả thực tình là một người yêu... chân thành. Tôi đã được sung sướng cả một buổi chiều. Marie chỉ mới thấy tôi vận thường phục, nàng đâu có thấy tôi bận quân phục mà biết tôi là người của quân đội. Nghĩ lại từ đầu chí cuối, không có một chút gì có thể khiến cho tôi nghĩ rằng nàng đã giả dối quyền rũ tôi dễ... lấy tin tức. Có lẽ thực sự nàng cũng đương nghĩ phép và cũng đương muốn tận hưởng cuộc đời như tôi vậy. Nhưng... Nàng là một gián điệp. Mà tôi lại là một nhân viên phản gián trung thành, đáng lẽ tôi phải bắt ngay nàng. Nhưng... tôi cũng chỉ là một con người : tôi không phải là thần thánh.

Giờ phút trôi qua. Tôi hi vọng rằng tôi đã đoán lầm, và khi tôi trở về phòng khách sạn, nàng cũng vẫn còn đó, chỉ ngẩn ngơ bức tức vì thái độ kỳ cục của tôi, và nàng hoàn toàn vô tội nên chẳng thêm nghi ngại lo sợ gì về những lời đe dọa của tôi.

Nửa giờ qua rồi Tôi trở về khách sạn định nhìn trong lòng rằng vẫn còn thấy nàng ở trong phòng.

Nhưng... không ! Nàng đã đi rồi Tôi nhẹ mở cửa vào, thì... con chim xanh đã bay mất từ lâu, tuy hương thơm còn phảng phất !

Marie đã trốn chạy. Nàng đã mặc nhận rằng chính mình là một gián điệp Đức quốc.

Nói đến đây, Henri ngừng lời, dụi điều thuốc đang hút dở trên đĩa tàn, như muốn cho rằng câu chuyện đến đây là chấm dứt.

— À ! Như thế đó ! Sờ phận mìa mai như thế đó !

— Thong thả, đã hết đâu ! Câu chuyện còn có đoạn tiếp, mà là đoạn đau xót cho tôi nữa chớ !

« Tôi còn ở lại tỉnh nhỏ đó một hai ngày nữa, nhưng tìm đâu cho ra cái thi vị của buổi đầu. Chỗ nào tôi đi tới cũng như nhắc nhở cho tôi nhớ tới nàng. Tôi cứ lang thang đi ở bên ngoài Cơm xong, đi ngủ liến. Chẳng biết làm gì cả, lại nghĩ đến Marie ! Giờ này nàng làm gì ? Ở đâu ? Tôi không làm thế nào mà nhắm mắt ngủ được. Tự tôi lại thăm trách tôi. Ngủ dần dại đột quá ! Đã bỏ bộ quân phục ra rồi, thì vứt cả bốn phận đi có được không ? Ừ thì nghỉ ngơi, nhưng hãy cứ để đó mà hưởng cho đến khi hết nghỉ phép có được không ? Đã chết ai chưa ? Đã chết mình chưa ? Nàng sẽ không rời khỏi mình lúc nào, và như vậy dù có muốn hoạt động cũng không làm gì được kia mà ! Đợi đến khi hết phép sẽ cho nàng rõ... Biết đâu lại có thể làm cho nàng thay lòng đổi dạ được ! Ái tình có những sức mạnh nhiệm mầu kỳ dị lắm mà !



BUỒN rầu thú vị ruột, tôi bức mình rời bỏ tỉnh nhỏ ra về. Về lại húc đầu vào công việc hàng ngày. Các bạn đồng sự của tôi đều lấy làm lạ về điều tôi đi phép dở dang như vậy ; thấy về mặt tôi không vui, họ cũng đoán như tôi có gặp chuyện gì không vừa ý. Nhưng rồi họ cũng chẳng để tâm đến, vì công việc nhiều quá, nhiều quá ! Tuy vậy, họ cũng vẫn lúc lúc có những câu bông đùa tôi, và như vậy khiến lòng dạ tôi thêm đau xót nữa ! Tôi chỉ còn có mỗi một cách là cắm đầu vào công việc, cho quên đi !

Hai ngày sau, tại tổng hành dinh, trong lúc tôi đang làm việc ở văn phòng

thì tôi nghe thấy tiếng người lao xao nói to ở ngoài hàng lang. Một hạ sĩ quan gõ cửa rồi vào, thờ hớn hớn và chào :

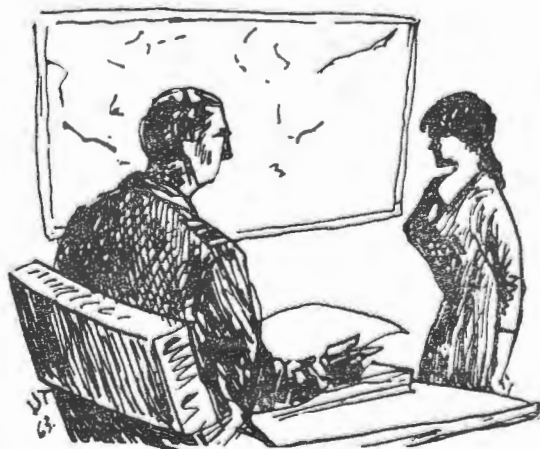
— Thưa Trung úy, hai nhân viên của tôi vừa bắt được một nữ gián điệp ở trong làng, và đã dẫn về. Cô ta bị bắt quả tang đương rút tia tin tức của một sĩ quan. Tất cả đều có mặt, xin Trung-úy quyết định.

À ! Thế ra có thay đổi không khí chớ ! Hân là có cái mới ! Tôi vội vã bước ra. Vừa khỏi cửa, tôi đứng sững ngẩn người, như bị đúng một viên đạn vào tim.

Trước mặt tôi, đứng giữa hai người lính, là Marie ! Nàng vẫn có vẻ quý phái, cao kỳ, thần nhiên, nhưng... nhận ngay ra tôi... Mặt nàng biến sắc... bỗng đứng tái nhợt. Tôi nhìn nàng đắm đắm, tim đập như muốn vỡ trong lồng ngực.

Một người lính, tay vẫn nắm chặt cổ tay Marie, đứng và khẩu trình như dưới đây :

— Thưa Trung-úy, việc như sau : « Binh nhì A và tôi có phận sự đứng gác trông chừng tại trước tiệm ăn « Con thỏ trắng », cô này ở trong một phòng ăn riêng với một sĩ quan bộ binh. Vị sĩ quan này đã nghi ngờ cô rất nhiều, nên giả đồ say rượu. Cô ta đã bắt đầu dò hỏi về vị trí của đơn vị, nhân số cùng chuyện riêng của một vài sĩ quan khác, chuyện riêng nhật hay đặc biệt của mỗi người. Vị sĩ quan đã giữ luôn luôn nàng bên cạnh và cho đi kiểm chứng tôi. Chúng tôi đã giữ cô ta, khám xét chiếc ví



tay, tìm thấy cuốn sổ nhỏ này và dẫn cô ta về đây để Trung-úy quyết định.»

Tôi cầm lấy cuốn sổ, giờ qua liếc vào một trang. Trái tim tôi se lại, như muốn ngừng đập. Tôi thấy ghi toàn những tên cùng đơn vị nhiều sĩ quan mà tôi biết. Có một trang vẽ sơ qua bản đồ tỉnh này cùng vị trí các đơn vị đóng tại tỉnh và các miền lân cận. Trên bản đồ này, tôi thấy những dấu hiệu đặc biệt chỉ có quân đội Đức thường dùng, và điều quan trọng hơn nữa là ở trang sau cùng có ghi hai địa chỉ tại Bá-Linh.

Đã nhận biết chính là Marie, tôi không có can đảm nhìn thẳng vào nàng. Sau cùng lấy hết can đảm, tôi ngẩng đầu lên mà nói:

— Cô có muốn nói gì để bảo chữa không?

Tôi cố nói câu đó bằng một giọng thật bình tĩnh, ôn tồn, như khi tôi đã thủ thi bên tai nàng: « Em có biết rằng anh đã bắt đầu yêu em lắm đó không? »

Marie nhún vai, mỉm cười với tôi:

— Thời chiến mà!

Nhưng... chỉ đến thế thôi. Nàng chỉ có thể can đảm đến thế thôi. Lúc

này nàng phủ phục xuống đất, ôm lấy đôi giày ông của tôi mà khóc lóc, mà năn nỉ. Trong khi đó, hai người lính cô vợ nàng đứng đây.

Tôi nhìn vào mái tóc... ôi mái tóc mới đây tôi còn âu yếm vò trong bàn tay! Tôi không còn có can đảm nói được một câu gì nữa.

— Tha cho tôi! Tha cho em! Em còn trẻ người non dạ quá mà! Em chưa được sống bao nhiêu!

Những câu đó nàng nói bằng tiếng Đức. Và nàng nhìn hẳn vào tôi mà van lơn. Kín đáo lắm! Nàng chỉ muốn cho có một mình tôi hiểu. Tôi im lặng. Tôi biết rằng tôi không thể nào khiêm khuyết bốn phần đến hai lần. Tôi không nói năng gì cả, ra hiệu bằng tay cho hai người lính đến dẫn nàng xuống trại giam.

Vụ này được xử ngay.

Và đau xót cho tôi nữa! Trớ trêu thay là số mệnh! Chính tôi lại phải ngồi ghế xử tội, không tìm ra được ai để thay thế cho mình

Tôi lắng tai nghe lời sĩ quan buộc tội, lời lẽ rất tầm thường giản dị.

Và tôi tuyên án: « sớm mai xử bắn. » Theo thường lệ, tôi phải hỏi một

câu xem can phạm có muốn trời trắng gì không. Lúc này, Marie rất bình tĩnh. Nàng đắm đắm nhìn tôi, và cũng mỉm cười, một nụ cười sao mà u buồn đến thế!

— Em cũng muốn mua một gói thuốc lá. Để kỷ niệm một ngày hạnh phúc ngắn ngủi và để nhớ tới một người bạn đã cho tôi một cái gì đó nhưng không thể cho được tới hai lần.

Những câu vừa rồi, Marie cũng nói bằng tiếng Đức, ý tứ lắm, chỉ muốn riêng cho tôi được hiểu.

Quả thực, Tòa án không ai hiểu gì cả.

Sớm hôm sau, một tiểu đội đã thi hành phận sự.

Marie chết, thẳng người, mặt nghiêm trang, mắt nhìn thẳng mở to chớ không cho bịt lại bằng vải như thường lệ.

Bây giờ đôi khi trong đêm khuya giật mình tỉnh giấc tôi còn nghĩ đến nàng. Nhưng... biết làm thế nào? Thời chiến mà! Nhất lại là khi người gián điệp biết yêu!..»

T. T. Đ.

(Theo đại tá PINTO)

GIÁN ĐIỆP VÀ PHẢN BỘI

(tiếp theo trang 37)

tên phá hoại Wollweber và tên này liền được điều tra tại khám. Lẽ dĩ nhiên Wollweber tươi cười mà trả lời rằng hẳn hoàn toàn không biết tí gì về cuộc phá hoại ở Krylbo, và không ai có thể phủ nhận lời nói của hắn. Nhưng ai là kẻ chủ mưu và chỉ huy cuộc phá hoại ấy, ngoài hắn? Trong lúc đứng là sở đi-na-mít được dùng là sở của đánh cắp lúc trước và bọn thanh niên đã được Wollweber huấn luyện tại trại nghỉ hè là bọn đã thực hành các điều đã học được.

Wollweber lại cũng không phải là một kẻ ngây thơ và vô trách nhiệm trong một cuộc phá hoại thủy quân vĩ đại nhất của lịch sử Thụy-Điển. Việc này xảy ra vài tháng sau vụ Krylbo. Ba khu trục hạm Thụy-Điển tới tấn công với đầy đủ thủy thủ đoàn và sĩ quan đã phát nổ trong lúc sắp rời khỏi hải cảng Stockholm. Wollweber sau bốn bức tường của khám đường vẫn giữ nụ cười hồn nhiên và khiêu khích. Nhưng người ta chắc chắn là chính hắn ra lệnh phá hoại tất cả tàu bè hộ tống của đoàn công voa đi sang Phần-Lan hay Đức quốc.

Đến đây cũng chưa chấm dứt hoạt động của ông « vua phá hoại ». Nhiều tàu khác chuyên chở đồ lậu

thuế cũng đồng số phận với các khu trục hạm, đó là những chiếc Ada Gorthon, Liljevalch, Galeon, Lulea v.v... luôn cả chiếc tàu đồ nổi liền Thụy-Điển và nước Đức.

Các cuộc phá hoại liên tiếp xảy ra một cách vô cùng bí mật vượt quá khả năng của nhà chức trách Thụy-Điển, làm cho các công-ty bảo hiểm ở nước này, kể từ cuối năm 1944, tuyên bố không thể tiếp tục bảo đảm các tàu bè Thụy-Điển chạy sang các nước do phe Trục kiểm soát. Rồi, không bao lâu sau, chính phủ Thụy-Điển phải ra lệnh, cấm tàu bè Thụy-Điển không được chuyên chở cho các nước của phe Trục trong suốt thời kỳ chiến tranh. Đó chính là mục đích của Wollweber nói riêng, và của Nga số nói chung.

Năm 1944 là năm Wollweber mãn hạn tù, lúc ấy Hồng-quân Nga chưa tiến vào Bá-Linh. Nhưng hắn không bị trục xuất và dẫn độ sang Đức, vì lúc ấy các thắng lợi quân sự của Đồng-minh đã cho phép Thụy-Điển có một thái độ cứng rắn đối với Đức-quốc-xã. Thụy-Điển không còn e ngại làm mất lòng bọn Đức-Quốc-xã và do đấy mà Wollweber được phép trở về Mạc-Tur-Khoa, nơi đây một miếng đất dụng võ khác đang chờ đợi hắn: Nước Đức thời hậu chiến.

(còn tiếp)

C. A. LIÊN-BANG HOA-KỲ

(tiếp theo trang 31)

thợ thuyền đang phục vụ cho các cơ sở quốc phòng, nếu xét ra trong phiếu có ghi những gì dính dáng tới một vụ án hình nào.

Nhờ bộ máy chống phá hoại theo lối đó, ngay từ khi khởi sự chiến tranh, Sở CALB đã được biết ngay phạm vi những hoạt động của phe Cộng, và sự xâm nhập của Cộng-sản vào trong các nghiệp đoàn lao động.

Tại nhiều nơi, người ta đã - kích kế hoạch lượm tin tức tại công xưởng bị coi như là một cơ quan gián điệp giữa giới lao động, mặc dầu chỉ thị của Sở CALB cho các chỉ điểm viên đã rõ rệt như sau : « những liên quan giữa chủ và thợ cũng như của các nghiệp đoàn đều không có lợi gì cho CA cả. Điều có lợi cho CA, tức là cái gì có động chạm tới quốc phòng. » Tuy vậy, giới đã kích vẫn không được yên lòng.

Ông Hoover, dù thế, cũng nhất định : Không sao để cho gián điệp và phá hoại lại hoạt động được như trong kỳ đệ nhất thế chiến. Và cũng không thể để cho thường dân tưởng rằng mình cũng có quyền thi hành luật pháp, bắt được mọi người khác phải tuân theo luật, giống như thời xưa, tự đứng ra làm anh hùng rơm vì dân vì nước mà ra tay dẹp loạn.

Sau trận oanh tạc Trân-Châu-Cảng, quả có thể, Sở CALB nhận được bao nhiêu đơn xung phong giúp việc để tham gia công vụ an ninh quốc phòng.

Một nhà cự phú ở Hồ-Ly-Vọng mà giới chiếu bóng ai cũng biết, là Cécil B.de Mille tự xin thành lập, cung cấp tài chánh và chỉ huy một đội CALB ngay tại trong giới kỹ

nghệ chiếu bóng. Đề nghị đó được James Roosevelt, con trai Tổng-Thống, chuyển đạt ông Tổng giám đốc Hoover.

Nhân viên phụ trách CA ở Los Angeles nhận được công văn này của ông Hoover :

« Tôi rất lấy làm cảm động về tấm thịnh tình và lòng ái quốc của ông B.de Mille. Nhưng trong lúc này chưa thấy cần thiết nhận đề nghị đó, vì chúng ta hiện đương nắm chắc tình thế trong tay... Và tôi nghĩ rằng như vậy thì không thể nào được phép thành lập một cơ quan phụ cho Sở CALB. »

Sự thi hành luật pháp và sự bảo vệ chống đối lập chỉ nhờ vào tin tức biết trước được, chứ không nhờ vào bọn anh hùng rơm mẫn cán. Ông Hoover biết vậy. Ông cũng biết rằng phải làm sao có những nguồn tin chắc chắn thì an ninh mới vững chãi. Ông cũng rõ rằng nếu về việc giữ gìn an ninh mà nhân viên nhà nghề thiếu sót bốn phần thì tội tử tử đắc thắng ngay. Dù có ái quốc mấy đi chăng nữa, số « tài tử » cũng vẫn thiếu tổ chức thiếu huấn luyện, thiếu kinh nghiệm cần thiết.

Mùa hè năm 1940, đạo quân Lê-dương Hoa-Kỳ định tham dự công cuộc diệt trừ đối lập bằng cách thành lập một cơ quan tình báo gồm 11 ngàn ban rải rác toàn quốc. Mỗi ban có 2 người chịu trách nhiệm, hay nhiều hơn nữa, có quyền đeo dấu hiệu, có một tập tài liệu chỉ thị, và một thơ giới thiệu hành sự. Tổ chức này cũng mở các cuộc điều tra, và sẽ gửi báo cáo đến những cơ quan an ninh của chánh quyền.

Những vị chỉ huy Lê-dương Hoa-Kỳ trình bày kế hoạch của họ với ông Chương lý, nhưng ông Chương lý cho rằng những người « ái quốc » đó, dù cá nhân hay đoàn thể, cũng chẳng cần dính dáng đến và nhúng tay vào những công tác điều tra mà đáng lý phải dành riêng cho các tay chuyên môn nhà nghề. Và ông mách nước người ta nên báo ngay cho CALB tất cả mọi điều về các hoạt động khả nghi.

Những người Lê dương, thấy mình bị loại ra ngoài khéo léo như vậy, bèn gây phong trào sáng lập cơ quan điều tra. Việc đi đến chỗ quan trọng đến nỗi rằng chính ông Hoover phải đề nghị với các sĩ quan trong đạo quân Lê-dương Hoa-Kỳ như sau : Công An chịu nhận sự giúp đỡ đều đều của đạo quân Lê-dương, nhưng phải tranh đấu diệt trừ cái lối « mẫn cán anh hùng rơm » mới được. Đôi bên sẽ liên lạc với nhau để tranh luận các vấn đề bảo vệ an ninh quốc phòng, các đội trưởng Lê-dương và các thẩm-sát-viên đặc biệt phụ trách văn phòng địa phương sẽ gặp nhau mặt thiết trong việc này. Khi một người Lê-dương có một tin gì về một việc nào, thì sẽ làm báo cáo cho CALB. Còn việc điều tra là việc thuộc thẩm quyền Công-An.

Đạo quân Lê-dương nhận kế hoạch này tại Hội-nghị Indiniapolis, vào tháng 11 năm 1940. Thỏa ước đặt nguyên tắc căn bản cho một cuộc cộng tác giữa CALB và Lê-dương trong thời chiến. Sự phụ lực của đạo quân Lê-dương là một thí dụ điển hình về sự đồng lao cộng tác của các đoàn thể dân sự thân hữu và chuyên nghiệp.

Cảnh-sát địa phương cũng có nhiệm vụ trong kế hoạch an ninh, và được huấn luyện về rất nhiều vấn đề : xe cộ giao thông, bảo vệ cơ sở công cộng, tổ chức phòng

thủ dân sự, điều tra về gián điệp, phá hoại, mưu mô phản quốc. Sự huấn luyện đặt căn bản trên bao nhiêu kinh nghiệm đã thu lượm được trong chiến tranh Anh quốc. Từ năm 1940 đến năm 1942, có 73.164 sĩ quan cảnh-sát đã được huấn luyện như vậy.

Do hệ thống an ninh đó, Sở CALB nhận được các tin tức không những từ cơ quan tình báo quân đội, mà còn từ ngay thợ thuyền, Lê-dương, Cảnh-sát và dân chúng tại các công xưởng. Tội phá hoại khó lòng mà len chân vào được hàng ngũ đã siết chặt quá rồi.

Đó là những năm nào căng thẳng, và đã xảy ra bao nhiêu chuyện dị kỳ. Chuyện dị kỳ nhất là chuyện CALB nhảy tót vô Hải quân để phụ lục Hải quân phá tan một tiềm thủy đình địch.

Hai tuần sau khi xảy ra trận oanh tạc Trân-Châu Cảng, những vô tuyến điện viên của đài Point Reyes, cách San Francisco độ 68 cây số về phía Tây Nam, có bắt được các điệp văn liên lạc giữa 2 đài lạ, bí mật. Họ bèn kiểm soát hướng dây trời, và nghĩ rằng đài mạnh nhất thì ở trên lục địa Nhật-bồn, còn đài kia thì ở ngay một chiếc tiềm thủy đình, gần ngay bờ biển California.

Họ thuật chuyện lại cho nhân viên CALB.

— « Khi các bạn có thì giờ, các bạn hãy nghe 2 đài đó và nếu có gì lạ thì xin kêu ngay chúng tôi. »

5 ngày sau, ngày 26 tháng 12 năm 1941, một vô tuyến điện viên đài Point Reyes kêu điện thoại cho Công An San Francisco :

— « Đài đó dường như đánh một điệp văn. Nghe điệp thì có vẻ dường như đánh đi từ một chiếc tàu đang di chuyển, trên 6908 kí-lô-xích. Chắc có thể là gần đây lắm. »

Nhân viên CALB vội vã kêu ngay đài kiểm soát vô tuyến điện ở Portland, tại Oregon, đài vô tuyến của hãng hàng không Pan American ở Treasure Island trong vịnh San Francisco, và đài kiểm soát vô tuyến ở Santa Ana, gần Los Angeles. Yêu cầu các đài này vận máy theo 6908 kí-lô-xích, rà máy tìm và dùng phương pháp vô tuyến điện giác kế mà quyết định vị trí của đài bí mật đó. Trong khi chờ đợi, đường điện thoại vẫn được giữ nguyên để liên lạc, vì ưu tiên quân sự.

Những đài ở Portland và ở Santa Ana thông tin ngay cho Pan American biết kết quả, và Pan American chỉ 5 phút sau đã nói chuyện cùng CALB như sau : « Theo như chúng tôi tính, đài phát thanh hiện đương ở 40 độ 1 Nara vĩ tuyến và 124 độ 6 Tây kinh-tuyến nghĩa là vào khoảng 13 cây số ngoài khơi bờ biển California ngang mũi Mendocine cách 230 cây số về Tây-Bắc San Francisco, »

Điện thoại báo tin ngay cho đoàn thủy quân gác bờ biển Thái-bình-dương, đoàn này báo tiếp cho một toán oanh tạc cơ tuần tiểu P.B.Y. Mới có 10 phút sau mà thủy quân đã đọc cho CALB nghe và ghi lấy một điệp văn của phi công oanh tạc cơ như sau : « Tôi đương tấn công tiềm thủy - đình địch Opal 18. »

Tàu ngầm địch trông thấy P.B.Y. lặn ngay. Phi công thả 2 trái bom, 1 trái ở mũi tàu, một trái ở đuôi tàu. Chưa đầy hai phút sau, bao nhiêu oanh tạc cơ của quân đội đã rợp khoảng trời đó và ném xuống biển bao nhiêu là đạn thủy lôi. Một vết dầu lớn loang từng dãy loang to rộng mãi trên mặt biển. Đoàn phi hành chiếc oanh tạc cơ P.B.Y của thủy quân tin chắc chắn

rằng trái bom thứ nhất ném phía mũi tàu đã nổ khá gần đủ để phá toang vỏ thép của chiếc tiềm-thủy đình.

Có thể đúng lắm, mà cũng có thể không chắc. Nhưng nhân viên CALB thích nghĩ rằng chính mình đã giúp đánh đắm chiếc tàu ngầm địch ấy, và lấy làm khoái trí lắm.

(Còn nữa)

N.V.H.

NGHỆ THUẬT LÃNH - ĐẠO

(tiếp theo trang 23)

Những người có khả-năng nhưng lười biếng :

Đối với loại này, cần áp dụng sự khuyến-khích rất khéo léo. Cấp chỉ huy phải biết khi nào cần khuyến-khích, khi nào cần thúc giục.



Bàn đèn khía cạnh này của nghệ-thuật chỉ-huy, chúng ta phải nhớ rằng nhà lãnh-đạo cần hiểu biết tỉ-mỉ về nhân-viên do mình điều khiển. Ta có thể tưởng tượng sự thất bại của những người thuộc loại kém khả-năng khi họ được chỉ định làm công việc vượt quá khả-năng của họ. Nói một cách khác, nhà lãnh-đạo không bao giờ nên bắt nhân-viên trực thuộc làm một việc gì mà chính ông ta thấy nhân-viên đó không có hy-vọng thành công. Có 2 hậu quả về hành-động đó : công việc không hoàn thành và một phần tử của cơ sở trở nên vô dụng.

(Còn nữa)

T. H. lược thuật

ĐIỂM BẢO NGOẠI QUỐC

★ NGƯỜI ĐỌC BÁO

New York Herald Tribune
ngày 27 - 9 - 63

Ký giả Joseph Alsop viết: Tuy ít người biết Miền Bắc Việt-Nam như các nước nào khác trong khối Cộng-sản, đều chắc chắn là tình hình Miền Bắc Việt - Nam thật quá ư tuyệt vọng. Giáo sư P.J. Honey, một Anh - kiều độc nhất có rất nhiều uy tín ở Việt-Nam không còn chịu ảnh hưởng Pháp hay nước nào khác đã ví hiện tình Miền Bắc như « hồi bẻ bối nhất của Trung-Hoa sau thảm bại của bước nhảy vọt ». Đó là thời kỳ mà Trung-Cộng nguy khốn đã bị đưa gần đến sụp đổ nội bộ. Giáo-sư Honey đã tả cuộc đời của nhân dân đại chúng Miền Bắc Việt - Nam như sống trên bờ vực thẳm của sự đói kém, ngoại trừ Hà Nội và Hải - Phòng là 2 thành-phố để phô trương. Quần áo thì gần cũn cùn đến nỗi người thôn nữ đi làm đồng phải mặc quần cụt vá, lại còn những vụ chết chóc vì đói khác. Miền Bắc Việt-Nam không bao giờ có đủ thực phẩm để cung cấp cho dân chúng, đừng nói chi đến gánh nặng thật lớn lao về Quân-đội và dân chính Cộng - sản. Bọn Cộng-sản rất nóng lòng chiếm lấy Miền Nam giàu thịnh chỉ vì Miền Bắc không thể sống nổi..... Nếu tình trạng ở miền Bắc Việt-Nam đã gần như tuyệt vọng ở khắp nơi đối với những người không biết gì về Bắc-Việt thì sự kiện này sẽ làm cho

những tính toán của Hoa-Kỳ thiên nặng về Miền Nam Việt - Nam..... Những đòi hỏi lý tưởng của Hoa-Kỳ cho nền dân-chủ Á - Châu bắt buộc không thể thực hiện được. Trường hợp nước Nhật mà nền văn-hóa cao hơn, kỹ-nghệ mạnh hơn là trường hợp đặc biệt. Các quốc-gia Á-châu chưa đầy đủ để đua chen với thế - giới văn - minh, tất bước vào nền dân-chủ còn non kém hơn là Tiểu - bang Alabama chẳng hạn, việc áp-dụng cố định cái mẫu mực của ta đối với các lãnh-tự Á-châu, đòi hỏi các vị này phải thực hành theo kiểu lý tưởng Mỹ hơn cả các vị Thống - đốc Tiểu - bang Hoa-Kỳ thì tự nó không phải là ngớ ngẩn... Sự uốn ép của nó làm hư hại, đui chột những lãnh-tự Á-Châu, họ có thể thực hành khác hơn, một cách tôn nghiêm hơn như trường hợp Tổng - Thống Ngô - Đình - Diệm. Khốn đốn hơn nữa là ngay chính - sách Hoa - Kỳ cũng đã tự nó bị hư hại, đui chột bởi sự gò ép ấy.

New York Herald Tribune
ngày 1 - 10 - 63

..... Bộ Ngoại - Giao Pháp cho rằng Tướng De Gaulle không có ý kiến về bất cứ hình thức trọng tài trực tiếp nào của Pháp tại Việt-Nam, đúng ra Ông chỉ cho rằng Pháp « giúp đường lối » trong thế giới để đi đến chính sách quốc - gia

và chánh-phủ quốc-gia tự do khỏi mọi ràng buộc cùng độc-lập đối với cả Hoa-Kỳ lẫn Liên-Bang Sô-Viét. Trong một bài diễn - văn đọc tại Lyon, Ông đề cập đến lời tuyên bố trước Nội-Các vào cuối tháng 8 về tình hình Việt - Nam và lập lại luận thuyết « về các quốc-gia nghèo bị chia cắt làm hai làm ba » do những sự chạm trán can thiệp của ngoại bang.

Agence France Presse 5188
ngày 2 - 10 - 63

..... Cảm tưởng của các giới có thẩm quyền tại Sài Gòn cho rằng cuộc viếng thăm 1 tuần lễ của phái bộ Mc. Namara Taylor do lời yêu cầu của Tổng - Thống Kennedy với mục đích chính thức nghiên cứu tình hình quân sự sẽ đem lại nhiều yếu tố hòa hoãn... Tại khắp nơi đi qua, Phái đoàn đều được thông báo là cuộc khủng hoảng phát sinh ở vấn đề Phật-giáo không ngăn trở gì đến những cuộc hành quân chống Việt-Cộng. Ngoài ra, Phái-đoàn đã có thể nhận định một cách tổng quát rằng Quân - đội vẫn trung-thành với chế-độ. Giới kể trên nhận định thêm rằng Phái bộ Mc Namara Taylor có thể đề trình Tổng-Thống Kennedy một bản phúc trình tương đối vững tâm về tình hình quân sự... Những sự tu sửa chiến thuật hiện thời chắc chắn không cần thiết... Chánh - Phủ Việt - Nam sẵn sàng áp dụng mọi biện pháp hoàn bị để mang lại chiến thắng có thể ngay từ năm 1964.

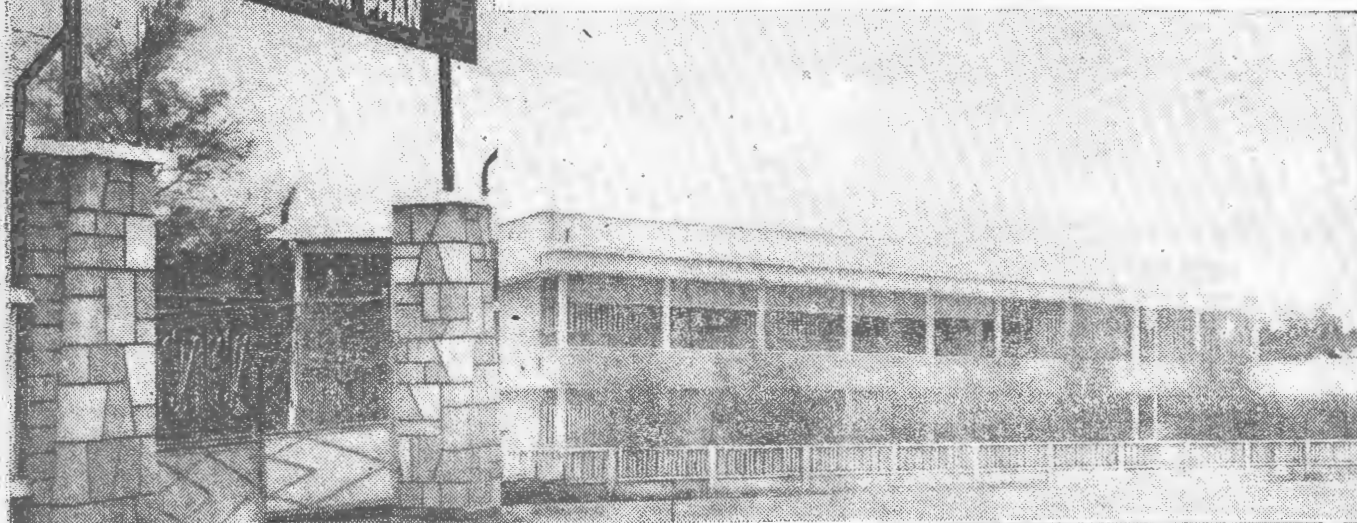
France Soir ngày 4 - 10 - 63

..... Hoa - Kỳ tiếp tục viện trợ quân sự cho Chánh-Pủ Ngô-Đình-Diệm trong cuộc chiến đấu chống Cộng tại Miền Nam Việt-Nam. Đó là điều mà Tổng-Thống Kennedy long trọng quyết định hôm thứ tư sau phiên nhóm bất thường của Hội-
(xem tiếp trang 48)



NHA CẢNH SÁT QUỐC GIA

Niên Đông Nam Phần



Hình trên : Trụ sở Nhà Cảnh - Sát Quốc - Gia Miền Đông Nam - Phần

Hình giữa : Thiếu-Tá Giám-Đốc Nha C. S. Q. G. Miền Đông Nam-Phần.

Hình dưới : Bên phải : Một lớp học Cảnh-Sát căn bản.

Bên trái : Trường Huấn-luyện Cảnh-Sát căn bản.



→
 Ông Giám - Đốc
 C.S.Q.G. Đô thành
 tiếp rước quan
 khách.



Lễ mãn khóa Nữ cán bộ Bán quân sự Cảnh Sát Đô Thành
 tại trường Huấn-luyện C. S. Q. G. Đô-Thành cử hành hồi
 8 giờ sáng ngày 20-9-63 dưới sự chủ tọa của Bà Trương-
 Vĩnh-Lê, đại diện Bà Cố-Văn Ngô-dinh-Nhu.



✦ Nữ cán bộ Bán Quân - Sự
 C. S. Q. G. diễn hành.

✦ Nữ cán bộ Bán Quân - Sự
 C.S.Q.G. dàn chào.



✦ Bà Trương Vĩnh-
 Lê duyệt qua Nữ
 cán bộ C.S.Q.G

✦ Lễ phát bằng cho
 Nữ cán bộ C.S.Q.G



Lễ mãn khóa
NỮ CÁN BỘ
 Cảnh Sát Đô thành

LÊ KHÁNH THÀNH

(tiếp theo)

NHÀ BẮN VÀ NHU - ĐẠO

Đội Xạ-thủ CSQG. Đô-Thành trình bày các thế bắn rất điêu luyện, xạ-thủ Dương-văn-Danh biểu diễn 2 thế bắn, vừa nằm vừa lặn vừa bắn và bắn nhìn kiềng soi hậu; xạ-thủ Thu biểu diễn thế đứng quay mặt cúi lòn chân bắn và thế đứng xoay mình bắn liên; xạ-thủ Thuận biểu diễn thế bắn bắt ngửa đang đi quay lại rút súng bắn gấp; nữ xạ-thủ Song-Nữ trình bày tiếp bằng cách bắn 2 tay trái, phải tất cả đều trúng đích, các xạ-thủ đều được hoan nghênh nồng nhiệt.

Tiếp theo các xạ-thủ của Nha CSQG. Đô-Thành, các thiện xạ viên của Tổng Nha CSQG. ra trình diễn: xạ-thủ Dương-văn-Danh biểu diễn tác xạ chính xác bắn tất đèn cây, đây là một lối bắn rất công phu, phải dày công tập luyện mới có thể trúng đích, 2 khẩu súng trong 2 tay trái phải, xạ-thủ Danh đã liên tiếp bắn 2 phát tất liên 2 ngọn đèn cây cách xa 15 thước khiến quan khách vô cùng thán phục; xạ-thủ Cao-văn-Tân trình bày tiếp thế bắn cúi đầu luồn chân; xạ-thủ Tăng-văn-Đắc biểu diễn thế bắn soi kiềng; xạ-thủ Cao-Xuân-Mai trình bày thế bắn ngược súng đầu dựng ngược, 1 thế bắn rất khó; tất cả các xạ thủ đều bắn trúng đích một cách dễ dàng. Toàn Đội lại biểu diễn một thế bắn phối hợp các động tác tác xạ, 2 người bắn 1 súng, 1 người nhắm, một xiết cò, 2 phát nổ liên tiếp làm tiêu tan 2 quả bóng cách xa 15 thước.

Sau hết 2 xạ thủ của Trung-Tâm Huấn-luyện Sơ-cấp Rạch-Dừa là Vũ-hồng-Thanh và Dương-thiện-Trưởng biểu diễn thế bắn nhìn kiềng khác những thế bắn nhìn kiềng trước và xạ thủ Thanh đã chấm dứt cuộc thi tác xạ bằng cách cầm ngược súng và sử dụng ngón tay út để bấm cò trong khi ngấm ngược khẩu súng. Lối bắn này không những làm cho quan khách thán phục mà còn phải buồn cười vì nó là một lối bắn tài tử mà có lẽ từ trước tới nay

ở Việt-Nam cũng như trên thế giới chưa có một xạ thủ nào biểu diễn cả.

Kết quả cuộc thi tác xạ đã được Ban Tổ-chức công bố ngay sau buổi tiệc trà và các xạ thủ cũng như các Đội đã được nhận lãnh giải thưởng do Ông Tổng Giám-Độc và quan khách trao tặng:

Giải Toàn Đội:

Đội Xạ-thủ của Tổng Nha CSQG.

Đội Xạ-thủ của Trung-Tâm HL.

Rạch Dừa

Đội Xạ-thủ của Nha CSQG. Đô

Thành.

— Giải cá-nhân

Cô Lâm-thị-Huệ, Giải xuất sắc

Dương-văn-Danh, Giải nhì

Hồ-minh Thu, Giải ba.

Lê Khánh-thành nhà bắn và nhu-đạo đã kết thúc vào lúc 12g.00 trong bầu không khí vui tươi và phấn khởi. Trong tương lai ngành CSQG. chắc chắn sẽ còn đào tạo được nhiều xạ thủ thiện nghệ hơn nữa vì từ nay nhà bắn là nơi sẵn sàng đón tiếp mọi người đến tập luyện. Người CSQG. cần phải bắn cho giỏi, bắn có giỏi mới có đủ can đảm và hăng hái xông pha hoạt động, vì như lời Ông Tổng Giám-Độc đã nói trong diễn văn khai mạc, đầu súng ông có tinh vi nhưng không biết sử dụng hay sử dụng không chính xác, khẩu súng sẽ trở nên vô dụng và có khi còn phản lại người sử dụng nó nữa.

Phóng viên

ĐIỂM BÁO NGOẠI QUỐC

(tiếp theo)

đồng An-ninh Quốc-gia Hoa - Kỳ. Quyết - định trên là kết quả phúc trình đồ sộ do Bộ - Trưởng Quốc-Phòng Mc Namara và tướng Taylor đệ trình Tổng - Thống sau cuộc điều - tra sâu rộng tại Việt - Nam Cộng-Hòa.

Tổng-Thống Kennedy đặt hoàn toàn tín - nhiệm vào sự phán đoán của 2 vị này, đã giải quyết mau lẹ mối bất hòa giữa Ngũ-giác-Đài (Bộ Quốc - Phòng) và Bộ Ngoại - Giao. Phe ủng-hộ việc tiếp tục viện trợ quân - sự và nỗ lực chiến tranh đã thắng phe cho rằng cuộc tranh chấp trầm trọng về chính-trị và tôn giáo tại Sài-gòn đã làm nguy hại vô phương cứu chữa tới cuộc chiến đấu chống Cộng.

New York Herald Tribune
ngày 7 - 10 - 63 số 25109

..... Ông Field Marshal Sarit Thanarat, Thủ - Tướng Thái - Lan, đã nói: « Có rất nhiều việc mà các Ông (người Mỹ) không biết ». Cuộc khủng hoảng ở Sài-gòn đã chứng minh điều đó. Người Mỹ chúng ta cần phải biết thật nhiều và tiếp tục nghiên cứu tình hình biến chuyển ở Đông-Nam-Á. Chúng ta phải hành động trong sự hiểu biết chứ không dựa vào tình cảm thoáng qua hay tin tức không đầy đủ, vì chúng ta đang chiến đấu trận giặc ở Miền Nam Việt-Nam và đó là trận giặc mà chúng ta phải thắng.



SÚNG SMITH & WESSON 38 TỰ ĐỘNG NGẮN COLT 45

(tiếp theo trang 25)

ngại tác xạ. Hãng chế tạo muốn rõ hiệu lực vô song của khẩu Colt 45 đã cho thí nghiệm, bắn liên tiếp 6000 phát liên mà không thấy súng bị hóc hay kẹt đạn một lần nào.

Những xưởng chế tạo các súng ngắn tự động khác cũng bắt chước phô bày thành tích súng của hãng mình trước khi bày bán ở thị trường :

1.— bắn liên tiếp 5000 phát liên không xảy ra chướng ngại tác xạ.

2.— Bắn liên 10.000 phát, các bộ phận súng tháo rời ra để xem xét thấy vẫn tốt y nguyên.

3.— mang ra thử súng với thời tiết lạnh 40 độ dưới không độ và nóng trên 120 độ bách phân, súng vẫn bắn tốt như trường.

Trên thực tế, riêng khẩu Colt có nhiều thành tích về vang trãi qua 2 kỳ thế chiến, và nhiều trận chiến khác, chịu đựng mọi thử thách nào bụi, đất, cát, nước, tuyết, bùn, rỉ, sét mà khẩu súng vẫn trơ trơ xài được.

Khẩu Smith Wesson trái lại cần phải được săn sóc lau chùi dầu mỡ luôn, nếu không giữ gìn cẩn thận thì súng rất chóng bị sét rỉ và hư hỏng ngay.

Trên phương diện hỏa lực, súng trái khê không thể mạnh bằng khẩu Colt 45.

Đây là một trường hợp xảy ra cần phải ghi nhớ :

Có 2 tên cướp, tên A võ trang súng bắn đạn ria calibre 12 và tên B cầm súng lục uy hiếp 1 quán ăn, bắt mọi người quay mặt vô tường để chúng lục soát và lấy của.

Trong số người bị uy hiếp có 1 nhân viên công lực can đảm, có mang theo súng trái khê Smith Wesson 38 Special trong người mà 2 tên cướp không hay biết. Nhắm lúc bắt ngờ, nhân viên đó rút súng quay lại và nổ liên tiếp.

Tên A cầm súng bắn đạn ria bị 1 phát đạn trúng ngực và 1 phát trúng bụng.

Tên B cầm súng lục bị 1 phát lưng sườn và 1 phát đạn xuyên gãy cổ tay cầm súng.

Bắn 6 phát, trúng 4 song trật mắt 2. Tiếc thay, tên A cầm súng bắn đạn ria, tuy bị 2 vết tử thương mà vẫn còn đủ sức đứng dậy bóp cò, xả súng vào đám người vô tội, kết liễu tính mạng nhân viên nọ và một số người khác y như ta cầm liên phạt cò.

Rồi cả 2 tên sát nhân cùng giúp nhau chạy trốn. Vì chúng bị thương nặng tìm người cấp cứu nên qua hôm sau, tung tích bị bại lộ, cả 2 đều bị nhà chức trách tóm cổ.

Điều bất thường là tuy bị lưng phổi và bao tử, tên A qua 3 ngày sau mới chết ở bệnh viện. Tên B được chữa khỏi và bị kết án tử hình vì tội ác do chúng gây nên.

Chúng ta không thể dựa vào câu chuyện trên đây để mà khước từ khẩu súng trái khê Smith Wesson có những tính chất đặc biệt về phương diện an toàn của nó.

Thực vậy, các chuyên viên vũ khí đều công nhận rằng : súng trái khê Smith Wesson 38 Special là 1 khẩu súng an toàn bậc nhất, cho những tay thiện xạ cũng như những người mới tập súng. Tai nạn bất cẩn do súng này gây nên rất ít. Mặc dầu súng đẩy đạn nhờ có đánh rớt xuống đất cũng không sao, trừ khi luồn ngón tay vào vòng cò, lên vỏ rồi động ngón tay vào cò súng thì mới nguy hiểm.

Còn đối với súng Colt 45 cũng như đối với các loại súng ngắn tự động khác, nếu không quen súng, ngón tay hay táy máy rất dễ xảy ra sự nguy hiểm. Sự nguy hiểm không ngờ nhất là mặc dầu ngón tay không động tới cò súng, mới làm động tác lên đạn tay vừa buông rời cơ bả, súng đã nổ liên tiếp như tiểu liên.

Đã có một trường hợp ở xạ trường, chuyên viên đứng ở thế lên đạn, hòng súng chỉ lên trời, vừa mới làm động tác lên đạn, kéo cơ bả đi lui và buông ra để cơ-bả đẩy 1 viên đạn vô phòng đạn, tay không đụng cò thế mà súng đã nổ liên tiếp nhảy trong tay, hòng súng đưa ngược về xạ thủ và đầu đạn bắn ra, cắt đứt gân máu nơi cổ xạ thủ.

Người ta nhanh nhẹn bịt lấy vết thương, kẹp được động mạch và cứu được xạ thủ thoát chết, nhưng từ đó y viên (một tay thiện xạ vô địch về súng ngắn) chỉ ưa tác xạ bằng súng trái khề.

Ai cũng phải công nhận rằng lau chùi giữ gìn khẩu súng ngắn tự động, điều hành sự chuyển vận tháo lắp của nó phức tạp hơn là lau chùi khẩu súng trái khề.

Tuy chỉ nạp có 6 viên đạn, khẩu Smith Wesson cũng đủ dùng cho viên chức Cảnh sát. Chúng ta chưa lập thông kê xem 1 năm ta đã bắn bao nhiêu phát súng trái khề trong khi thừa hành công vụ.

Ở tiểu bang California, có 5000 viên chức Cảnh sát vũ trang súng Smith Wesson.

Một năm, bắn tất cả 326 phát trong 122 trường hợp hoạt động khác nhau, như vậy họ tính ra là cứ 100 vụ Cảnh sát can thiệp, chỉ có 2,66 o/o vụ, nhân viên phải nổ súng.

Họ bắn từ khoảng cách 1th50 tới 3th50.

Sở đạn sử - dụng tối đa là 50 o/o, một khẩu bắn nhiều nhất là 3 phát, còn lại trong súng 3 viên chưa bắn.

80 o/o không phải là bắn người mà là bắn chó, bắn mèo, cáo chồn ăn vụng hoặc bắt gà què.....

Họ suy luận rằng, vậy dùng súng nạp nhiều đạn để làm gì?

Họ lượng tính rằng với sức mạnh, sơ-tốc độ (vitesse initiale) của đầu đạn là 350 thước 1 giây, khối thuốc 12 grammes là đủ lắm rồi cần gì phải sử - dụng 1 loại đạn có một sức đập mạnh hơn làm cho xạ thủ khó bắn trúng đích.

Kết luận, muốn thi hành công tác được hữu hiệu, cần phải có phương tiện, dụng cụ vũ khí tốt, nhưng không phải chỉ cần có phương tiện, dụng cụ, vũ khí tốt mà đào tạo ra một thiện xạ

Trăm hay không bằng tay quen.

Dù là súng trái khề Smith Wesson hay súng Colt 45, người sử dụng nó phải chăm lo luyện tập, và quý vũ khí tùy thân.

Khẩu súng tốt mà để sét rỉ thì cũng không còn tốt nữa.



N
H
Ớ

ngày 26 tháng 10

MƯỠU

Nhấn ai ở khắp phương trời.

Nhớ ngày Hăm sáu tháng mười dân ta,

Là ngày thành lập Cộng-hòa,

Là ngày lịch-sử quốc-gia xây nền !

NÓI

Xây nền lịch sử

Góp muôn ngàn phần tử quốc dân ta,

Vai liền vai gánh đất Cộng-hòa,

Cùng chung sức thiết tha xây nước tổ.

Dạ dạ, lòng lòng đều củng cố ;

Nền nền, móng móng quyết bồi xây.

Nền Cộng-hòa rực rỡ có ngày nay,

Ngày lịch-sử là ngày chung dân tộc.

Ước sao được đồng nhân hưởng phúc,

Đề phu công khó nhọc của toàn dân.

Cộng hòa đúng với tinh thần

Cộng-hòa tốt đẹp mười phần xinh tươi !

Nhớ ngày : « Hăm sáu tháng mười ».

BỐ Y

Người Nhật có câu : « tâm hồn người chiến sỹ yêu nước trong sáng như bóng gương nơi lòng súng ». Khẩu súng biểu dương một tinh thần thượng võ, người có tài bách bộ xuyên dương thường là người trầm tĩnh, tự chủ, ngay thẳng như làn đạn

N. V. B.

GIẢO - NGHIỆM

(tiếp theo trang 20)

II. — PHÂN BIỆT LỖ ĐẠN VỎ, LỖ ĐẠN RA.

Sự nhận định về lỗ đạn vỏ hoặc lỗ đạn trở ra sau khi trúng đích sẽ giúp cho cơ quan điều tra biết được vị trí của người bị trúng đạn; thêm nữa, về chiều hướng, ta có thể biết được là một phát súng bắn ngang hay là bắn « chỉ thiên » để cảnh cáo theo thể thường.

Trong chứng thư pháp-y, y-si được cơ-quan tư-pháp triệu dụng xem xét vết thương, đều phải nêu ra các chi tiết rõ ràng về phương diện nói trên, nhưng nếu Sở Cảnh-sát triệu dụng thêm cơ-quan giảo nghiệm để xác nhận hầu bỏ tức hồ sơ bằng lời xem xét đầu vết trên quần áo, thì việc này càng được thêm sáng tỏ trước công-lý.

Theo nguyên tắc, chuyên viên căn cứ theo các sự nhận xét sau đây trong việc giảo nghiệm lỗ đạn trên các loại tang vật bị súng bắn :

— Lỗ trở ra của viên đạn phải lớn hơn lỗ chui vô của viên đạn (chiều theo sách « Blessures par coups de feu » của Piedelièvre et Desoille).

— Hình thức lỗ đạn trở ra không đều (Forme irrégulière) bởi sự nổ vỡ, làm cho tang vật bị tét ra.

— Nơi lỗ đạn trở ra, khác với lỗ đạn đi vô, không có khoen vòng đen do các chất trên đầu đạn lưu lại (auréole d'essuiement de la balle).

— Dầu vết thuốc súng in lên chung quanh lỗ đạn chỉ được thấy có ở phía bên viên đạn đi vô (orifice d'entrée) và khi súng bắn gần mà thôi; trong trường hợp viên đạn từ xa đi lại, thì không còn thấy dầu thuốc súng chung quanh lỗ đạn.

— Trên lỗ đạn đi vô, ta còn thấy thêm được vành phía trong của lỗ đạn biến thành một vòng đen, vì mĩ vải chặn lại các chất dính ở phía ngoài viên đạn khi viên đạn đi ngang qua.

Người ta giải thích rằng khi viên đạn chen đi dài theo lòng súng bởi áp lực thuốc nổ, viên đạn tạt nhiên lôi

cuốn theo nó tất cả những chất đã dính sẵn bên trong lòng súng như chất sét, chất mỡ đầu chùy súng, chất chì, đồng, thau làm vỏ bọc viên đạn, chất thuốc súng dư lại trong kỳ bắn trước.

Theo các cuộc nghiên cứu, thì không phải trên da thịt mà thôi, mà trên quần áo bằng vải, lỗ đạn đi vô thường thường được thấy nhỏ hơn lỗ đạn ra. Để giải thích hiện tượng dị động đó, người ta cho rằng khi viên đạn đụng tới quần áo, thì ở phía sau đó có da thịt làm tâm chặn lại, khiến cho viên đạn đi tới mạnh thì cắt đứt thành phần lớp vải để tiếp tục đi thẳng giống như ta chặt đứt ngon lành một vật gì kê lên trên một tấm thớt cây cứng. Một dạng khác, khi viên đạn đã

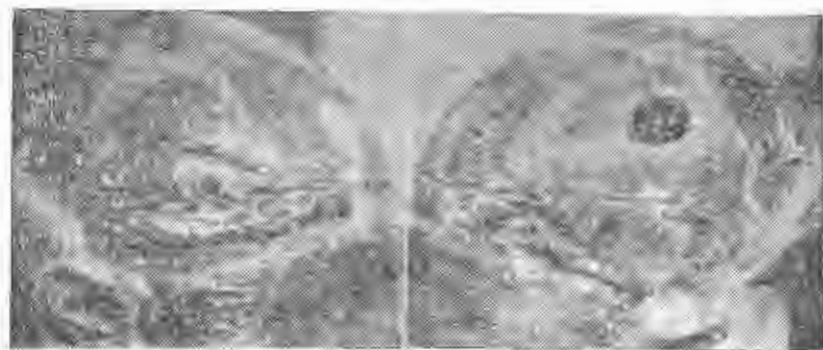
xuyên qua thân của một người rồi trở ra, thì nó sẽ đẩy lớp vải của quần áo đi tới, không có vật gì cản lại, vì vậy sự giãn ra trở thành nguyên nhân làm cho viên đạn xé tét vải ra, nên lỗ đạn phải lớn hơn cỡ viên đạn.

Người ta cũng có giải thích hình thức khác nhau giữa lỗ đạn đi vô và lỗ đạn đi ra, bằng một cách trình bày hữu lý khác. Khi viên đạn được bắn vào người, đầu nhọn đi trước nên gây ra lỗ đạn tương đối nhỏ hơn thân của viên đạn. Đến khi nó trở ra, viên đạn vừa đi vừa xoay tròn đã gặp các chướng ngại vật hoặc là cứng (xương) hoặc là mềm (các bộ phận như ruột, gan v.v...) làm cho nó lệch chiều đi, và như vậy nó không còn đi ngay đường mà nó



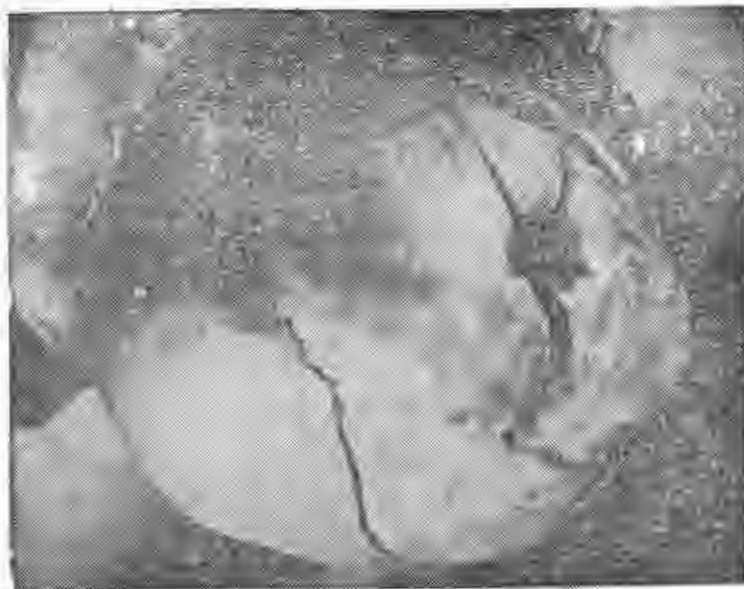
1.— Một vết thương thây từ phía đạn chui vô người (súng Lebel bắn cách khoảng 300m).

2.— Hình vết thương trên xương bả vai gây nên bởi một viên đạn trở ra.



Bên trái : Lỗ đạn đi vô đầu một nạn nhân.

Bên phải : Lỗ đạn trở ra khỏi sọ, lớn hơn lỗ vô.



Hình trên : Một mẫu lỗ đạn trở ra có sự nổ vỡ làm cho tét xương sọ ra thành 4 đường bề dài.

Hình giữa : Bên trái : Hình đạn ria phân tán trên một tấm bia, bắn cách xa 35m bằng súng săn calibre 16, nòng thường. Có 131 hạt chì nằm trong vòng 0m75 đường kính.

Hình giữa : Bên phải : Hình đạn ria phân tán ra trên một tấm bia bắn cách xa 35m bằng súng săn calibre 16, nòng « choke bored » Có 180 viên đạn nằm trong vòng tròn 0m75 đường kính.

Hình dưới : Hình 2 người bị trúng đạn ria vào lưng. do súng săn bắn ra.

có thể nằm nghiêng mình nhiều hay ít đối với trục thẳng tới, làm cho phần da thịt chỗ viên đạn đi ra bị « đào » lớn ra hơn cỡ thật sự của viên đạn.

Người ta cũng đề cập tới các sợi chỉ dệt ngang của tấm vải bị viên đạn bắn vỡ làm cho đứt và bị kéo lỏi đi theo chiều đạn đi vô bên trong lỗ đạn. Hiện tượng này có thể nhận xét được bằng cách so sánh mặt vải phía ngoài với mặt vải phía trong gần chỗ lỗ đạn, điều kiện cần thiết là để nguyên vẹn tang vật sau khi bị bắn. Như vậy, các điều tra viên không nên mở cuộc thí nghiệm sơ khởi lỗ đạn bằng cách dùng một chiếc đĩa bằng thủy-tinh hay bằng cây thọc vô lỗ đạn để sưu tầm chiều hướng viên đạn.

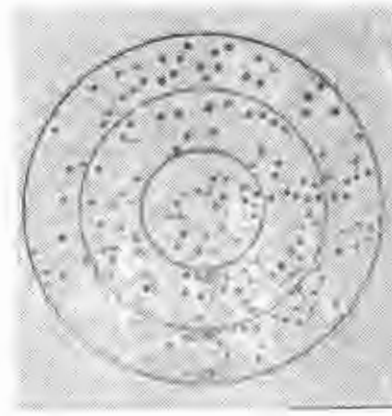
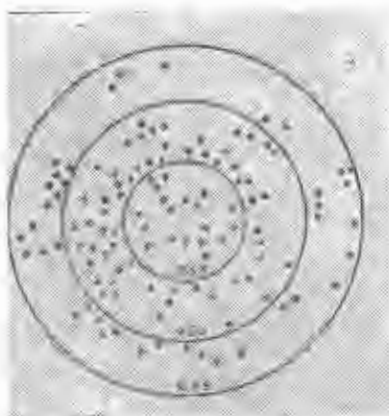
III. — XEM XÉT VỀ KHOẢNG CÁCH GIỮA NGƯỜI BẮN SÚNG VÀ NẠN NHÂN

Người ta chỉ phỏng đoán được sự cách khoảng này đối với những phát súng bắn gần mà thôi.

Những yếu tố được đem ra cứu xét là :

1. hình thức của lỗ đạn về phương diện rộng lớn hay nhỏ.
2. thuộc súng in lên chung quanh lỗ đạn nằm rải rác ra hay đông đặc lại.

Những yếu tố này được đem ra so đo với các cuộc bắn thí nghiệm để lấy kiểu (xem bản kết quả bắn thí nghiệm của Ô.SIMONIN).



Trong các cuộc nghiên cứu loại này, các chuyên viên về hỏa khí sẽ đề ý tới loại thuốc súng đen hay là thuốc súng « pyroxylée ».

Đối với phần nhiều các loại súng, trong khi còn nằm bên trong nòng súng, thuốc nổ chưa cháy hết trọn vẹn mà nó chỉ cháy hết một khi thổi ra khỏi

miệng súng mà thôi. Hiện tượng cháy nổ sẽ sanh ra khói (fumée, condensations) được phân tán ra trong không khí hoặc là đóng lên tầm bia, nếu tầm bia nằm không xa khẩu súng. Trong chất khói ấy, tất nhiên còn có các khí thể (produits volatils : gaz carbonique, oxyde de carbone, azote, hydrogène) và các thể chất chuyển hóa cứng (dérivés solides).

Chính các thể chất này sẽ được thổi mạnh rồi dính vào trong vết thương hoặc là đốt cháy tóc, lông, quần áo, da thịt của người bị trúng đạn.

Người ta phân tách ra 2 trường hợp sau đây :

1. — súng dí sát vào người của nạn nhân (tir à bout touchant).

2. — súng để gần nạn nhân từ 1 tới 3 phân tây (tir à bout portant).

Trong cách bắn số 1, nghĩa là hòng súng đụng vào quần áo và đè mạnh lên, hình thức lỗ đạn sẽ dễ nhìn biết được. Bao nhiêu thuốc súng cháy và chưa cháy đều đi theo nỗi đuôi với viên đạn không có sự phân tán ra, vì vậy sẽ không có dầu thuốc súng in lên chung quanh lỗ đạn ; các thớ vải trên quần áo không có dấu vết bị cháy.

Trái lại, lỗ vết thương trên người nếu quá nhỏ thì có thể chặn luồng hơi thuốc súng thổi tới và trên đường thổi hậu, khói thuốc sẽ đóng lên bên mặt phía trong của quần áo, thành những vòng tròn xám hay là đen ; nếu có lửa nhiều và vải thuộc loại nhạy lửa, thì quần áo sẽ bị cháy hoặc là xé rách ra nếu không còn chắc.

Trong cách bắn số 2, hòng súng để cách khoảng với nạn nhân (vài ba

phân tây), vì vậy thuốc súng và khói có chỗ để tản ra hai bên đường đi của viên đạn. Trong trường hợp này, người ta có thể thấy dấu vết thớ vải bị cháy chung quanh lỗ đạn ; những hạt thuốc súng chưa cháy hết hoặc còn nguyên vẹn thì dính vào chỉ vải.

Một khoan khói sẽ đóng thành vòng chung quanh lỗ đạn ; nếu súng để xa, khoan khói sẽ lan rộng ra và lọt lại ; ngược lại, vòng khói nhỏ lại và có màu sậm, nếu súng được bắn gần.

Ta được biết ngọn lửa thổi ra khỏi miệng súng theo nguyên tắc không dài mãi, nên các dấu cháy quần áo, nếu thấy có, chỉ cho biết rằng súng bắn gần chắc chắn.

ĐỒ I với súng loại đi săn (fusil de chasse), cách thí nghiệm khoảng

BẢN THÍ NGHIỆM SÚNG VỚI THUỐC ĐEN VÀ THUỐC PYROXYLÉE (chiều theo sách Médecine légale et judiciaire của Ông SIMONIN).

Các loại dấu lưu lại	Thuốc đen bắn với súng Revolver 1892 8m/m. Cách khoảng bắn súng	Thuốc pyroxylée bắn với BROWNING 7.65 Cách khoảng bắn súng
Ảnh hưởng thuốc nổ (effets explosifs)	Đi tới 2 hay ba phân tây	Đi tới 2 hay 3 phân tây
Ảnh hưởng làm cháy (brûlures)	Từ 1 tới 30 phân tây	1 phân tây
Dấu vết dính trên tấm bia xám hoặc nâu	Từ 1 tới 30 phân tây	Từ 1 tới 10 phân tây
Dấu vết sậm nhứt	Ở 3 phân tây	Ở 3 phân tây
Dấu thuốc súng in lên lỗ đạn (tatouages)	Từ 3 tới 60 phân tây	Từ 1 tới 30 phân tây

DIỆT CHIA - RỄ CHỐNG XÂM LĂNG

(tiếp theo trang 10)

diệt kẻ thù chung, cứu nguy tổ quốc. Sự chép rằng : Một hôm Đức Trần Hưng-Đạo từ Vạn-Kiếp về, Trần Quang-Khải xuống thuyền cùng đàm đạo suốt ngày. Vốn biết Trần quang Khải ít chịu tầm gởi, nhân câu chuyện chiến trận bàn xong, muốn tỏ tình thân mật, Đức Trần Hưng-Đạo sai nấu nước trầm hương rồi đưa bảo Quang-Khải :

— Hôm nay hân hạnh được tắm cho quan Thượng Tướng,

Quang-Khải vui vẻ đáp :

— Hôm nay hân hạnh được Quốc-Công tắm rửa cho.

Từ đó, tình-hiệu hai bên càng thêm khăng-khít mặn mà. Và chính cũng nhờ đó một phần lớn mà con thuyền quốc gia Việt-Nam thêm một lần nữa đã qua cơn sóng gió.

Đức Trần Hưng-Đạo và Thượng-Tướng Trần Quang-Khải đã cùng nhau :

Diệt giặc chia rẽ để chống giặc xâm lăng vậy !

Trung Đạo

GIỚI THIỆU CƠ SỞ MỚI

NHA - GIÁM ĐỐC C. S. Q. G. MIỀN

NHÂN dịp Lễ Quốc-Khánh 1963, để Bạn-Dân có dịp giới thiệu với độc giả bốn phương những tiến-bộ mới của Ngành CSQG trong công cuộc trùng tu kiến-thiết, Tú-Lang tôi cùng với nhiếp ảnh gia Nguyễn-văn-Thông đã được Ông Chủ-nhiệm chỉ định đi Biên-Hòa viếng thăm Nha CSQG Miền Đông, một trong 3 Nha vừa mới được thành lập do Sắc-Lệnh số 146-NV ngày 27-6-62.

Xe bon bon trên con đường tráng nhựa trực chỉ Biên-Hòa, chúng tôi cảm thấy băn khoăn hồi hộp vì nhiệm-vụ mà Tòa-soạn giao phó tuy nhẹ nhàng nhưng cũng thật khó khăn, chẳng rõ công cuộc thiết lập Nha CSQG Miền Đông đã tiến hành tới đâu, cơ sở ra sao, hoạt-động thế nào, lấy hình ảnh và tài-liệu gì để trình bày cùng bạn đọc.

Đến Biên-Hòa vào lúc 11g00, mới bước xuống xe tôi ngược mắt nhìn và ngạc nhiên trước một tòa nhà 2 tầng rộng lớn, kiến thiết kiểu tân thời, bốn bề có tường xây rất mỹ-thuật, có sân rải đá nhỏ xanh, chung quanh có cây cảnh xin tươi ngoạn mục. Một tấm biển lớn sơn xanh với 2 hàng chữ trắng « *Nha Giám-Đốc Cảnh-sát Quốc-gia Nam-Phân* » uy nghi ở cổng chính cho chúng tôi biết rằng đó là trụ sở của Nha. Tôi bỡ ngỡ nghĩ thăm « *quái sao bảo còn đang kiến thiết mà cơ sở đã chu đáo đồ sộ thế này* ». Có lẽ cũng chung cảnh với tôi, anh bạn nhiếp ảnh vội giở đồ nghề toan « *thi hành phận sự* », nhưng trong lúc anh đang ngắm nghía thì trời lại đổ mưa, anh xách máy chạy vào hiên nhả nhò « *lờm* » trời không « *thân thiện* » chút nào cả.

Việc đầu tiên của chúng tôi là định đến thăm Thiếu-Tá Giám-Đốc trước, nhưng vừa tới Văn-phòng thì được báo tin là Ông Giám-Đốc đi công tác vắng, đến mà không được gặp chủ nhân, chúng tôi ỉu xiu nhìn nhau cho đó là một điềm xui xẻo. Chúng tôi tìm đến Ông Phó Giám-Đốc; vừa thấy chúng tôi, Ông Phó Giám-Đốc tươi cười ra tận cửa đón chào thân mật và đưa chúng tôi vào bàn giấy. Nhìn 2 chồng hồ-sơ cao ngất với giấy tờ bừa bộn trên bàn, biết rằng Ông đang bận, chúng tôi không dám kéo dài câu chuyện, sau mấy lời thăm hỏi thường lệ, liền xin phép đi thăm cơ sở mới

của Nha. Trước khi phái người hướng dẫn chúng tôi đi thăm các cơ sở, Ông Phó Giám-Đốc chỉ cho chúng tôi xem tấm bảng đồ sộ trên tường và giải thích sơ qua về hệ-thống điều-hành và tổ-chức của Nha.

Tổ-chức tại Nha được chia thành từng Phòng, Ban đúng như Sắc-Lệnh đã qui định, trực thuộc Nha có 10 Ty CSQG 10 Tỉnh Miền Đông Nam-Phân: Gia-Định, Bình-Tuy, Biên-Hòa, Phước-Long, Bình-Long, Bình-Dương, Long-Khánh, Phước-Tuy, Phước-Thành và Tây-Ninh,

Trụ sở Nha khá rộng rãi, Văn-phòng Ông Giám-Đốc và Phó Giám-Đốc, Phòng Hội và Phòng Truyền-tin ở trên lầu, tầng dưới là Phòng Cảnh-sát, Cảnh-sát Hành-chánh và Cảnh-sát Đặc-Biệt. Ngoài 2 căn phụ thuộc ở cuối sân nối liền vào nhà chánh, phía tả trụ sở Nha có một dãy nhà đủ tiện nghi dùng làm cư-xá nhân-viên. Bên hữu trụ sở cũng có một dãy nhà đang xây cất để dùng làm cư xá nhân viên sau này.

Trời cũng chiều người, trong lúc anh bạn tôi quá băn khoăn về vấn đề hình ảnh chưa thỏa mãn thì bỗng nhiên trời hửng nắng, chúng tôi kéo sang thăm « Trường Huấn-luyện Cảnh-sát căn bản ». Ngôi nhà dùng làm lớp học và nơi lưu trú cho khóa-sinh cũng khá đẹp. Buổi giảng tập chấm dứt, anh bạn Huấn-luyện-viên đưa tôi vào lớp, chúng tôi thăm hỏi và nói chuyện thân mật với 40 anh em khóa-sinh từ các Ty, Chi ở 10 Tỉnh Miền Đông về thụ huấn. Anh Huấn-luyện-viên còn cho biết anh em khóa-sinh dự học khóa 6 này phần đông đã có học các khóa sơ - cấp ở Rạch-Dừa nên trình độ đồng đều, căn bản và chuyên-môn tương đối khá hơn các khóa trước. Theo lời anh em tâm sự, tôi thấy anh nào cũng thích thú về môn tác xạ và học rất tấn tới. Họ sử dụng rất vững các thứ vũ khí nhẹ như tiểu-liên M.3-A1, súng trường carbine M.1, súng sáu đạn ria và súng lục trái khế.

Trong khi tiếp xúc với anh em khóa sinh, tôi thấy họ đều có tinh thần cầu tiến rõ rệt, các anh Huấn-luyện-viên tính tình hòa nhã đều tỏ ra có căn bản vững chắc đã tạo cho lớp học một không khí gia-đình.

Ba giờ chiều chúng tôi được Thiếu-Tá Giám-Đốc tiếp kiến tại Văn-Phòng. Bỏ hẳn lối khách sáo thiếu vẻ

ĐÔNG NAM PHẢN

Phóng sự ngắn của HOÀNG-LỘC TỬ-LANG

thành thật, Thiếu-Tá Giám-Độc đã trò chuyện với chúng tôi khá lâu bằng lời lẽ chân thành và thân mật :

« Đền thăm chúng tôi vào lúc này, « hẳn các bạn cũng được hài lòng đôi « chút vì thành quả mà các bạn đã « thấy. Nếu các bạn đã tới đây 6 « tháng về trước và hôm nay trở lại « các bạn sẽ thấy thay đổi khác « thường. Tuần lệnh cấp trên, tôi lãnh « trách vụ thiết lập và điều hành Nha « CSQG Miền Đông Nam-Phản này « với những phương tiện thiếu thốn. « Rồi từ chỗ thiếu thốn đến cái « có » ngày nay, hẳn « các bạn đã đoán được bao nhiêu sự khó khăn mà « chúng tôi đã vượt qua. Chúng tôi phải lo đi thù, « nào trụ sở, nhân-viên, vật-liệu, xe cộ rồi phải « hoạch định chương trình hoạt-động nữa. Chỉ một « việc thống nhất 10 Ty Công-an và 10 Ty Cảnh-sát « cũ thành 10 Ty CSQG duy nhất cũng đã mất bao « nhiều ngày giờ. Riêng về mặt tinh thần chúng tôi « đã tồn khá nhiều công phu để gây tình tương « thân tương trợ giữa nhân-viên để tạo cho họ tác- « phong, đạo-đức của người CSQG phục-vụ dưới chế- « độ Cộng-Hòa Nhân-Vị ; chính vì công tác căn bản « này mà chúng tôi đã phải tự đảm nhiệm lấy công « việc hướng dẫn học tập mỗi tuần 1 hoặc 2 lần ; « chính Ông Phó Giám-Độc và tôi phải soạn bài và « thuyết trình trong các buổi học tập chính trị cũng « như các buổi học về chuyên-môn Trước đây phần « lớn anh em từng sự tại các Ty và các Chi ít ý « thức được sự quan trọng của vấn đề học tập, « nhưng ngày nay việc học tập chính trị đã được « mọi người say mê thích thú.

« Các khóa học Cảnh-sát căn bản đã được tổ « chức liên tục dành cho anh em từ các Ty và « Chi ở 10 Tỉnh cử về. Khóa đầu tiên, nhờ các « Giảng-viên của cơ quan USOM đến giúp đỡ, « đã đào tạo được một số Huấn-luyện-viên ngày « nay. Mỗi khóa có 40 học viên, thời hạn học là 3 « tuần lễ, chương trình chia ra 160 giờ gần giống



Thiếu Tá Giám-Độc đang tiếp chuyện bốn báo phóng viên

« như chương trình Trung-Tâm Rạch-Dừa, trong đó « môn tác xạ là căn bản. Nhờ hỗ trợ của các cơ quan « bạn môn học về Hình luật và Hình-sự Tò-tụng đã được « quý vị Thẩm-phán và Ông Chánh Lục-sự Tòa án Biên « Hòa sang giảng giúp 10 giờ mỗi tuần, sự kiện đó « chứng tỏ lòng ưu ái của quý vị Thẩm-phán và Ông « Chánh Lục-Sự tại đây và là một vinh hạnh cho Nha chúng tôi.

Nói đến trọng tâm công tác và những thành quả mà Nha đã gặt hái được từ khi thành lập tới nay, Thiếu-Tá Giám-Độc cười kéo tôi đến trước một bản đồ rộng lớn treo ở trên tường và giải thích :

« Về việc tổ chức chúng tôi vẫn luôn luôn cải « tiến cho hoàn bị hơn. Về việc điều hành tuy đã « có hệ thống rồi song nếu được bổ sung thêm nhân- « viên chuyên-môn chúng tôi sẽ sớm hoàn tất đúng « theo chương trình Tổng Nha đã hoạch định. »

Cuộc viếng thăm đến đây đã tạm đủ, chúng tôi cảm ơn và xin cáo từ nhưng Thiếu-tá Giám-Độc lại có nhã ý đưa chúng tôi đến quán Đồng-Nai bên giong sông thơ mộng làm vài ly « tẩy trần » rồi mới chia tay.

Hôm nay ghi lại cảm tưởng và những điều tai nghe mắt thấy trong cuộc viếng thăm này, tôi nhớ mãi tới vị Giám-Độc có vẻ bên ngoài là « vô cách » nhưng bên trong lại tàng trữ một tâm hồn « khả ái văn nhân ». Sau được một bạn rí tai cho biết trước khi vào nghiệp võ, Thiếu-Tá Giám-Độc đã từng là một nhà bình bút đồng thời với nhóm Thanh-Nghị xa xưa... thảo nào !

(tiếp theo)

THÔNG ĐIỆP

Trong năm thứ hai của kế hoạch ngũ niên, kỹ nghệ đã tiến mạnh và đạt đến những kết quả rất đáng kể, tổng số vốn đầu tư từ tháng giêng 1962 đã lên tới 2 tỷ rưỡi bạc.

Chánh phủ tiếp tục nâng đỡ : Trung tâm khuếch trương kỹ nghệ không những cho các kỹ nghệ gia vay theo thường lệ, còn giúp những người phải chịu đảm phụ 5/7 bằng một tín dụng đặc biệt với mức lãi 2% trả làm nhiều năm.

Sự khuyến khích các vụ đầu tư mới đã có kết quả tốt :

Kỹ nghệ dệt phát triển không ngừng, xưởng dệt mới Sicovina ở Đà-Nẵng, với 400 máy tự động và 20.000 suốt cung cấp chỉ sợi cho các ngành tiểu công nghệ miền Trung. Hai xí nghiệp mới thành lập Visyfasa và Intertexco dệt vải tơ nhân tạo và popeline. Hai xí nghiệp lớn sẵn có :

— Vinatexco và Vimytex đang tiếp tục chương trình bành trướng để cuối năm nay có 800 máy dệt tự động và 40.000 suốt. Như vậy, với 110.000 suốt, tất cả nhu cầu chỉ sợi trong xứ sẽ được thỏa mãn.

Về ngành cao su, đã hoàn thành công cuộc trang bị các nhà máy Dainamco và Michelin sản xuất ruột xe đạp và xe gắn máy.

Một nhà máy giấy mới, không kể nhà máy Cogido, đã trang bị xong máy móc.

Trong kỹ nghệ thực phẩm, nhà máy đường Hiệp-Hòa đã tăng mức sản xuất đến 20.000 tấn mỗi năm (10.000 tấn đường cát và 10.000 tấn đường bôi nhập cảng để lọc thành đường trắng) ; dự án nhà máy đường Quảng Ngãi đang được thực hiện ; hai nhà máy mới đang xây cất để sản xuất dầu cám, glucose và bột amidon ; ba dự án mới về việc sản xuất sữa đặc đang thực hiện.

Sau hết, hãng Esso — Shell đang chuẩn bị xây cất nhà máy lọc dầu ở Nha-Trang ; các ngành sản xuất đồ nhựa dụng (dược phẩm, đồ kim khí, phụ tùng xe đạp, quạt máy, v.v. ...) vẫn tiếp tục phát triển mau lẹ. Tháng rồi đã khánh thành một nhà máy làm bình điện cho xe tự động, chẳng những đủ cung cấp cho nhu cầu trong xứ mà còn xuất cảng nữa.

Bổ túc cho đại kỹ nghệ, tiểu công nghệ luôn luôn được Chánh phủ trợ giúp, tiếp tục mở rộng hoạt động và sản xuất là trong những ngành : đồ gốm, sơn mài, đồi mồi, đồ sành, đồ tre và mây, v. v. ...

Một xưởng làm thí điểm cho tiểu công nghệ ở Huế, 2 xưởng đồ gốm ở Phú-Mỹ và Huế giúp các nhà tiểu công nghệ cải tiến kỹ thuật và sử dụng nguyên liệu trong xứ, trong lúc các cơ quan chuyên môn lo kiểm thị trường mới.

Công cuộc kỹ nghệ hóa được tiến triển nhờ sự gia tăng các nguồn năng lực.

Mỏ than Nông-sơn sản xuất mỗi tháng lên tới 10.000 tấn, một phần do Công-ty Thủy điện tiêu thụ, một phần bán cho các tư gia, các lò gạch, ngói, thủy tinh v. v... Trung tâm kỹ nghệ An Hòa tiếp tục công cuộc trang bị hầu sử dụng tất cả số than sản xuất ở Nông sơn và sản xuất phân hóa học trong năm 1966.

Về khoáng chất, ta khai thác cát trắng và sản xuất muối và vẫn tiến hành việc tìm kiếm than, chì, quặng sắt ở Quảng-Ngãi.

Năm nay, Trung-tâm thủy-diện Danhim hoàn thành việc xây cất đập, hầm dẫn nước, nhà máy điện Krong Pha ; tất cả những đường dây dẫn điện đã đặt xong, và cuối năm nay điện sẽ về tới nhà máy biến điện Thủ-Đức.

Sau hết, nhà máy xi-măng Hà-Tiên sẽ khởi sự hoạt động vào tháng 11 năm 1963, và nhà máy xay Thủ-Đức sẽ chạy vào cuối năm nay.

3. Trang bị công cộng.

Trên lãnh vực trang bị công cộng những công tác chính yếu đã được xúc tiến, nhằm canh tân và phát triển liên tục các hệ thống lưu thông và giao thông ; mặt khác, những công tác có liên quan đến việc thực hiện quốc sách Ấp Chiến lược được chú trọng đặc biệt

Giao thông bằng đường bộ được cải tiến ; Quốc lộ số 1, 13 và 14 đã canh tân ; kiểu lộ bị phá hoại đã được sửa chữa lại. Về chương trình khẩn cấp kiến thiết hạ tầng kiến trúc, đã đáp

xong 680 cây số đường, trong số đó 520 cây số đã trải đá. Mặt khác, để dùng vào việc hành quân tiếp ứng các Ấp Chiến lược, Công binh đã sửa lại 250 cây số đường và đã thực hiện 380 cây số đường dùng hành quân.

13 phi trường mới hạng G và 18 hạng H đã được thiết lập hoặc tu bổ trong số ấy, 6 phi trường hạng G và 17 hạng H do Công binh làm. Ngoài ra, 7 phi trường lớn đã được trang bị thêm với vật liệu và dụng cụ tối tân.

Sự lưu thông bằng thiết lộ vẫn tiếp tục điều hòa, mặc dầu có sự phá hoại của Cộng-sản. Hệ thống chuyên chở công cộng tại Đô Thành cũng đã được nói rộng đến các vùng phụ cận tuy việc quản trị cần phải cải thiện.

Trong năm nay, việc tiếp tế nước uống cho đồng bào cũng xúc tiến mạnh mẽ ; ở các tỉnh, hệ thống phân phối nước được khuếch trương và tại Thủ Đức, đã có 5 cây số ống dẫn nước mới được đặt xong, trong khi chờ đợi chương trình dẫn nước sông Đồng Nai hoàn tất.

Ngoài hệ thống thủy điện Danhim sắp hoàn thành và sẽ được khai thác năm tới, nhiều hệ thống phát điện ở các tỉnh cũng được thiết lập thêm hoặc được nói rộng.

Phục vụ chương trình quốc sách Ấp Chiến lược, nhiều đường sá đã được trùng tu hoặc thiết lập, nhiều giếng nước được đào thêm và kinh ngòi được khai thông, như những kinh đã đào ở vùng Đồng Tháp và ở lưu vực hai sông Vàm Cỏ, nhờ đó nhiều Ấp Chiến lược được thành lập tại vùng này. Ngoài ra, 230 bưu trạm đã đặt thêm trong các thôn ấp. Trong năm tới, mỗi Ấp Chiến lược sẽ có một bưu trạm.

Nhiều công tác quan trọng khác đã được thực hiện trong kế hoạch chỉnh trang lãnh thổ kiến thiết quốc gia và thiết kế đô thị, như xây cất cơ sở tỉnh lỵ cho các tỉnh mới thiết lập, trụ sở hành chánh cho các Quận, chỉnh đốn những vùng châu thành và những khu bị hỏa hoạn, nói rộng các trục giao thông tại Thủ Đức.

Để cải thiện gia cư cho giới bình dân, những khu đông đúc hoặc thiếu hẳn điều kiện vệ sinh đã được giải tỏa và thay thế bằng những cư xá mới có đầy đủ tiện nghi.

Nhờ vậy mà một số đông công nhân và tiểu công chức cũng như hàng ngàn nạn nhân hỏa hoạn đều được giúp cất nhà trong những địa điểm rộng rãi. Kỹ thuật chế tạo các vật liệu mới để dùng trong việc dựng nhà tiền chế cũng đã tiến bộ nhiều.

Ở địa hạt công chánh, nhiều công trình mới đã khởi sự thi hành hoặc đã được dự trù trong năm tới, như xây cất 7 chiếc cầu lớn dài tổng cộng 1-400 thước trên quốc lộ số 1 ; xây cất và trang bị một giang cảng tại Chợ Lớn để mở rộng hệ thống thủy vận trong vùng.

B. PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH XÃ HỘI.

Chánh phủ vẫn tiếp tục theo đuổi công cuộc cải tiến đời sống xã hội của mọi tầng lớp dân chúng.

1.— Quốc Gia Giáo Dục

Năm nay, Bộ Quốc gia Giáo dục được cấp ngân khoản 1.342.392.000 đồng (tức là tăng thêm 150/o so với năm 1962).

Nhờ ngân khoản quan trọng này, các ngành và các cấp giáo dục được tiến triển mạnh.

Ở cấp Đại học, số sinh viên lên đến 17.345, so với năm rồi đã tăng 170/o. Chương trình xây cất trường sở mới đã được thực hiện đúng hạn định : xây cất đợt hai Trường Đại học Y khoa Huế và đợt một Trung tâm Y khoa Saigon, hai Trường Đại học Sư phạm Huế và Saigon. Việc dời Viện Đại học Saigon lên Thủ-Đức đã bắt đầu. Nhiều ngành Đại học mới sẽ được mở thêm cho khóa tới, nhất là tại các trường Đại học ở Huế.

Bậc Trung học công lập có 98.749 học sinh (tăng 15% so với năm 1962). Có 20 trường trung học hoặc lớp bổ túc đã mở thêm, và hiện nay có tất cả 121 trường với 1.828 lớp học.

Số học sinh cấp tiểu học công lập lên đến 1.174.020 (tăng thêm 70/o so với năm rồi). Ở cấp này có 21.998 lớp học (trong đó có 1.181 lớp mới mở năm nay) với 20.679 giáo viên.

Năm nay, chương trình riêng biệt dự định tuyển dụng 880 giáo viên và xây cất 1320 lớp học cho các Ấp Chiến lược đang được thực hiện.

Ngành giáo dục kỹ thuật cũng luôn luôn tiến triển, với 6.305 học sinh (tăng 270/o so với năm rồi). Các trường kỹ thuật và chuyên nghiệp được trang bị đầy đủ và cải tiến không ngừng. Năm nay, 2 trường trung học kỹ thuật mới sẽ được xây cất tại Quảng-Trị và An-giang đồng thời trường chuyên nghiệp đệ nhị cấp Bách công ở Phú-Thọ cũng sẽ khánh trương!

Ngoài ra, nhằm mục đích phổ biến ngành giáo dục nông lâm mục, các trường Canh nông thực hành tại Cần Thơ, Huế sẽ biến cải thành trường Trung học đệ nhất cấp Nông Lâm Súc, ban Trung học trường Quốc gia Nông lâm mục Bảo Lộc sẽ đổi thành trường Trung học đệ nhị cấp Nông Lâm Súc và Ban Cao-đẳng trường này sẽ thành trường Cao-đẳng Nông Lâm Súc đào tạo các kỹ sư nông-khoa, lâm-khoa hoặc súc-khoa.

Ngành giáo dục cộng đồng cũng đã tiến triển vượt bậc, với số 42.577 học sinh, tức là tăng lên 1280/o so với năm trước. Ngoài 75 trường hiện có, một ngày gần đây, sẽ lập thêm 22 trường khác nguyên là trường tiểu học biến cải thành trường cộng-đồng.

Sau hết, để bổ túc cho các trường công, ngành giáo dục tư thực hiện có 416.809 học sinh (sánh với 411.873 học sinh trong niên khóa trước).

Ngành giáo dục quốc gia chẳng những phát triển về lượng mà còn cải tiến về phẩm nữa. Nhiều biện pháp thích nghi đã được thi hành để nâng cao trình độ học vấn và cải thiện việc đào tạo giáo chức: như cải tổ chương trình đại học y khoa, chương trình giáo dục sư phạm và chương trình thi tú tài; sửa đổi chương trình dạy sinh ngữ; thành lập trung tâm đào tạo giáo sư trung học đệ nhất cấp, giáo sư kỹ thuật, và trung tâm tu nghiệp giáo viên.

Ngoài ra, chương trình giáo khoa từ cấp tiểu học đến cấp đại học cũng được cải tổ sâu rộng, đồng thời các phương pháp giáo dục cùng phương pháp tổ chức học đường cũng được luôn luôn xét lại để cho việc đào tạo giáo chức và sự học tập của học sinh hoàn toàn thích ứng với đường lối Cách mạng Quốc Gia và thực hiện sự phát triển toàn diện nhân vị.

Trong lãnh vực khảo cứu, năm 1963, Nguyên-tử-lực Cuộc đã bắt đầu thu lượm thành quả của 5 năm cố gắng. Ngày 26-2-1963, lò Nguyên-tử VNR-1 bắt đầu chạy và các phòng thí nghiệm cũng tích cực hoạt động nghiên cứu. Sau khi hoàn thành Trung tâm nghiên cứu Đà-lạt, Nguyên-tử-lực Cuộc đang cứu xét chương trình thiết lập một viện Khảo-cứu Vật-lý Nguyên-tử.

2.— Y-Tế

Ngành Y-tế phát triển đều đặn trong mọi lãnh vực. Về mặt trang bị, hiện có 21.053 giường cho bệnh nhân tại 7.751 cơ sở điều trị. Một số bệnh viện tỉnh đang được chỉnh bị để trở thành những trung tâm Y-tế toàn khoa liên Tỉnh.

27 khu giải phẫu đã được xây cất và trang bị đầy đủ tại các bệnh viện Tỉnh và một số đã hoạt động với sự cộng tác của các đoàn viên các nước bạn. Trong nhiều tỉnh, các cơ sở Y-tế đều có phòng thí nghiệm và phòng quang tuyến, giúp ích rất nhiều cho việc định bệnh và điều trị.

Bộ Y-tế hiện đang nghiên cứu cho các bệnh viện Đô-thành và các tỉnh một quy chế tự trị rộng rãi để dân chúng có thể tham gia vào việc quản trị.

Ngoài ra, Chánh-phủ còn khuyến khích tư nhân hoạt động về y-tế xã hội để thúc đẩy việc tổ chức an ninh xã hội. Về y-tế phòng ngừa, các chương trình diệt trừ sốt rét, bảo trợ Mẫu nhi, bài lao, bài cùi, chích ngừa cho quần chúng, đã đem lại kết quả khả quan.

Theo đà phát triển các Ấp Chiến lược, ngành Y-tế hương thôn cũng đang tiến mạnh: áp dụng kế hoạch « vết dầu loang », năm nay Chánh-phủ hoặc đã cất hoặc trang bị 135 Bệnh xá Hộ-sinh tại các quận và 4.503 trạm y-tế tại các Xã và Ấp Chiến lược. Hiện đang cố gắng trừ cho mỗi ấp một trạm y-tế do nhân-viên đã được huấn luyện điều khiển.

Về phương diện chuyên môn, một số đông cán bộ Y-tế và Vệ sinh đã đưa về các xã để săn sóc bệnh nhân, chỉ dẫn cho dân chúng về cách phòng ngừa bệnh tật và phương pháp vệ sinh. Việc đào tạo những cán bộ này được xúc tiến cấp tốc tại trung tâm Gia-Định.

Ngoài ra, nhân viên Y-tế các cấp đều được cử đi dự các khóa huấn luyện tu nghiệp các khóa hội thảo tổ chức trong nước hoặc đi du học ngoại quốc với học bổng nếu là những chuyên viên đã tốt nghiệp.

3. Hoạt - động Xã - hội.

Để bổ túc những hoạt động về Y-tế, một chương trình xã hội rộng lớn nhằm thiết lập hay khuếch trương những tổ chức cứu trợ để cải tiến đời sống của các tầng lớp cần lao, bảo trợ phụ nữ nhi đồng và giúp đỡ những người cơ cực và nạn nhân các thiên tai.

Tại các trú khu bình dân đông đúc, các thị trấn, Chánh-phủ đã thiết lập nhiều cơ sở xã hội như: quán cơm bình dân cung cấp mỗi bữa ăn với giá 5\$; ký nhi viện, phòng phát thuốc, phòng thăm thai. Trong toàn quốc đã có 63 cô nhi viện và 1 trại giáo hóa.

Những vị thành niên phạm pháp, tại đây, được học chữ và học nghề để rồi ra có đủ điều kiện trở lại đời sống bình thường. Ở nhiều tỉnh có mở thêm nhà dưỡng lão và an dưỡng đường cho người già, người tật nguyền và người bần cùng không nơi nương tựa. Nạn nhân các tai ương (bão lụt, hỏa hoạn, hạn hán v. v. .) đều được nhiều cơ quan cứu tế giúp đỡ. Một việc đáng chú ý là công cuộc giúp đỡ đồng bào Thượng vùng Cao-Nguyên, mà hơn phân nửa đã di cư đến những địa điểm an ninh. Những đồng bào này cần được săn sóc để họ chóng được mức sống trung bình trong xứ.

Để chống nạn mù chữ, có tổ chức 349 lớp học Bình dân. Số học sinh Thượng trong phạm vi chương trình chánh thức, hiện là: 10.255 học sinh tại 139 trường sơ học, 8.867 tại 56 trường tiểu học, 635 tại các trường trung học và một số thanh niên tại các trường Đại Học.

Nhiều lớp huấn luyện đã được tổ chức để dạy nghề cho đồng bào Thượng có sinh kế nhất là về thủ công nghệ. Đồng bào còn được chỉ dẫn về phương pháp trồng tía và được viện trợ nông cụ, hạt giống, v. v. .

Về Y-tế, tại các Ấp Chiến lược của đồng bào Thượng, đã có 362 trạm y-tế, 92 nhà hộ sinh và 7 bệnh xá, có 24 đoàn y-tế lưu động đến thăm thường xuyên.

Công cuộc giúp đỡ đồng bào Thượng nằm trong chánh sách « đồng tiến xã hội » của Chánh-phủ.

4. Lao - Động

Cũng theo chánh sách « Đồng Tiến », tình trạng đồng bào cần lao đã được cải thiện rõ rệt.

Hiện nay, ở Việt-Nam đã có tới 489 nghiệp đoàn công nhân và 102 nghiệp đoàn chủ nhân. Cán bộ nghiệp đoàn tiến lần tới mức trưởng thành và đã ý thức được trách nhiệm, nhất là nhờ các lớp tu nghiệp tổ chức tại quốc nội hay tại nước ngoài dưới sự bảo trợ của Tổ - chức Lao-động Quốc-tế và viện trợ của các nước bạn.

Về phương diện tương quan giữa chủ và thợ, ngoài các cộng đồng hiệp ước đã có, vừa đây Cộng-đồng Hiệp-ước Ngân hàng đã được ký kết tháng 12 năm 1962 và bản Tu-chính Cộng-đồng Hiệp-ước Cao-su ký hồi tháng 3 năm 1963.

Hiện nay, đương thảo luận về một số khế ước xí nghiệp và hiệp ước khác nữa liên quan tới các Doanh nghiệp dầu lửa, Công ty Thủy điện, các nhà Hàng và khách sạn. Nhờ sự thi hành sắc lệnh ngày 25 tháng 9 năm 1962, tổng số đại biểu công nhân trong các xí nghiệp đã gia tăng gấp đôi.

Lương bổng tại phần lớn các ngành hoạt động, trong thực tế, vẫn được trả cao hơn mức lương tối thiểu do Ủy ban Tư vấn Lao động Quốc-gia vừa duyệt lại. Hầu hết công nhân xí nghiệp thuộc các khu vực kỹ nghệ, ngân hàng, thương mại và các đồn điền đều được tăng lương từ 5 đến 12% trong đó chính những thợ thuyền ít lương đã được tăng nhiều hơn hết.

Như vậy, mức sinh hoạt của công nhân đã theo kịp sự gia tăng vật giá mà ảnh hưởng do các giới hữu sản chịu nhiều hơn các giới cần lao dù là nông dân hay thợ thuyền. Lợi tức quốc gia được phân phối công bằng hơn và đó là theo đúng chủ trương Cộng-đồng Đồng-tiến.

Mặt khác, nhiều tiến bộ liên tục đã được thực hiện trên địa hạt an ninh xã hội: phụ cấp gia đình, phụ cấp thai sản, bồi thường tai nạn lao động và dịch vụ y tế lao động tăng đều. Ủy ban Tư vấn Lao động Quốc gia, Hội đồng Kinh tế Quốc-gia và Ủy ban Xã hội Y-tế Lao-động tại Quốc-Hội đã thảo luận một số dự án luật lệ về an ninh xã hội, như bắt buộc bảo hiểm tai nạn lao-động, bồi thường cho thợ thuyền mắc bệnh vì nghề nghiệp, thống nhất giá biểu phụ cấp gia đình, nới rộng quyền hưởng trợ cấp thôi việc cho vợ con công nhân mệnh một.

Chắc hẳn trong pháp nhiệm này, nếu không phải là toàn thể thì cũng một phần các dự án trên sẽ do Quốc-hội thảo luận.

Trong khuôn khổ Kế-hoạch ngũ niên thứ II, nhiều cuộc điều tra nhân công đã tiến hành hướng về vấn đề khiếm dụng, ngỗ hầu tiến tới việc phân phối hợp lý các nguồn nhân lực.

Sự phát triển kỹ nghệ đã nâng cao tỷ lệ gia tăng đồng niên về công ăn việc làm. Nhưng hơn hết thấy, hệ thống Ấp Chiến lược, một khi được củng cố, sẽ cung cấp cho giới cần lao nhiều cơ hội hoạt động mới, do đó sự thăng tiến xã hội sẽ mau lẹ hơn.

Như tôi đã đề cập tới, Quốc-sách Ấp Chiến Lược sẽ ảnh hưởng tới các xí nghiệp kỹ nghệ và thương mại cũng như tới các khu vực khác. Các nhà hữu trách trong Hiệp Hội chủ nhân cũng như trong các Tổng Liên Đoàn Công nhân đã tiếp xúc mật thiết với nhau để ấn định những điều kiện thuận lợi nhất trong việc thí nghiệm thành lập một số « xí nghiệp chiến lược dẫn đạo » kể từ cuối năm nay.

Chánh-Phủ vẫn chủ trương cung cấp cho công nhân một tư hữu gia đình cơ bản; vài đồn điền cao su lớn đã hưởng ứng bằng cách, từ trong năm nay, cấp cho một số thợ thuyền xứng đáng mà nghiệp đoàn đồng ý lựa chọn, mỗi gia đình 2 mẫu đất và giúp đỡ họ khai phá trồng cây cao su.



PHẦN III

HOẠT ĐỘNG TRÊN TRƯỜNG QUỐC - TẾ

Trong 9 năm qua, từ địa vị một quốc-gia ít được thế giới biết đến, gặp nhiều trở ngại trong việc đối nội cũng như đối ngoại, lại bị Hiệp ước Genève 1954 chia đôi, nước Việt-Nam đã lần hồi tiến lên ngang hàng với các quốc-gia đầy đủ chủ quyền nội bộ và đang củng cố địa vị trên trường quốc-tế.

1— VIỆC BANG GIAO VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT-NAM

Ngày nay, trên trường quốc tế Việt-Nam Cộng-Hòa đã thiết lập liên hệ ngoại giao với 80 Quốc-Gia, nghĩa là gần hết các nước không Cộng-sản. Với phương tiện eo hẹp của ta, Việt-Nam Cộng-Hòa đã đặt thêm cơ sở ngoại giao hay lãnh sự tại 30 quốc gia và có đại diện tại trên 45 nước.

Chính sách đối ngoại của Việt-Nam, cương quyết và độc lập, đã gây được thiện cảm chẳng những của các nước chống Cộng mà luôn cả các nước trung lập trong khối Á-Phi. Việt-Nam đã cương quyết ủng hộ các phong trào giải phóng dân tộc, các cuộc khởi nghĩa của những dân tộc bị Cộng-sản áp bức hoặc các cuộc chiến tranh chống xâm lăng Cộng-sản.

Ngoài ra, mặc dù chưa thành hội viên của Liên-Hiệp-Quốc, Việt-Nam cũng không xao lãng bổn phận một nước độc lập. Hàng năm, Việt-Nam đã tham gia gần trăm hội nghị quốc tế, trong đó nhiều khi đại biểu Việt-Nam đã giữ một vai trò quan trọng, tỷ như tại Hội-nghị Liên-Hiệp-Quốc-Tế Nghị-sĩ. Nước ta cũng đã tham gia sinh hoạt của nhiều tổ chức Quốc-tế thuộc hay không thuộc Liên-Hiệp-Quốc.

TUY nhiên, trên trường Quốc-tế, Việt-Nam không tránh khỏi ảnh hưởng của tình trạng căng thẳng do Cộng-sản Quốc-tế gây nên để thường xuyên đe dọa hòa bình thế giới.

Hiệp ước đình chỉ thí nghiệm nguyên tử vừa ký kết tại Mạc-Tư-Khoa có thể làm cho tình thế êm dịu phần nào nhưng không thể làm cho ta quên rằng Cộng-sản Quốc-tế dù là Nga-sô hay Trung-cộng luôn luôn theo đuổi mục đích bất di dịch là thôn tính thế giới. Riêng Trung-Hoa đỏ, mặc dù bất hòa với Nga-sô, chỉ chờ cơ hội có sự chia rẽ trong khối tự do để đẩy mạnh chánh sách xâm lăng và bành trướng tại Á-Châu.

Trung-Cộng đã tấn công Ấn-độ và vẫn hăm dọa tái chiến với xứ này. Chúng lại dùng lực lượng Cộng-sản Bắc-Việt xuyên qua nước láng giềng để tăng gia phá hoại Việt-Nam Cộng-Hòa.

Việt-Nam đã phải chịu hai hậu quả của tình trạng đó : một là ta đã phải tạm đóng cửa Tòa Đại-sứ Việt-Nam tại Vientiane sau khi Chánh-phủ Lào tuyên bố trong tháng 11 năm 1962 thiết lập bang giao với Bắc-Việt Cộng-sản ; hai là Cao-Miên đơn phương đoạn giao với Việt-Nam.

Quyết định sau này là do đường lối của Chính phủ Cao-Miên thân thiện với khối Cộng sản và chủ trương biến Việt-Nam thành xứ trung lập. Sau khi thất bại trong âm mưu triệu tập một Hội-nghị Genève khác để trung lập hóa Việt-Nam, Chánh-phủ Cao-Miên công khai tìm cách khuynh đảo Chánh-phủ Việt-Nam, hi vọng sẽ có một Chánh-Phủ mới sẵn sàng theo chánh sách trung lập. Song chúng ta vẫn tiếp tục cương quyết bảo vệ quyền lợi Quốc-Gia cũng như quyền lợi của đồng bào đang sinh sống tại Cao-Miên.

Hiện thời, việc đáng tiếc là một số quốc gia bị đầu độc bởi những tin thất thiệt về tình hình Việt-Nam, nhất là về vụ gọi là « Vụ Phật Giáo », muốn phá vỡ tình đoàn kết của khối Á-Phi, nên những quốc gia đó đã yêu cầu ghi vào chương trình nghị sự của Đại Hội-Đồng Liên-Hiệp-Quốc một vấn đề đã được giải quyết. Chánh-phủ ta đã gửi đi Nữu-Uớc 1 phái đoàn, do Giáo-Sư Bửu-Hội cầm đầu để bênh vực lập trường của Việt-Nam và giải thích cho Đại Hội Đồng rõ.



MẶC dù gặp ít nhiều khó khăn trong 12 tháng qua, tình thân hữu và tinh thần hợp tác giữa ta và các nước bạn càng ngày càng siết chặt, chính vì các nước ấy đã thấy rõ thành quả tốt đẹp của Quốc sách Ấp Chiến lược, một phương thức khả dĩ giải quyết được tình trạng của các nước chậm tiến.

Mới đây, chúng ta đã chào mừng Liên Bang Đại Mã Lai, cùng chung một lý tưởng với chúng ta và đã giúp đỡ ta trong cuộc chiến đấu với kẻ thù chung. Chúng ta thành thật cầu chúc cho nước bạn giải quyết được các khó khăn hiện tại bằng đường lối hòa bình.

1 — NGOẠI VIỆN

a) — Viện trợ Kỹ - thuật.

Cũng như các năm qua, Việt-Nam tiếp tục được nhiều nước viện trợ kỹ thuật.

Liên-Hiệp-Quốc cung cấp chuyên viên, giúp về việc sưu tầm, nghiên cứu lợi ích cho sự phát triển các ngành.

Về Kế-hoạch Colombo, trong niên khóa 1962 - 1963, Úc, Nhật, Tân Tây Lan, Anh, Gia Nã Đại đã cử qua Việt-Nam những chuyên viên về các ngành. Riêng Gia Nã Đại đã tặng chúng ta một số lượng bột mì, còn Úc và Anh thì tặng nông cụ và dụng cụ thí nghiệm cho các Đại Học Đường.

Pháp viện trợ cho ta về văn hóa, bằng dịch vụ của chuyên viên, học bổng cho sinh viên và tổ chức tu nghiệp cho công chức.

Cộng-Hòa Liên Bang Đức tiếp tục viện trợ về chuyên viên, dụng cụ trang bị và học bổng du học.

Chánh-Phủ ta bao giờ cũng đặc biệt lưu tâm đến việc gửi thanh niên xuất dương học tập, nhờ sự giúp đỡ của các nước bạn. Trong niên khóa 1962 - 1963, 575 sinh viên có học bổng và 383 sinh viên không học bổng được phép xuất dương : tổng số là 958 sinh viên, trong đó 463 theo ngành giáo dục, 127 theo ngành y-tế và xã hội.

b) — Viện trợ Tài chánh.

Trong phạm vi viện trợ tài chánh để khuếch trương kinh tế, nhiều quốc gia và tổ chức tín-dụng quốc tế đã tham gia thực hiện nhiều dự án :

Nước Pháp đã tài trợ theo lối bảo hiểm tín-dụng các kinh phí xây dựng nhà máy xi-măng Hà-Tiên và dành một ngân khoản 70 triệu quan mới cho khu kỹ nghệ An-Hòa — Nông-Sơn. Nhiều dự án khác đòi hỏi một ngân khoản 100 triệu quan mới cũng đang được nghiên cứu.

Chánh-Phủ Tây-Đức cho vay 50 triệu Đức-mã để bổ túc cho các ngân khoản cần thiết trong việc xây dựng hệ thống An-Hòa — Nông-Sơn.

Anh quốc đã cho vay 500.000 Anh kim để mua máy xáng.

Quỹ Quốc-tế tín dụng Khuếch-trương Hoa-Kỳ đã cho vay 9 triệu 7 Mỹ-Kim cho Hòa xa, 17 triệu 5 Mỹ-kim cho Saigon Thủy Cuộc và 12 triệu 7 Mỹ-kim cho nhà máy Nhiệt Điện Thủ-Đức.

Hiện nay cuộc thương thuyết đương tiến hành với Hiệp Hội Quốc-Tế Khuếch Trương Kinh-Tế để vay 15 triệu Mỹ-Kim lập khu Đại học Thủ-Đức.

c) — Viện trợ cho các Ấp Chiến lược.

Nhận rõ tầm quan trọng đặc biệt của Ấp Chiến-lược, nhiều nước bạn đã gia tăng viện trợ để thực hiện Quốc sách ấy.

Úc Đại Lợi đã dành 250.000 Úc-kim để mua nhiều dụng cụ và vật liệu (dây kềm gai, nông cụ, tồn, phân bón). Ngân khoản đó nằm trong khuôn khổ một chương trình viện trợ rộng rãi để trang bị đầy đủ cho nông dân.

Tây Đức dành cho ta một trái khoán 15 triệu Đức-kim để nhập cảng hàng hóa. Số đổi giá của trái khoán này sẽ được đem dùng vào công việc phát triển kinh tế Ấp Chiến lược.

Nhưng chính nước Hoa Kỳ đã đem lại cho chúng ta một sự viện trợ rất dồi dào để thực hiện chương trình : trong năm nay, tổng số viện trợ ấy lên đến 35 triệu Mỹ kim về thặng dư canh nông, đó là không kể viện trợ kỹ thuật và viện trợ, trực tiếp về dụng cụ.

PHẦN THỨ TƯ

VIỆN TRỢ MỸ VÀ NGÂN SÁCH QUỐC GIA 1964

I.— VIỆN TRỢ MỸ

Ngoài chương trình viện trợ quân sự hữu hiệu, việc sử dụng viện trợ Mỹ năm nay, dành phần quan trọng vào việc nâng cao mức sống của đồng bào nông thôn.

Trong ngân khoản gồm 2 tỷ 300 triệu bạc, 85% được dùng để thực hiện những chương trình nhằm mục tiêu hoàn thành, củng cố và tăng cường hạ tầng cơ sở kinh tế thôn quê ; sản xuất nông nghiệp, dẫn thủy nhập điện, nông tín, ngư nghiệp, giáo dục và y tế hượng thôn.

Chúng ta tri ân Chánh-Phủ và nhân dân Huê-Kỳ về sự viện trợ lớn lao về vật chất, và chúng ta cảm kích nghiên mình trước sự hy sinh của bao nhiêu công dân Mỹ đã hòa máu đào với chiến sĩ của chúng ta trong cuộc chiến đấu chung.

I.— NGÂN SÁCH QUỐC GIA NĂM 1964

Dự án Ngân-sách Quốc-gia 1964, sắp được đưa ra Quốc-Hội thảo luận, gồm một phần là các khoản chi cần thiết cho việc điều hành các cơ quan công quyền và phần khác là các khoản trợ cấp cho các ngân sách Tỉnh.

Dự án Ngân sách khuếch trương kinh tế soạn thảo cho các kế hoạch kỹ nghệ dài hạn kế tiếp sẽ đưa ra thảo luận tại Quốc-Hội sau. Còn Ngân sách đặc biệt về an ninh sẽ được thành lập và ban hành theo thể thức đã ấn định trong đạo luật ngày 25-11-1961 trao đặc quyền cho Tổng Thống trong khuôn khổ tình trạng khẩn trương.

Tổng số ngân khoản dự chi của 3 Ngân sách trên về tài khóa 1964, lên tới 28 tỷ 500 triệu đồng, nghĩa là tăng thêm 50% so với năm 1963. Riêng nhu cầu quốc phòng thì trong Ngân sách an ninh đã chiếm hơn 52% tổng số đó.

Số dự thu về tài khóa sắp tới ước chừng 19 tỷ đồng đối với 22 tỷ 500 triệu đồng của tài khóa 1963. Số giảm thu này hầu hết do sự giảm bớt các khoản dự trừ của quỹ đối giá.

Trái lại, riêng số dự thu do tài nguyên Quốc-Gia sẽ tăng thêm 332 triệu đồng, Nghĩa là thêm 30% so với tài khóa 1963.

Vì những lý do kể trên, ngân sách quốc gia tài khóa 1964 thiếu hụt hơn ngân sách tài khóa 1963 nhiều; tổng số sẽ thiếu hụt lên tới 9 tỷ 500 triệu đồng, trong đó 7 tỷ sẽ dành để quân binh ngân sách Quân đội. Số đó kể là cao nhưng nó biểu lộ rõ rệt những hy sinh lớn lao của toàn dân trong cuộc tranh đấu sống còn của chúng ta trên 3 mặt trận.

Khi đưa qua Quốc-Hội thảo luận dự án ngân sách tài khóa 1964, Chánh Phủ sẽ phân tách đầy đủ tỷ lệ ngân khoản dùng vào việc điều hành, tu bổ và trang bị.

3 — NHÌN VỀ TƯƠNG LAI

Trong cuộc đấu tranh tiến tới đời sống mới, giữa mọi trở ngại của một cuộc chiến tranh phá hoại và những đòi hỏi của một cuộc cách mạng kỹ nghệ, chúng ta phải nhận rằng phần đông cán bộ, trong khu vực công cũng như khu vực tư, nhất là ở các cấp điều khiển, chưa ý thức được toàn diện tầm quan trọng lịch sử, mà cũng chưa chịu nhận những cố gắng hy sinh cần thiết về các phương diện vật chất, đạo đức và trí tuệ.

Chúng ta chỉ có thể chiến thắng Cộng-sản và vượt khỏi chậm tiến nếu chúng ta ý thức được rõ ràng những thực trạng của xứ sở, nếu biết hy sinh những quyền lợi riêng tư dù cao quý đến mức nào chẳng nữa, nếu có óc sáng tạo thích ứng với một tình thế biến chuyển mau lẹ, nếu tự ý chấp nhận một kỷ luật để cứu quốc.

Bởi vậy phong trào học tập và thảo luận tự do cũng như phong trào xét lại tất cả các quy chế và nhân sự, phải tiếp tục mạnh mẽ, từ gốc đến ngọn, từ thôn ấp đến thị thành.

Do vị trí địa dư xung yếu, nơi giao điểm của các ngã đường xâm lăng, do vị trí lịch sử đang từ một xã hội cổ truyền bước sang một xã hội kỹ nghệ, nước Việt-Nam phải thực hiện một cuộc cách mạng sâu rộng ở mọi phạm vi để bảo vệ độc lập và để xây dựng chắc chắn tương lai của một dân tộc tự do và thịnh vượng.

Với cao trào nhân dân trong các Ấp Chiến Lược, pháp nhiệm thứ ba ở trong giai đoạn lịch sử cải tạo sâu rộng các tổ chức thượng tầng cơ cấu Quốc-gia.

Thưa Ông Niên Trưởng,

Thưa quý Vị Dân-biêu,

Tôi muốn lưu ý quý Vị đến vai trò vừa tế nhị vừa trọng yếu của quý Vị giữa tình thế chiến tranh và cuộc cách mạng quyết tiến đương đưa toàn dân tới một đời sống mới tự do hơn, công bằng hơn, thịnh vượng hơn, nhân ái hơn.

Đó là định mệnh của dân tộc ta. Bình tĩnh, sáng suốt, kiên quyết với óc sáng tạo, chúng ta hãy đưa cao tâm hồn cho tương xứng với định mệnh ấy.

Chúng ta hãy xứng đáng với tiền nhân, với các vị anh hùng đã hy sinh xương máu để sớm đem lại cho ta một ngày mai tươi sáng. Sau hết, là người Việt-Nam, chúng ta hãy giữ lấy bản chất Việt-Nam.

Xin ơn trên phù hộ chúng ta.

Biên bản

(tiếp theo trang 9)

Có thể biên-bản chỉ là để ghi chép những điều người lập nghe thấy (biên bản hỏi cung, biên bản đối chất), thì phần chính sẽ gồm có lời văn đáp giữa người lập biên bản và người cung khai (bị can, nguyên trình, hoặc người chứng) ..

Điều nên nhấn mạnh là trong phần chính yếu này, ngoài những điểm ứng đáp vào mục đích của biên bản vừa lược kê trên đây, người lập biên bản còn phải ghi tất cả những thể thức mà luật-pháp đòi hỏi, bởi vì đối với pháp-lý hệ thể thức nào không thấy ghi trong biên bản thì thể thức ấy sẽ bị coi như bỏ quên (toute formalité dont l'accomplissement ne résulte pas du procès verbal lui-même est réputée omise). Thí dụ một vụ xét nhà. Luật pháp đòi hỏi gì? đòi hỏi người viên chức phải xưng chức-vụ, phải cho biết lý do, đòi hỏi phải có sự ưng thuận của gia chủ, đòi hỏi phải có chủ nhà chứng kiến cuộc khám xét... Vậy thì trong phần chính biên bản xét nhà, ta phải ghi luôn cả những sự kiện ấy, ta đã xưng tính danh và chức-vụ, đã giải thích cho chủ nhà lý do (tỉ như có lệnh của Tòa, có người thỉnh cầu...), chủ nhà đã ưng thuận cho khám xét và đã mục kích việc khám xét... rồi ta sẽ ghi tới cách thức và kết quả việc chúng ta làm (tức việc xét nhà). Nếu ta quên không ghi một thể thức nào, thì thể thức ấy sẽ coi như ta không có làm, và vì đó biên bản có thể trở nên vô hiệu.

Ngược lại, cũng nên chú ý đừng ghi những gì ngoại đầu đề, nhất là những thể thức tự mình bày đặt ra, hoặc luật pháp không cho phép. Hồi trước khi còn ở ngoài Bắc, chúng tôi có dịp được đọc một biên-bản bắt bạc. Bắt được một đám bạc to, con bạc hàng vài ba chục người vị Trưởng Ty Cảnh-Sát sở quan hăng say với công-tác bài trừ tư đồ tướng, cho khám xét rất kỹ lưỡng. Một biên bản rất dài được lập, tường thuật

tỉ mỉ cuộc khám xét, và đặc-biệt là ghi rõ ràng sau khi bắt về Ty, ông đã cho lần lượt kêu từng người vào phòng kín (vì trong sở con bạc có rất nhiều đàn bà!), và cho lục soát lại từ mái tóc đến cạp quần, gấu áo, kết quả bắt được nhiều món tiền giấu ở những chỗ « hiểm hóc » đó. Trong khi ấy, thì luật hiện hành ở địa phương lại chỉ cho phép tịch thu những số tiền và những dụng cụ « trăn thiết » trên chiếu bạc, thành ra tờ biên bản ông lập ra vô tình lại tố-cáo Ông Trưởng Ty vi-phạm luật pháp, và tự đó, có thể lại gở tội cho các con bạc, thay vì buộc cho họ nặng thêm. Đây phải chăng là một kiểu « lấy ông tôi ở bụi này »?

Tóm lại, phần chính biên bản sẽ tùy theo mục đích của biên bản, mà ghi các yếu tố của tội phạm và các tình tiết khả dĩ giảm tội, hay tăng tội, ghi hiện trạng của phạm trường hay của nạn nhân, ghi những vết tích, hoặc chi-tiết khả dĩ giúp cho việc truy-tầm can nhân .. và thêm vào đó là các thể thức mà luật buộc phải làm trong mỗi trường hợp khác nhau.

3— *Phần kết của biên bản* : Nói là một phần thì cũng hơi quá đáng. Kỳ thực, đây là một câu kết thúc trước khi ký tên. Biên bản có thể khởi sự và kết thúc vào những thời gian khác nhau. Ngoài ra, trước khi ký tên, biên bản lại cần phải được đọc lại phân minh cho mọi người liên hệ nghe rõ, nhận đúng đảng hoàng. Cho nên, câu kết thúc bằng một câu là kết thúc ngay giờ nào, và đã đọc lại cho mọi người sở quan nghe, nhận đúng và ký tên hay in tay.

Riêng về việc ký tên, chúng ta nên đề ý đến điểm này : chỉ có chữ ký tên của người đứng lập biên bản mới thật là cần thiết, biên bản không ký tên thì coi cũng như không có. Còn chữ ký (hay vết in tay) của người bị lập biên bản (người

can phạm, người chủ nhà, người chứng kiến), thì có càng hay, và không có cũng không hại gì. Một đôi khi các đương-sự, vì e ngại hoặc vì ngang bướng không chịu ký tên thì người đứng lập biên bản chỉ việc ghi sự kiện đó vào là đủ.

III.— HÌNH THỨC CỦA BIÊN-BẢN.

Nói đến hình thức là muốn nói cách trình bày, viết lách, sao cho tế chỉnh, rõ ràng. Trong các lãnh vực khác, có lẽ hình thức không cần hoặc có thể xem thường. Nhưng ở địa hạt luật pháp, hình thức lắm lúc ảnh hưởng tai hại đến nội dung, làm sai lạc sự phán đoán, cho nên rất là hệ trọng. Thí dụ : một chữ xoá bỏ, một tiếng bị sửa chữa, thì không biết là xoá bỏ, sửa chữa ngay lúc viết, có cả đôi ba bên thoả thuận hay là về sau một người nào tự ý xoá lén, sửa lén lại? Hai trường hợp ấy dĩ nhiên sẽ đi đôi với hai sự thật khác nhau!

1.— *Sự biên chép* : Biên bản càng viết tay được càng tốt, vì càng đáng tin cậy là đã được thảo tại chỗ, và thảo ngay tức khắc, chưa ai kịp có sự tính toán, thay đổi đôi trắng gì. Thâm ý của luật pháp là muốn người đứng lập biên bản tự tay mình thảo biên bản. Đó là cách đảm bảo tính cách chính xác của biên bản. Một người đệ tam mà viết hộ, thì sợ rằng, người này có khuynh hướng muốn viết, muốn dùng những tiếng, muốn đặt những câu theo ý riêng của mình, khiến biên bản mất vẻ trung thực, và khách quan. Tuy nhiên, cũng chưa có điều khoản luật lệ nào mệnh thị bắt buộc là biên bản phải do tự tay người lập thảo ra, và thực tế chúng ta thường thấy do người khác ngồi viết, hoặc lắm khi còn dự thảo trước rồi sau đánh máy lại, mới ký tên. Dầu sao, chúng ta cũng nên nhớ rằng những giấy đánh máy, những giấy biên đi chép lại, tuy bề ngoài có đẹp mắt hơn, nhưng bề trong đôi khi reo rắc sự ngờ vực cho người đọc, hoặc cho các vị có nhiệm vụ xét đoán hay phân xử sau này.

2— *Thể văn* : Pháp luật, án từ cần phải đích xác, phân minh và vô tư, cho nên biên bản cũng như mọi giấy

tờ về Tư-Pháp khác, cần phải được biên chép sao cho khúc triết, rõ ràng và không rườm rà, khó hiểu. Trong sách vở, người ta nói : thể văn dùng trong biên bản cần phải gọn gàng (concis), giản dị (simple), đích xác (précis), và vô cảm (impassible) nghĩa là khách quan và vô tư, không thiên lệch hay tỏ sự xúc động riêng của mình. Bên trên, chúng ta đã nói biên bản cần phải như một tấm ảnh, sự việc thế nào thì in ra như thế.

Có những tiếng bóng bẩy, du dương về văn-chương dùng thì rất hay, vì văn-chương cần nhạc điệu, và nghĩa bóng, nghĩa đen, nhưng trong văn án Tư-Pháp, thì không nên dùng vì sẽ gây sự hàm hồ khó hiểu, và mặt về vô cảm bên trên. Như mặt trăng thì gọi là gương nga, là ngọc thỏ, là hàng nga, là thiêm cung, hay quảng hàn cung, chẳng hạn Nếu cần lập biên bản thì mặt trăng xin cứ nói là mặt trăng, không nên gọi là chị nguyệt mà người đọc có thể tưởng lầm là cô nào tên Nguyệt tóc bóng ở đâu đó !

Cũng nên tránh luôn những danh từ những thành ngữ mà nhà báo ưa dùng, để thoả tai độc giả. Nào máu phung có vôi, nào nằm chết thê thảm, nào tai nạn khủng khiếp... nghe ghê sợ, nhưng ý nghĩa lắm khi rất tương đối. Đọc báo Pháp, người ta từng thấy viết « thủ phạm đã thốt ra nhiều lời đe dọa bằng một con dao » (l'auteur avait également proféré des menaces à l'aide d'un couteau) Thật là vô nghĩa : lời đe dọa mà lại bằng 1 con dao ! Nhưng câu như thế làm mất sự chính xác của một biên bản, tưởng khi thảo biên bản chúng ta cũng nên thận trọng.

3—*Thêm bớt, sửa chữa* : Bao nhiêu những sự bôi xoá, sửa chữa, thêm bớt, vì lý do đã dẫn bên trên, đều phải được mọi người quan thiết trong biên bản, ký xác nhận ở bên cạnh. Có những sự sửa chữa làm đảo ngược cả ý nghĩa, thí dụ bỏ một tiếng « có », hay thêm vào một con số không (0), thì đủ mà lật ngược thế cờ đi rồi, điều đó chắc ai cũng dư biết.

VI. — GIÁ-TRỊ CỦA BIÊN-BẢN

Một biên bản mà người lập không có tư cách hoặc lập không đúng thể thức luật định, thì sẽ không có

giá trị, và không ràng buộc được ai, hoặc ít ra người ta cũng phủ nhận hay phản đối một cách dễ dàng. Nhưng giả thuyết một biên bản lập hợp lệ, thì biên bản ấy sẽ được tin dùng đến mức nào ?

Nói một cách khác, biên bản ấy sẽ có tín lực ra sau ? Trừ một số các cơ-quan quá chuyên biệt lập ra và theo những luật lệ riêng (bên trên đã nói là gạt bỏ ra không bàn đến), những biên bản này nhiều khi có tín lực hầu như tuyệt đối, không ai chống cãi được, trừ phi là cơ Toà xác nhận là giả mạo (tiếng Luật gọi là có tín lực trí mạo tố, nghĩa là được tin dùng cho tới khi bị thừa là giả mạo).

Còn bao nhiêu các biên bản do Tư-Pháp Cảnh Lại lập ra, trong các vụ điều-tra hình-sự, thì nói chung chỉ có tín lực cho tới khi nào bị có bằng cứ ngược lại : tín lực trí phản chứng (faire foi jusqu'à preuve contraire). Nếu không ai phản đối hoặc chối cãi, thì Toà sẽ căn cứ theo biên bản, trái lại nếu có người khai dị nghị về biên bản thì Toà sẽ tự do xem xét lại, hoặc là cũng nhận định khác hẳn không chừng

Trong trường hợp biên bản thiếu một điểm gì, thí dụ người lập chưa đủ hẳn tư cách, hoặc người lập không trực tiếp mục đích sự việc, chẳng hạn, thì biên bản sẽ chỉ được coi như một tin tức thường, ai chấp xét thì chấp, còn không chấp xét thì thôi (valeur de simples renseignements).

Đ. T. M.

HỢP THƠ

BẠN - DÂN

Hai bạn Lê - xuân - Nhuận và Châu-đình-Thịnh : — Vẫn có số Xuân Bạn-Dân như ba năm rồi. Hai bạn cứ lo chuẩn bị bài là vừa.

Bà Văn Anh (Huế) : — Đã nhận được 2 bài và đã gửi bưu phiếu về Bà.

Bạn Đình - văn - Tài : — Đã nhận được thư. Mục « câu đố nát óc » kỳ này phải gát lại vì nhiều bài vở khác cần hơn.

(tiếp theo trang 4) NHỮNG NGƯỜI CÓ

Do đó, nhân vụ gọi là « vụ Phật giáo » xảy ra và dai dẳng trong mấy tháng vừa qua, người thức giả đã đặt câu hỏi :

— Thủ đoạn gì đây ?

Người ta thắc mắc vì không hiểu sao giữa lúc Việt-Nam Cộng-Hòa đang tiền mạnh trên đà chiến thắng liên tục trong công cuộc chống Cộng, lại có động cơ nào thúc đẩy phong trào Phật giáo, đấu độc dư luận gây ra khó khăn cho chính phủ, thậm chí đến cuộc bang giao giữa Hoa-Kỳ và Việt-Nam mặc dù vẫn tốt đẹp nhưng cũng không khỏi gặp một trạng huống khó chịu.

Mà ai lại khỏi nghi ngờ thắc mắc trong khi bản thân mình đã có kinh nghiệm về âm mưu và thủ đoạn của Cộng-sản, và biết chắc được mộng đế quốc của chúng ở vùng Đông Nam Á này.

Tuy nhiên, tình thế chưa phải là trở nên những người « chống Cộng phiêu lưu » nhận định được đâu là chân đâu là giả, đâu là lợi đâu là hại, và nhất là nếu những người có trách nhiệm đối với vận mệnh thế giới tự do biết để cao cảnh giác trước những âm mưu « ly gián » và thủ đoạn « thả sâu khoét trái » của Cộng-sản.

N. V.

NHIỆM

T
R
Á
C
H

